

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	NHỚ RỪNG Thế Lữ	Ngày soạn: Ngày dạy:
---------------------------	----------------------------------	-------------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú.
- Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Năng lực:

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ
- Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất: HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3')

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, cho biết bài thơ tác giả mượn lời của ai? Việc mượn lời như vậy có tác dụng gì?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm: Trong bài thơ tác giả mượn lời con hổ ở vườn bách thú => bộc lộ cảm xúc của mình...

***Báo cáo kết quả**

- Gv: gọi hs trả lời

- Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Các em ạ, những năm đầu thế kỷ XX, đặc biệt giai đoạn (1932 – 1942) xuất hiện 1 phong trào thơ với sự cách tân về nội dung và nghệ thuật, làm say lòng người - đó là phong trào thơ mới. Nó như 1 luồng gió thổi mát cả 1 nền văn học. Và nói đến phong trào thơ mới ta không thể không kể đến tên tuổi của nhà thơ Thế Lữ - người đã góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang cho thơ mới. Bài thơ tiêu biểu của ông mà chúng ta học hôm nay là bài thơ Nhớ rừng, tác giả đã mượn lời của con hổ ở vườn bách thú để bộc lộ rõ tâm trạng của mình và tâm trạng đó như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

-> Giáo viên nêu mục tiêu bài học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Hoạt động 1 : I. Giới thiệu chung (10') 1. Mục tiêu: - Hiểu được tiểu sử của tác giả Thế Lữ - Hiểu được hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ - Rèn cho hs kĩ năng làm việc cá nhân, cách đọc diễn cảm thơ 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá	I. Giới thiệu chung:

- Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động <i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên yêu cầu ? Nêu những nét hiểu biết của mình về tác giả? ? Nêu vị trí của bài thơ “Nhớ rừng” trong sự nghiệp của Thế Lữ ? ? Em có hiểu biết gì về bài thơ? ? Khi mượn lời con hổ ở vườn bách thú, nhà thơ muốn ta liên tưởng đến điều gì về con người? ? Nêu bố cục của bài thơ? - Học sinh tiếp nhận <i>*Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: trả lời, đọc. - Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu. <i>* Dự kiến sản phẩm:</i> - Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ - Bút danh: Thế Lữ - Quê: Bắc Ninh (Gia Lâm- Hà Nội) - Thế Lữ là một trong những nhà thơ mới đầu tiên góp phần làm nên chiến thắng cho phong trào Thơ mới. - Ngoài sáng tác thơ, còn viết truyện trinh thám, kinh dị... - Trước cách mạng ông viết báo, sáng tác thơ, văn, biểu diễn kịch. Sau cách mạng ông chuyển sang hoạt động sân khấu và trở thành một trong những người xây dựng nền kịch nói hiện đại Việt Nam. - Được nhà nước tặng giải thưởng HCM về VHNT: 2003. - Tác phẩm chính : Mấy vần thơ (1935) Vàng và máu (1934) ... Gv: Sử dụng ảnh chân dung để giới thiệu về tác giả “ Độ ấy Thơ mới vừa xuất hiện. Thế Lữ như vầng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dầu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều nhưng người ta không	1. Tác giả: - Thế Lữ (1907–1989), tên thật là Nguyễn Thứ Lễ. - Quê: Bắc Ninh. - Ông là nhà thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ mới chặng đầu (1932 – 1935).
--	---

thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Trong “ TNVN” Hoài Thanh viết: Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ. Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay. - “Thơ mới” lúc đầu dùng để gọi tên một thể thơ: thơ tự do. Khoảng sau năm 1930 một loạt thi sĩ trẻ xuất thân “Tây học” lên án “thơ cũ” (chủ yếu là thơ Đường Luật) là khuôn sáo, trói buộc. Họ đòi đổi mới thơ ca và đã sáng tác những bài thơ khá tự do, số câu số chữ trong bài không có hạn định gọi đó là “Thơ mới”. Nhưng rồi “Thơ mới” không chỉ để gọi thể thơ tự do mà chủ yếu dùng để gọi một phong trào thơ có tính chất lãng mạn tiểu tư sản bột phát năm 1932 và kết thúc vào năm 1945 gắn liền với tên tuổi của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Cận....Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc trong vòng 15 năm. Trong Thơ mới số thơ tự do không nhiều mà chủ yếu là thơ bảy chữ, lục bát, tám chữ không còn bị ràng buộc bởi những quy tắc nghiêm ngặt của thi pháp cổ điển. - Bài thơ “Nhớ rừng” in trong tập “Mấy vần thơ”, năm 1935. Đó là thời kì đất nước ta đang trong cảnh bị thực dân Pháp đô hộ, nhân dân chịu cảnh lầm than, khi tình hình cách mạng Việt Nam sau Xô Viết Nghệ Tĩnh đang tạm thời thoái trào. - “Nhớ rừng” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ, in trong tập “ Mấy vần thơ” và được đánh giá là tác phẩm mở đường cho sự chiến thắng của thơ mới “Nhớ rừng” là “lời con hổ trong vườn bách thú”. Tác giả mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để tiện nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc tâm sự u uất của một lớp người lúc bấy giờ. Đó là tâm sự của “Thế hệ 1930”, những thanh niên trí thức “Tây học” vừa thức tỉnh ý thức cá nhân, cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đương thời. Đây cũng là tâm sự chung của mọi người dân Việt Nam	2. Văn bản: a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại: - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: sáng tác năm 1934, in trong tập “Mấy vần
--	--

Hs đọc đoạn 1. ? Hãy tìm những từ ngữ diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ? ? Em hiểu ntn về từ “gặm” và từ “khối” (nghĩa và loại từ)? Có thể thay thế chúng bằng những từ ngữ khác được không ? ? Từ thế “năm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ? ? Như vậy ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Âm điệu của hai câu thơ mở đầu ntn? ? Từ đó ta thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ như thế nào? ? Khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú, con hổ tỏ thái độ ntn với con người và những con vật khác xung quanh? Thái độ đó thể hiện qua những từ ngữ nào? ? Tại sao con hổ lại có tâm trạng như vậy? *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời - Giáo viên: nhận xét - Dự kiến sản phẩm: Hs đọc đoạn 1. ? Hãy tìm những từ ngữ diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ? - Hoàn cảnh: trong cũi sắt, năm dài trông ngày tháng dần qua. - Tâm trạng: gặm, khối căm hờn. ? Em hiểu ntn về từ “gặm” và từ “khối” (nghĩa và loại từ)? Có thể thay thế chúng bằng những từ ngữ khác được không ? - Gặm: động từ, dùng răng, miệng mà ăn dần, cắn dần từng chút một cách chậm chạp. => Sự gặm nhấm đầy uất ức và bất lực của con hổ khi bị mất tự do. - “Khối căm hờn” gợi cho ta có cảm giác như trông thấy sự căm hờn có hình khối rõ ràng. Căm hờn, uất ức vì bị mất tự do đã kết tụ lại thành khối, thành tảng, cứng như những chấn song sắt lạnh lùng kia.	
---	--

- Gặm: ĐT, Khối: danh từ - Gặm= ngậm: Khối= mỗi-> mức độ biểu cảm kém đi ? Tư thế “nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ? - Tình thế buông xuôi bất lực, ngày đêm gặm nhấm nỗi căm hờn. ? Như vậy ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Âm điệu của hai câu thơ mở đầu ntn? ? Từ đó ta thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ntn? Tác giả đã sử dụng thủ pháp đối lập, câu thơ đầu 8 tiếng thì 5 tiếng là thanh trắc, câu thơ thứ hai 8 tiếng thì 7 tiếng là thanh bằng, giọng điệu chán trường, u uất, một loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp cách ngắt nhịp dồn dập, lúc kéo dài như một tiếng thở dài ngao ngán. Đặc biệt là việc sử dụng từ ngữ rất gợi cảm : “gặm”... giúp ta cảm nhận được nỗi căm uất, tuyệt vọng cứ gặm nhấm dần để huỷ hoại tư tưởng của con hổ. ? Khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú, con hổ tỏ thái độ ntn với con người và những con vật khác xung quanh? Thái độ đó thể hiện qua những từ ngữ nào? - Khinh ghét con người gọi họ là lũ “ngạo mạn, ngấn ngó”. - Nỗi nhục bị biến thành trò chơi lạ mắt tầm thường (Giương mắt bé giễu...) - Bất bình vì bị ở chung cùng “bọn gấu dở hơi, cặp báo vô tư lự” ? Tại sao con hổ lại có tâm trạng như vậy? - Vì hổ là chúa sơn lâm, chúa tể của muôn loài, giờ bị xem thường như những kẻ thấp kém địa vị, song quan trọng hơn nó đau xót cho lũ gấu, báo không biết được nỗi nhục nhằn tù hãm. => Nó khinh lũ người nhỏ bé bên ngoài, nó cảm thấy nhục nhã phải hạ mình ngang hàng với bọn gấu, báo. Lúc này hổ thấm thía thân phận “Hùm thiêng khi đã sa cơ cùng hèn”. <i>*Báo cáo kết quả: trình bày.</i> <i>*Đánh giá kết quả</i>	- NT: đối lập giọng điệu chán chường, sử dụng ĐT mạnh, danh từ hóa tính từ => - Hoàn cảnh: bị giam cầm trong cũi sắt. - Tâm trạng: uất ức, sự buông xuôi, bất lực. Thấy khinh ghét, nhục nhã, đau xót.
--	--

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. Nhiệm vụ 2: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: Yêu cầu h/s đọc tiếp đoạn 4. ? Dưới con mắt của con hổ cảnh vườn bách thú hiện ra qua những chi tiết nào? Đó là cảnh ntn? ? Cảnh tượng ấy đã gây nên phản ứng nào trong tình cảm của con hổ? Qua đó em hiểu “niềm uất hận ngàn thâu” ntn? ? Em có nhận xét gì về giọng điệu đoạn thơ, cách sử dụng từ ngữ? Cho ta thấy tâm trạng con hổ như thế nào? ? Qua việc phân tích hai đoạn thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của con hổ ở vườn bách thú? ? Nếu ta đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác của nó thì tâm trạng ấy còn là của ai? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân, cặp đôi. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: Hs đọc ? Dưới con mắt của con hổ cảnh vườn bách thú hiện ra qua những chi tiết nào? Đó là cảnh ntn? - Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng. Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng. Len dưới nách những mô gò thấp kém. Dăm vùng lá không bí hiểm. -> Tất cả chỉ là đơn điệu, nhàm tẻ, chỉ là nhân tạo do bàn tay sửa sang, tía tót của con người nên rất “tầm thường”, giả dối chứ không phải là thế giới tự nhiên to lớn mạnh mẽ, bí hiểm. ? Cảnh tượng ấy đã gây nên phản ứng nào trong tình cảm của con hổ? Qua đó em hiểu “niềm uất hận ngàn thâu” ntn? - Gây nên phản ứng đó là niềm uất hận. Đó là trạng thái bức	
---	--

bội, u uất kéo dài vì phải sống chung với mọi sự tầm thường giả dối. ? Em có nhận xét gì về giọng điệu đoạn thơ, cách sử dụng từ ngữ? Cho ta thấy tâm trạng con hổ như thế nào? - Giọng giễu nhại, cách ngắt nhịp ngắn, dồn dập, từ ngữ liệt kê liên tiếp. -> Tâm trạng bức bối, chán chường, khinh ghét với thực tại, phủ nhận thực tại, khao khát sự cao cả, phi thường. ? Qua việc phân tích hai đoạn thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của con hổ ở vườn bách thú? - Đó là tâm trạng chán ghét cuộc sống thực tại tù túng, tầm thường, giả dối. - Khao khát được sống tự do, chân thực. THẢO LUẬN CẶP ĐÔI (2') ? Nếu ta đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác của nó thì tâm trạng ấy còn là của ai? - Thái độ ngao ngán, chán ghét cuộc sống thực tại tầm thường, tù túng. Đó chính là tiếng lòng, là nỗi ngao ngán của người dân nô lệ trong cảnh đời tối tăm, u buồn. Gv: Điều đó giúp cho bài thơ có tiếng vang rộng rãi và ít nhiều có tác dụng khơi dậy tình cảm yêu nước, khát khao độc lập tự do của người dân VN khi đó. <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i>	- Giọng giễu nhại, cách ngắt nhịp ngắn, dồn dập, từ ngữ liệt kê liên tiếp. => + Cảnh vườn bách thú: đơn điệu, nhàm tẻ, tầm thường, giả dối, tù túng. + Sự khinh ghét, chán chường thực tại đến mức cao độ.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(3')

1. Mục tiêu: hs biết cách đọc diễn cảm bài thơ
2. Phương thức thực hiện: hs đọc trước lớp
3. Sản phẩm hoạt động: hs đọc đúng ngữ điệu bài thơ
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - Giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên cho hs đọc diễn cảm toàn bộ bài thơ
- Học sinh tiếp nhận: đọc lại bài thơ

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: đọc thầm

Giáo viên: quan sát hs làm việc

Dự kiến sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của hồ

***Báo cáo kết quả:** Hs: đọc to trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG- TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1')

1. Mục tiêu:

- Hiểu sâu sắc về đặc điểm của thơ mới
- Hiểu được con người của Thế Lữ, cũng như cảm hứng sáng tác
- Giáo dục ý thức tự giác trong quá trình học

2. Phương thức thực hiện: Hs: về nhà tìm hiểu qua các tài liệu sách báo

3. Sản phẩm hoạt động: Hs: ghi chép lại ra sổ tay học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Hs: làm việc cá nhân ở nhà

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv: giao nhiệm vụ

? Về nhà tìm hiểu thêm đặc điểm của thơ mới những năm đầu thế kỷ XX, tìm hiểu thêm về thân thế nhà thơ Thế Lữ

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: về nhà thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

GV: nhận xét, đánh giá

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....

Tuần:	NHỚ RỪNG	Ngày soạn:
-------	-----------------	------------

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: học sinh trả lời ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Gv: đánh giá hs -Hs: đánh giá lẫn nhau 5. Tiến trình hoạt động: Nhiệm vụ 1: * Chuyển giao nhiệm vụ Gọi HS đọc đoạn 2 ? Trong hoàn cảnh bị nhốt ở vườn bách thú, con hổ nhớ tới điều gì? ? Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi tiết nào? ? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và nghệ thuật của tác giả? Tác dụng của nghệ thuật (Cảnh thiên nhiên hiện lên ntn)? ? Giữa không gian hoang vu, hùng vĩ ấy hình ảnh chúa tể của muôn loài hiện lên ntn? ? Em hiểu từ “quắc” như thế nào? (từ loại, tác dụng) ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu của khổ thơ? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: Đọc- nghe ? Trong hoàn cảnh bị nhốt ở vườn bách thú, con hổ nhớ tới điều gì? - Hổ nhớ tới những ngày oanh liệt trong chốn giang sơn hùng vĩ của nó. ? Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi tiết nào? - Bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, khúc trường ca dữ dội... ? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và nghệ thuật của tác giả? Tác dụng của nghệ thuật (Cảnh thiên nhiên	2. Nỗi nhớ tiếc quá khứ của hổ. a. Nhớ giang sơn hùng vĩ.
---	---

hiện lên ntn)? - Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động “gào, thét”, những DT, TT phong phú => Cảnh đại ngàn xưa kia lớn lao, phi thường, mạnh mẽ và hoang vu, bí ẩn. ? Giữa không gian hoang vu, hùng vĩ ấy hình ảnh chúa tể của muôn loài hiện lên ntn? - Bước chân đông dặc, đường hoàng. Lượn tấm thân như sóng cuộn. mắt thần đã quắc, mọi vật im lìm. Ta biết ta chúa tể cả muôn loài. => Tư thế đông dặc, đường hoàng, oai phong, lẫm liệt với tâm trạng hài lòng. ? Em hiểu từ “quắc” như thế nào? (từ loại, tác dụng) - ĐT: cực tả ánh mắt dữ dội đủ sức chế ngự muôn loài của chúa sơn lâm. ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu của khổ thơ? - Nghệ thuật so sánh: tấm thân của chúa sơn lâm với sóng biển (liền tường độc đáo và rất đẹp) làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con hổ - Sử dụng các từ ngữ gợi tả hình dáng. - Nhịp thơ ngắn, uyển chuyển, giọng điệu hùng tráng, dữ dội. => Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình, diễn tả chính xác vẻ đẹp uy nghi, dũng mãnh mềm mại, uyển chuyển của chúa tể sơn lâm. Gv bổ sung: Trên cái phong nền núi rừng hùng vĩ đó, hình ảnh con hổ hiện ra nổi bật với một vẻ đẹp oai phong lẫm liệt, với tư thế dũng ... Trái ngược hẳn với cảnh giả tạo, tầm thường nơi vườn bách thú, thiên nhiên trong trí nhớ của chúa sơn lâm thật lớn lao, mạnh mẽ, phi thường. Và trong cái phong nền ấy, chúa sơn lâm từ từ xuất hiện đúng vào lúc thiên nhiên đang ở đỉnh cao dữ dội. Đầu tiên là bàn chân “dông...”.	- Sử dụng: động từ, tính từ, danh từ, điệp ngữ “với” => Cảnh đại ngàn xưa kia lớn lao, phi thường, mạnh mẽ và hoang vu, bí ẩn. - NT: so sánh, từ ngữ gợi tả hả, nhịp thơ..., động từ mạnh. -> Chúa sơn lâm oai phong, lẫm liệt.
--	---

Câu thơ như đoạn phim cận cảnh quay chi tiết, thu hút sự chú ý của khán giả. Sau bàn chân là “tấm thân” xuất hiện. Chiều dài của tấm thân to lớn trải ra theo chiều dài câu thơ, một sự mềm mại tích chứa sức mạnh: “Lượn...”. Đoạn thơ dựng lên chân dung của chúa sơn lâm chỉ với ba chi tiết: bàn chân, tấm thân và ánh mắt nhưng đã làm rõ cái oai hùng chế ngự cả cảnh vật của chúa sơn lâm khi đi qua “Khiến ...”. Hồ nhận thức đầy kiêu hãnh về sức mạnh của mình; “Ta... /... tuổi”? <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Nhiệm vụ 2: <i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> Gọi HS đọc đoạn 2 Yêu cầu h/s theo dõi khổ 3. ? Ở đoạn thơ này con hồ nhớ lại những kỉ niệm gì về chốn rừng xưa ? THẢO LUẬN NHÓM (5’) ? Có ý kiến cho rằng đoạn thơ như “bộ tranh tứ bình độc đáo” về chúa sơn lâm? Ý kiến của em ntn? ? Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ? ? Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần diễn tả tâm trạng của con hồ ntn? - Học sinh tiếp nhận. <i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: ? Ở đoạn thơ này con hồ nhớ lại những kỉ niệm gì về chốn rừng xưa ?	b. Nhớ những khoảnh khắc đẹp:
---	---

Những đêm vàng bên bờ Ngày mưa chuyển bốn ... Bình minh cây xanh nắng Những chiều lênh láng máu... ? Có ý kiến cho rằng đoạn thơ như “bộ tranh tứ bình độc đáo” về chúa sơn lâm? Ý kiến của em ntn? - Đoạn 3: có thể coi như một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy. Bối cảnh là cảnh núi rừng hùng vĩ, tráng lệ với con hổ uy nghi làm chúa tể. + Đó là cảnh “đêm vàng bên bờ suối” hết sức diễm ảo với hình ảnh con hổ “say mồi đứng tan” đầy lẫm mạn, diễm ảo. + Đó là cảnh “ngày mưa chuyển...” với hình ảnh con hổ mang dáng dấp đế vương đang yên lặng ngắm giang sơn của mình. + Đó là cảnh “bình minh cây xanh nắng gội” tương bừng, chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim đang ca hát cho chúa sơn lâm ngủ. + Đó là hình ảnh chúa sơn lâm đang khao khát chờ đợi bóng đêm để mặc sức tung hoành nơi vương quốc rộng lớn, đầy bí ẩn của mình. ? Em có nhận xét gì về những cảnh trên? - Cảnh nào núi rừng cũng mang vẻ đẹp hùng vĩ thơ mộng và con hổ nổi bật lên với tư thế lẫm liệt, kiêu hùng của một chúa sơn lâm đầy uy lực. Gv bổ sung: Ở cảnh nào núi rừng cũng mang vẻ đẹp hùng vĩ thơ mộng và con hổ nổi bật lên với tư thế lẫm liệt, kiêu hùng, đúng là một chúa sơn lâm đầy uy lực. Các màu vàng, xanh, đỏ hòa quện với nhau tạo cho bộ tứ bình thêm lộng lẫy, mạnh mẽ, đầy ấn tượng. Ta biết Thế Lữ từng học trường Cao đẳng Mĩ Thuật Đông Dương cho nên ông đã vận dụng kiến thức hội họa để tăng cường hiệu lực diễn tả của văn chương.	+ Đêm vàng: Một chàng trai, một thi sĩ mơ màng. + Ngày mưa chuyển bốn phương ngàn: Một đế vương oai phong đang lặng ngắm giang sơn. + Bình minh : Một chúa rừng đang ru mình trong giấc ngủ. + Hoàng hôn : Một vị chúa khao khát chờ đợi bóng đêm để tung hoành.
--	--

Cảnh thiên nhiên có những chi tiết, những nét đậm rõ, có màu sắc, có âm thanh, khi từng bừng tươi sáng, khi âm lặng bí ẩn- sự im lặng thiêng liêng nhưng có phần ghê rợn, kì ảo, quyến rũ. Tác giả nâng uy quyền của chúa sơn lâm bằng cách để nó đối diện với thiên nhiên tạo hóa... Cả 4 cảnh con hổ đều ở tư thế chế ngự: say mồi, đứng uống, lặng ngắm giang sơn, đợi chết mảnh..., để chiếm lấy. Trong đó, đẹp nhất, dữ dội nhất, bi tráng nhất là cảnh hoàng hôn. Bức tranh rực rỡ gam đỏ: đỏ của màu máu lênh láng, đỏ của mặt trời gay gắt. Tác giả dùng từ “mảnh” để gọi mặt trời, tưởng như mặt trời cũng bé đi trong mắt nhìn loài hổ. Không khí chết chóc bao trùm... chỉ chút nữa thôi vũ trụ sẽ chìm trong bóng tối, chỉ còn oai linh loài hổ. Đây là điểm cao trào nhất của quyền lực gần như bất tử. Nhưng từ đỉnh cao huy hoàng của sự hồi tưởng hổ đã sức tình thân tù: “Than ôi...” ? Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ? - Điệp từ “ta” thể hiện khí phách ngang tàng làm chủ. - Điệp từ “nào đâu, đâu những” câu cảm thán, câu hỏi tu từ cuối bài diễn tả nỗi nhớ tiếc quá khứ khôn nguôi. - Hình ảnh ẩn dụ “đêm vàng”: đêm trăng sáng mọi vật như được nhuộm màu vàng, ánh trăng như tan chảy trong không gian. ? Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần diễn tả tâm trạng của con hổ ntn? - Tiếc nỗi cuộc sống thơ mộng, tự do giữa chốn sơn lâm. *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 3: Niềm khao khát giấc mộng ngàn của hổ (10’)	- Giọng điệu hùng tráng, tha thiết, dồn dập. Điệp ngữ: “Đâu”, “nào đâu”, “ta”; ẩn dụ, câu hỏi tu từ => Diễn tả thắm thía nỗi nuối tiếc quá khứ vàng son.
--	--

1.Mục tiêu: -Hiểu được niềm khao khát tự do cháy bỏng của hồ 2. Phương thức thực hiện:Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: học sinh trả lời ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Gv: đánh giá hs -Hs: đánh giá lẫn nhau 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: Yêu cầu hs đọc đoạn 4, 5 Theo dõi đoạn 4: ? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng con hổ ? Vì sao hổ lại có tâm trạng như vậy ? Đoạn cuối con hổ nhắn gửi tới ai ? Qua lời nhắn gửi em hiểu được điều gì về mãnh hổ - Học sinh tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ Học sinh:làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm Giáo viên:quan sát các nhóm làm việc Dự kiến sản phẩm +Tâm trạng uất hận, ghét -Vì có sự đối lập giữa cảnh hiện tại và cảnh trong quá khứ - +Hoa chăm cỏ chen lối phẳng cây trồng >< bóng cả cây già +Dải nước đen giả suối >< giọng nguồn hét núi.... =>Thái độ ngao ngán, chán trường ở con hổ cũng chính là thái độ củangười dân đối với xã hội *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 4: Tổng kết (5')	3. Niềm khao khát giấc mộng ngàn của hổ. - Mở đầu và kết thúc bằng hai câu cảm thán, bắt đầu bằng từ “hỡi”. -> Bộc lộ trực tiếp nỗi tiếc nhớ cuộc sống chân thật, tự do. Đó là một bi kịch lớn. => Thể hiện khát vọng được sống chân thật cuộc sống của mình, trong xứ sở của mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.
---	---

1. Mục tiêu: -nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: hs trả lời ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Hs đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ ? Khái quát nghệ thuật đặc sắc ? Nội dung tư tưởng bài thơ *Thực hiện nhiệm vụ Học sinh: suy nghĩ trả lời Giáo viên:quan sát,gọi ý hs trả lời Dự kiến sản phẩm: - Cảm hứng lãng mạn phong phú, mãnh liệt. - Sử dụng hệ thống hình ảnh thơ giàu chất tạo hình: mang đường nét, hình khối, màu sắc rõ ràng. - Ngôn ngữ, nhạc điệu, tiết tấu cực kì phong phú, rõ ràng, gợi cảm. (Ghi nhớ sgk) *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(7') 1. Mục tiêu:	III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật: - Cảm hứng lãng mạn phong phú, mãnh liệt. - Sử dụng hệ thống hình ảnh thơ giàu chất tạo hình: mang đường nét, hình khối, màu sắc rõ ràng. - Ngôn ngữ, nhạc điệu, tiết tấu cực kì phong phú, rõ ràng, gợi cảm. 2. Nội dung: * Ghi nhớ: (SGK/7).
---	--

-Vận dụng các kiến thức vừa học vào trả lời câu hỏi 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động:trình bày ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ ? Để khắc họa chân dung của con hổ, tác giả đã sử dụng thành công thủ pháp tương phản? Hãy chỉ ra các thủ pháp tương phản đối lập ấy *Thực hiện nhiệm vụ Học sinh:làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm Giáo viên:quan sát các nhóm làm việc Dự kiến sản phẩm: - Có hai cảnh tượng đối lập chính chi phối cấu trúc bài thơ <table border="1" data-bbox="172 1003 1023 1397"> <tr> <th>Hiện tại (Đoạn 1-4)</th><th>Quá khứ (Đoạn 2-3)</th></tr> <tr> <td>- Vườn bách thú : bị giam cầm</td><td>- Núi non hùng vĩ, tự do vẫy vùng</td></tr> <tr> <td>- Thực tại tầm thường,nhân tạo</td><td>- Gắn với mộng tưởng về thế giới đẹp đẽ của thiên tạo</td></tr> <tr> <td>=>Thái độ căm ghét</td><td>=>Khao khát ước mơ</td></tr> </table> *Báo cáo kết quả -Hs: trình bày lên bảng phụ *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	Hiện tại (Đoạn 1-4)	Quá khứ (Đoạn 2-3)	- Vườn bách thú : bị giam cầm	- Núi non hùng vĩ, tự do vẫy vùng	- Thực tại tầm thường,nhân tạo	- Gắn với mộng tưởng về thế giới đẹp đẽ của thiên tạo	=>Thái độ căm ghét	=>Khao khát ước mơ	IV. Luyện tập.
Hiện tại (Đoạn 1-4)	Quá khứ (Đoạn 2-3)								
- Vườn bách thú : bị giam cầm	- Núi non hùng vĩ, tự do vẫy vùng								
- Thực tại tầm thường,nhân tạo	- Gắn với mộng tưởng về thế giới đẹp đẽ của thiên tạo								
=>Thái độ căm ghét	=>Khao khát ước mơ								

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(6')

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
 2. Phương thức thực hiện: HĐ cặp đôi
 3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS
 4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

? Qua việc tìm hiểu văn bản em thấy tác giả là con người như thế nào ?Tìm những văn bản của các tác giả khác cũng bộc lộ tâm trạng yêu nước thầm kín giống như nhà thơ Thế Lữ

* Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh:làm việc cá nhân, trao đổi với bạn

Giáo viên:quan sát các nhóm làm việc

Dự kiến sản phẩm:

-Tác giả là con người có lòng yêu nước thầm kín và niềm khao khát tự do cháy bỏng

* Báo cáo kết quả: Hs: trình bày

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(2')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: HĐ Cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs viết đoạn văn ra vở soạn

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

? Chọn một đoạn thơ trong bài mà em cho là hay nhất ? Viết một đoạn văn từ 5-7 câu trình bày cảm nghĩ của em về đoạn thơ đó

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh:làm việc cá nhân ở nhà

Giáo viên:

- quy định cụ thể thời gian cho thực hiện

-Hướng dẫn viết đoạn văn:viết đúng hình thức một đoạn văn, chỉ ra đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn văn đó

*Báo cáo kết quả

-Hs: nộp vở cho gv kiểm tra

*Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

Tuần 19:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết: 75

CÂU NGHI VẤN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác.
Nhắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.

2. Năng lực:

- HS có kỹ năng dùng câu nghi vấn.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng từ, câu chính xác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh: học bài cũ, Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (2 phút)

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

*Chuyển giao nhiệm vụ

Gv : Ghi ví dụ lên bảng

Ví dụ: Con đã ăn cơm chưa

? Câu trên thực hiện mục đích gì? Nó thuộc kiểu câu gì?

* Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

Dự kiến sản phẩm: Thực hiện mục đích hỏi

* Báo cáo kết quả

- Gv: gọi hs trả lời

- Hs: trả lời

* Đánh giá kết quả

- Hs: nhận xét

- Gv: nhận xét hs

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Hoạt động 1: Đặc điểm hình thức và chức năng chính:(13 phút) 1.Mục tiêu: Nắm được đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: Yêu cầu hs đọc ví dụ phần I. ? Trong đoạn trích trên câu nào là câu nghi vấn. ? Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi	I. Đặc điểm hình thức và chức năng chính: 1. Ví dụ:

vấn ? Các câu nghi vấn đó dùng để làm gì. ? Những câu vừa xét là câu nghi vấn. Vậy em cho biết đặc điểm và chức năng của câu nghi vấn là gì. *Thực hiện nhiệm vụ Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Giáo viên: quan sát hs làm việc Dự kiến sản phẩm - Các câu nghi vấn: + Sáng ngày người ta đâm u có đau lắm không? + Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? + Hay là u thương chúng con đói quá? - Đặc điểm hình thức: + Có chứa từ ngữ dùng để hỏi: “Không”, “làm sao”, “hay”... + Cuối câu có dấu (?) - Chức năng: dùng để hỏi. *Báo cáo kết quả Gv: gọi hs trả lời -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, yêu cầu hs đọc ghi nhớ (SGK) HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(25’) 1. Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân, nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động	2. Nhận xét: - Hình thức: có những từ nghi vấn và dấu chấm hỏi cuối câu. - Chức năng chính: dùng để hỏi. 3. Ghi nhớ: sgk/ 11 II. Luyện tập:
---	---

*Chuyển giao nhiệm vụ : yêu cầu hs mở vở bài tập ra để làm các bài tập *Thực hiện nhiệm vụ Bài tập 1: Hoạt động cá nhân Học sinh: làm việc cá nhân Giáo viên:quan sát hs làm Dự kiến sản phẩm: Các câu nghi vấn: a. Chị khát tiền sưu đến mai phải không? b. Tại sao con người lại phải khiếm tốn như thế? c.Văn là gì? Chương là gì? d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không? - Đùa trò gì? - Hừ...Hừ...Cái gì thế? - Chị Cốc béo xù đứng trước nhà ta đấy hả? Bài tập 2: Hoạt động cặp đôi Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi với bạn bên cạnh Giáo viên:quan sát hs làm Dự kiến sản phẩm: - Căn cứ vào đặc điểm hình thức. Chứa từ “hay” chỉ quan hệ lựa chọn. Cuối câu có dấu (?) - Căn cứ vào chứng năng: dùng để hỏi. - Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” bởi từ “hoặc” chỉ quan hệ lựa chọn nhưng không mang rõ chức năng hỏi. Bài tập 3: : Hoạt động cá nhân Học sinh: làm việc cá nhân Giáo viên:quan sát hs làm	Bài 1 / 11 a. Chị khát tiền sưu đến mai phải không? b. Tại sao con người lại phải khiếm tốn như thế? c.Văn là gì? Chương là gì? d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không? - Đùa trò gì? - Hừ...Hừ...Cái gì thế? - Chị Cốc béo xù đứng trước nhà ta đấy hả? 2. Bài 2 / 12 - Căn cứ vào đặc điểm hình thức. Chứa từ “hay” chỉ quan hệ lựa chọn. Cuối câu có dấu (?) - Căn cứ vào chứng năng: dùng để hỏi. - Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” bởi từ “hoặc” chỉ quan hệ lựa chọn nhưng không mang rõ chức năng hỏi. 3. Bài 3 / 13. - Không thể - Vì đó không phải là
---	--

Dự kiến sản phẩm: - Không thể - Vì đó không phải là câu nghi vấn. Bài tập 4: Hoạt động nhóm theo bàn Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm Giáo viên: quan sát hs làm Dự kiến sản phẩm: - Hình thức + giống: cùng sử dụng dấu ? cuối câu + khác nhau: cặp từ nghi vấn dùng để hỏi đã chưa không. - ý nghĩa: a. hỏi thăm sức khỏe của thời hiện tại, không biết trước đó tình trạng sức khỏe của người được hỏi như thế nào. b. hỏi thăm sức khỏe hiện tại nhưng người hỏi biết rõ trước đó người được hỏi có tình trạng sức khỏe không tốt Bài tập 5,6: : Hoạt động cá nhân Học sinh: làm việc cá nhân Giáo viên: quan sát hs làm Dự kiến sản phẩm: Bài 5: a. Bao giờ anh đi Hà Nội? <i>Bao giờ</i> đứng ở đầu câu: hỏi về thời điểm sẽ thực hiện hành động đi. b. Anh đi Hà Nội bao giờ? <i>Bao giờ</i> đứng ở cuối câu: hỏi về thời gian đã diễn ra hành động đi. Bài 6:	câu nghi vấn. 4. Bài 4 / 13 - Hình thức + giống: cùng sử dụng dấu ? cuối câu + khác nhau: cặp từ nghi vấn dùng để hỏi đã chưa không. - ý nghĩa: a. hỏi thăm sức khỏe của thời hiện tại, không biết trước đó tình trạng sức khỏe của người được hỏi như thế nào. b. hỏi thăm sức khỏe hiện tại nhưng người hỏi biết rõ trước đó người được hỏi có tình trạng sức khỏe không tốt 5. Bài 5 / 13 a. Bao giờ anh đi Hà Nội? <i>Bao giờ</i> đứng ở đầu câu: hỏi về thời điểm sẽ thực hiện hành động đi. b. Anh đi Hà Nội bao giờ? <i>Bao giờ</i> đứng ở cuối câu: hỏi về thời gian đã diễn ra hành động
---	---

<i>a. Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế?</i> Câu nghi vấn này đúng và người hỏi đã tiếp xúc với sự vật, hỏi để biết trọng lượng chính xác của sự vật đó. <i>b. Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế?</i> Câu nghi vấn này sai vì người hỏi chưa biết giá chính xác của chiếc xe thì sẽ không phân biệt được mắc hay rẻ được. *Báo cáo kết quả -Hs: trình bày trên bảng *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	đi. 6. Bài 6 / 13 <i>a. Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế?</i> Câu nghi vấn này đúng và người hỏi đã tiếp xúc với sự vật, hỏi để biết trọng lượng chính xác của sự vật đó. <i>b. Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế?</i> Câu nghi vấn này sai vì người hỏi chưa biết giá chính xác của chiếc xe thì sẽ không phân biệt được mắc hay rẻ được.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(6')

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

Gv: giao nhiệm vụ

?Viết 1 đoạn văn ngắn về chủ đề quê hương, trong đó có sử dụng 1 câu nghi vấn

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên: quan sát hs làm việc

*Báo cáo kết quả

Gv: gọi hs lên bảng thực hiện

-Hs: làm lên bảng

*Đánh giá kết quả

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(01')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: Cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs làm ra vở soạn

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

?Liệt kê các câu nghi vấn trong các văn bản đã học

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

Giáo viên: quy định cụ thể thời gian cho thực hiện(tiết sau kiểm tra)

*Báo cáo kết quả

-Hs: nộp vở cho gv kiểm tra

*Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết:

VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Biết cách sắp xếp ý trong đoạn văn thuyết minh cho hợp lí.

2. Năng lực: HS có kĩ năng viết đoạn văn thuyết minh

Năng lực trình bày nội dung đoạn văn đúng và hay..

3. Phẩm chất: HS có ý thức tìm ý và lập dàn ý trong làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3')

1. Mục tiêu:

-Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

*Chuyển giao nhiệm vụ

GV:nêu câu hỏi

? Dựa vào kiến thức đã học hãy nêu đặc điểm hình thức và nội dung của một đoạn văn.

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

Dự kiến sản phẩm:

- Hình thức : có từ 3 câu văn trở lên, chữ cái đầu dòng viết hoa, lùi vào một ô

- Nội dung: diễn đạt một nội dung hoàn chỉnh

*Báo cáo kết quả

-Gv: gọi hs trả lời

-Hs: trả lời

*Đánh giá kết quả

Hs: nhận xét

GV: chuẩn kiến thức: Muốn viết một bài văn hoàn chỉnh, ngoài nắm được các phương pháp thuyết minh, ta phải biết cách viết đoạn văn. Vậy, đoạn văn trong văn bản thuyết minh thường được viết như thế nào? Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu._

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Hoạt động 1: Nhận dạng các đoạn văn thuyết minh: (23') 1. Mục tiêu: - Nhận dạng được đặc điểm của đoạn văn thuyết minh - Biết phân biệt đoạn văn thuyết minh với đoạn văn của các thể loại văn bản khác 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu HS theo dõi các đoạn văn trong sgk ? Đoạn văn gồm mấy câu? ? Từ nào được nhắc lại trong các câu đó? Dạng ý? ? Chủ đề của đoạn văn là gì? Chủ đề đó tập trung ở câu nào? ? Đây có phải là đoạn văn miêu tả, kể chuyện, nghị luận	I. Đoạn văn trong văn bản thuyết minh: 1. Nhận dạng các đoạn văn thuyết minh:

P.V.Đồng. C3: quan hệ của ông với Chủ tịch HCM. Nhận xét gì về đặc điểm của đoạn văn thuyết minh: - Giới thiệu về vấn đề thuyết minh và thuyết minh về vấn đề đó. - Các câu có quan hệ mật thiết với nhau và tập trung thể hiện chủ đề. *Báo cáo kết quả Gv: gọi hs trả lời -Hs:trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Hoạt động 2: <i>Sửa lại các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn:</i> 1. Mục tiêu - Biết cách nhận dạng một đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn - Rèn kỹ năng tìm ý và sắp xếp các ý trong đoạn văn thuyết minh 2. Phương thức thực hiện:Hoạt động cá nhân, nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: học sinh trả lời ra giấy nháp 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Gv: đánh giá hs - Hs: đánh giá lẫn nhau 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: Đặt câu hỏi ? Nội dung của các đoạn văn là gì? ? Theo em, để thuyết minh một sự vật chúng ta phải làm theo quy trình nào? ? Như vậy, 2 đoạn văn trên chưa hợp lý ở chỗ nào? ? Dựa vào dàn ý, em hãy chỉnh sửa lại cho chính xác? ? Qua tìm hiểu hai đoạn văn trên em thấy khi làm bài văn thuyết minh và viết đoạn văn thuyết minh, ta cần chú ý	2. Sửa lại các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn:
---	---

*Chuyển giao nhiệm vụ?

? Dựa vào văn bản: Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000, hãy viết đoạn văn thuyết minh khoảng 1 trang giấy trình bày lời kêu gọi mọi người hãy chung tay bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta.

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs

- Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

Dự kiến sản phẩm:

- Trong đoạn văn trình bày được các nội dung sau:

+ Nêu hiện trạng môi trường sống hiện nay ...

+ Nguyên nhân gây ô nhiễm...

+ Hậu quả..

+ Lời khuyên...

*Báo cáo kết quả

- Hs: nộp sản phẩm

*Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(01')

1. Mục tiêu: tìm hiểu kỹ hơn về đặc điểm của thể loại văn bản thuyết minh

2. Phương thức thực hiện: HĐ Cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs trả lời ra vở soạn

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs: đánh giá lẫn nhau

- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Xem lại các phương pháp thuyết minh ở chương trình học kì

*Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

*Báo cáo kết quả

- Hs: trả lời ra vở soạn văn

*Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

Tuần 20:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết:

Văn bản: QUÊ HƯƠNG

- Tế Hanh-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Cảm nhận được vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một miền quê miền biển được miêu tả trong bài thơ và tình cảm quê hương đắm thắm của tác giả.
- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của nhà thơ.

2. Năng lực :

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ.: Năng lực tìm hiểu, cảm thụ văn học.

Phẩm chất: HS biết yêu quê hương, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước cho HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ, vi deo, tranh ảnh về cảnh làng chài quê hương của Tế Hanh.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Nhớ rừng”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản sgk.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu quê hương của mỗi người khi xa quê.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> **Xuất phát từ tình huống có vấn đề**

- Giáo viên yêu cầu:

? Nếu như sau này phải xa quê hương, tình cảm của em với quê hương sẽ như thế nào?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Trả lời theo suy nghĩ của bản thân

- Giáo viên: gợi dẫn

- Dự kiến sản phẩm: nhớ quê, nhớ những gì đặc trưng của quê mình, mong muốn được về thăm quê...

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

-> **Giáo viên dẫn vào bài:** Tình yêu quê hương là một tình cảm cao đẹp và phổ biến trong mỗi người. Xa quê, ai cũng nhớ quê. Nhà thơ Tế Hanh đã thể hiện tình cảm sâu đậm với quê hương mình qua bài thơ “Quê hương”, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI I. Giới thiệu chung (10 phút) 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tế Hanh và văn bản “Quê hương”. 2. Phương thức thực hiện: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau.	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả:

- <i>Giáo viên đánh giá.</i> 5. Tiến trình hoạt động <i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - <i>Giáo viên yêu cầu:</i> Trình bày dự án tác giả Tế Hanh - <i>Học sinh tiếp nhận.</i> <i>*Thực hiện nhiệm vụ</i> - <i>Học sinh:</i> Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. - <i>Giáo viên:</i> nhận xét - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> - Tế Hanh sinh năm 1921- 2009, tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi. - Ông đến với phong trào <i>Thơ mới</i> khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. Thơ ông thấm đượm tình yêu quê hương và niềm khao khát thống nhất Tổ quốc. Ông được trao tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật. <i>*Báo cáo kết quả:</i> trình bày theo nhóm. <i>*Đánh giá kết quả</i> - <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i> -><i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</i> ? Nêu những hiểu biết về văn bản? (Xuất xứ, thể loại) - 1 HS trả lời. Dự kiến TL: - “Quê hương” được rút trong tập “Nghe ngào” năm 1939, sau này in ở tập Hoa niên 1945. - Thơ tám chữ (tiếng). - Đọc văn bản: G/v hướng dẫn đọc - đọc mẫu 3 h/s đọc - g/v nhận xét HS: - Đọc bài thơ. - Nhận xét. - Chú thích: ? Kiểm tra việc nhớ từ khó h/s bằng một số	- Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi. - Ông đến với phong trào <i>Thơ mới</i> khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh. 2. Văn bản: a, Xuất xứ, thể loại: - Xuất xứ: rút từ tập “Nghe ngào”(1939) (Hoa niên), xuất bản năm 1943 - Thể loại: ... b, Đọc, chú thích, bố cục: - Đọc: - Chú thích:
--	---

ghi nhớ. ? Nêu bố cục của bài thơ? 2 câu đầu: giới thiệu về quê hương. 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá. 8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về. 4 câu tiếp: Cảm xúc đối với quê hương. II. Đọc- hiểu văn bản: (21') 1. Giới thiệu về làng quê: 1. Mục tiêu: giúp học sinh biết về vị trí, nghề nghiệp của làng quê của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: ? Gọi h/s đọc 2 câu đầu? ? Tác giả đã giới thiệu về làng chài quê mình ntn? Nhận xét về cách giới thiệu đó ? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: - Nghề nghiệp truyền thống của làng đánh cá (chài lưới). - Vị trí của làng: bao bọc bởi nước sông đi thuyền nửa ngày xuôi sông ra tới biển. => Cách giới thiệu tự nhiên, mộc mạc, giản dị. * Báo cáo kết quả * Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá	- Bố cục: II. Đọc- hiểu văn bản: 1. Giới thiệu về làng quê: - Lời thơ bình dị: -> + Nghề nghiệp:... + Vị trí:...
---	---

- Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 2. Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá: 1. Mục tiêu: giúp học sinh cảm nhận cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: ? Đọc câu đầu tiên? ? Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi được miêu tả vào thời điểm, không gian nào? - Buổi sớm mai hồng. ? Cảnh trời, cảnh biển khi đoàn thuyền ra khơi được miêu tả qua những chi tiết nào? - Bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuộm rắng hồng bình minh. ? Từ đó ta thấy điều kiện thời tiết như thế nào? - Thời tiết thuận lợi hứa hẹn buổi ra khơi tốt đẹp. 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS THẢO LUẬN NHÓM BẰNG KỸ THUẬT KHẸN PHỦ BÀN (5 phút) Đọc 5 câu thơ tiếp theo ? Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ trong đoạn thơ? ? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và cách diễn đạt ấy? - Học sinh tiếp nhận.	2. Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá: - Thời gian, không gian thuận lợi.
--	--

<i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - <i>Học sinh:</i> thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. - <i>Giáo viên:</i> nhận xét. - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> - Hình ảnh “Dân trai tráng....” -> Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ. - Nghệ thuật so sánh, sử dụng các động từ mạnh: phăng, vượt; tính từ : hăng, mạnh mẽ. -> Con “tuấn mã”ngựa đẹp, khoẻ và phi thường. Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn. - NT so sánh, ẩn dụ: Cánh buồm giương... -> Con thuyền chính là linh hồn, sự sống của làng chài. Nhà thơ vừa vẽ ra chính xác cái hình, vừa cảm nhận được cái hồn của sự vật -> mang vẻ đẹp lãng mạn, bay bổng. <i>Gv: bổ sung:</i> - So sánh cái cụ thể, hữu hình với cái trừu tượng, vô hình. - Hình ảnh cánh buồm mang vẻ đẹp lãng mạn, nó gợi những chuyến đi xa, những ước khát vọng, bay bổng của tuổi trẻ đầy hoài bão. Hình ảnh cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu tượng của làng quê, hồn người. ? Đoạn thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên và lao động ntn? => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao. <i>*Báo cáo kết quả</i>	- Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ. - Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh, tính từ. -> Con thuyền mang khí thế dũng mãnh khi ra khơi => vẻ đẹp hùng tráng. - NT so sánh, ẩn dụ -> Cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu tượng của làng quê, hồn người. => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng.
--	---

<i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến: 1. Mục tiêu: giúp học cảm nhận được không khí vui vẻ, rộn ràng, cảm giác mãn nguyện của người dân làng chài sau một chuyến ra khơi trở về, cái đẹp của hình ảnh người dân chài và con thuyền. 2. Phương thức thực hiện: cặp đôi, cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm cặp đôi, câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: <i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên: THẢO LUẬN CẶP ĐÔI ? Gọi h/s đọc 8 câu tiếp? ? Đoạn thơ trên tác giả đặc tả những gì? - Học sinh tiếp nhận. <i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: + Không khí bến cá khi thuyền cá trở về. + Lời cảm tạ chân thành của người dân làng chài với trời đất vì đã sóng yên, biển lặng để thuyền ra khơi bội thu. + Hình ảnh của người ngư dân. + Hình ảnh con thuyền sau chuyến ra khơi trở về. ? Không khí đón đoàn thuyền đánh cá trở về được tái hiện qua hình ảnh nào?	Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao. 3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến:
--	---

biển lâu ngày tắm nắng gió ở những vùng đại dương xa xôi khiến cơ thể khoẻ mạnh, rắn rỏi, họ như còn nóng hổi vị mặn mòi của biển lúc trở về -> Mang vẻ đẹp và sự sống nồng nhiệt của biển cả. ? Hình ảnh con thuyền được đặc tả ntn? Hãy so sánh với hình ảnh con thuyền ở khổ thơ 2? - Hình ảnh chiếc thuyền nằm im...thở vò - NT nhân hóa -> Hình ảnh con thuyền nằm im một mối, nghỉ ngơi và lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ của nó. -> Con thuyền vô tri, vô giác trở nên hồn, một tâm hồn tinh tế. Cũng như người dân chài con thuyền ấy thấm đậm vị muối mặn của biển khơi. GV: AD chuyển đổi cảm giác: nghe.... Nếu không có một tâm hồn tinh tế, tài hoa và có tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người, cuộc sống lao động làng chài quê hương thì không thể có những câu thơ xuất thần có hồn như vậy. <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 4. Tình cảm của tác giả với quê hương: 1. Mục tiêu: giúp học cảm nhận được tình cảm của tác giả với quê hương. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ	- NT nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. -> Hình ảnh con thuyền là một phần sự sống làng chài 4. Tình cảm của tác giả với quê hương:
---	---

- <i>Giáo viên:</i> ? Gọi h/s đọc khổ thơ câu cuối? ? Tình cảm của nhà thơ với quê hương được thể hiện trong hoàn cảnh nào? Nhớ đó có điều gì đặc biệt? ? Tại sao nhớ về quê hương tác giả lại nhớ tới những hình ảnh đó? ? Nhận xét về cách diễn đạt của tác giả ở đoạn này? ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào? - <i>Học sinh tiếp nhận.</i> * <i>Thực hiện nhiệm vụ</i> - <i>Học sinh:</i> trả lời cá nhân- nhận xét. - <i>Giáo viên:</i> nhận xét. - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> ? Tình cảm của nhà thơ với quê hương được thể hiện trong hoàn cảnh nào? Nhớ đó có điều gì đặc biệt? - Hoàn cảnh xa quê. tác giả nhớ tới hình ảnh làng chài với màu nước xanh (biển), cá (cá bạc), cánh buồm (chiếc buồm vôi), con thuyền, mùi biển (cái mùi nồng mặn quá). ? Tại sao nhớ về quê hương tác giả lại nhớ tới những hình ảnh đó? - Những hình ảnh đó chính là hương vị riêng của làng chài, nơi tác giả đã từng gắn bó cả tuổi ấu thơ của mình. ? Nhận xét về cách diễn đạt của tác giả ở đoạn này? - Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê. ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào? -> Tác giả là người rất yêu quê gắn bó sâu nặng với quê hương. *<i>Báo cáo kết quả</i> *<i>Đánh giá kết quả</i> - <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i> -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> III. Tổng kết:	- Câu cảm thán, phép liệt kê. -> Nhớ tất cả những hình ảnh quen thuộc của làng quê, đặc biệt là vị mặn nồng của quê hương. III. Tổng kết:
---	--

1. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: ? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: + NT: - Sáng tạo nên những hình ảnh của cuộc sống lao động thơ mộng. - Tạo liên tưởng, so sánh độc đáo, lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc. - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại có những sáng tạo mới mẻ, phóng khoáng. + ND: Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển. Gọi HS đọc ghi nhớ HS: đọc *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(2') 1. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.	1. Nghệ thuật: - Sáng tạo ... - Tạo liên tưởng, - Sử dụng... 2. Nội dung: Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển. * Ghi nhớ: sgk/18 IV. Luyện tập:
---	---

2. Phương thức thực hiện: cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: ? Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: - Tinh tế trong cảm thụ cuộc sống quê. - Nồng hậu thủy chung với quê hương. HS: đọc *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức .	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(2')

1. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.
2. Phương thức thực hiện: cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động: bài viết của học sinh.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - Học sinh tự đánh giá.
 - Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - Giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động
 - * Chuyển giao nhiệm vụ
 - Giáo viên:

? Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về quê hương.

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu: đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

- Yêu quê hương, gắn bó với quê hương.

- Học tập chăm chỉ để mai này giúp ích cho quê hương.

* Báo cáo kết quả

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: bài thơ, câu chuyện, bài hát về quê hương.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết về quê hương?

? Chuẩn bị bài tiếp theo “Khi con tu hú”.

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

.....
.....
Tuần 20:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết:

Văn bản

KHI CON TU HÚ

- Tố Hữu-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu sự sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những hình ảnh gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị thiết tha.

-Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của nhà thơ.

2. Năng lực:

-Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học.

3.Phẩm chất:

-HS biết yêu sự sống, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước cho HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ, tranh ảnh, tư liệu về Tố Hữu và bài thơ “Khi con tu hú”.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Quê hương”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản sgk.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

1. Mục tiêu:

- *Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*
- *Kích thích HS tìm hiểu về tâm tư, tình cảm của người chiến sĩ trẻ đang hoạt động cách mạng sôi nổi bị bắt giam..*

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> **Xuất phát từ tình huống có vấn đề**

- Giáo viên yêu cầu:

? Kể tên một bài thơ em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS của tác giả Tố Hữu?

? Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về hoàn cảnh sáng tác, nội dung và nghệ thuật của bài thơ ấy?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Trả lời theo suy nghĩ của bản thân

- Giáo viên: gợi dẫn

- Dự kiến sản phẩm:

+ Bài thơ “Lượm” trong Ngữ văn 6

+ Bài thơ được sáng tác năm 1949 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

Bằng sự kết hợp giữa tự sự và biểu cảm, tác giả đã khắc họa hình ảnh chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi...

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

-> **Giáo viên dẫn vào bài:** Tố Hữu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào thơ ca Cách Mạng Việt Nam. Mỗi chặng đường Cách mạng, chặng đường đời của tác giả đều đi song song với chặng đường thơ. Hôm nay, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu một sáng tác trong thời kì đầu hoạt động Cách mạng của nhà thơ khi ông còn rất trẻ hiểu về tâm tư, tình cảm cũng như tài năng thơ ca đặc sắc của Tố Hữu.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI I. Giới thiệu chung (10 phút) 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tố Hữu và văn bản “Khi con tu hú”. 2. Phương thức thực hiện: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả:

học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động <i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên yêu cầu: Trình bày dự án tác giả Tố Hữu. - Học sinh tiếp nhận. <i>*Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. - Giáo viên: nhận xét - Dự kiến sản phẩm: - Tố Hữu (1920- 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành quờ ở Thừa Thiên-Huế. - Ông được giác ngộ cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên. - Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN. <i>*Báo cáo kết quả: trình bày theo nhóm.</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. Gv bổ sung: Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ nhỏ Tố Hữu đã học và tập làm thơ. Giác ngộ cách mạng và trở thành người lãnh đạo Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế. Những bài thơ đầu tiên được sáng tác từ những năm 1937-1938. Tháng 4-1939, ông bị thực dân Pháp bắt, giam giữ ở các nhà lao miền Trung và Tây Nguyên. Tháng 3- 1942, vượt ngục Đắc Lay, tiếp tục hoạt động cách mạng. Hoạt động bí mật đến 1945, làm Chủ tịch uỷ ban khởi nghĩa Thừa Thiên- Huế. Hiện nay, ông là đặc phái viên trung ương Đảng Cộng sản Việt	- Tố Hữu (1920- 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành quờ ở Thừa Thiên-Huế. - Ông được giác ngộ cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên. - Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN.
--	--

Nam. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Tác phẩm chính: Từ ấy (thơ, 1946); Việt Bắc (thơ, 1954); gió lộng (thơ 1961); Ra trận (thơ, 1972); Máu và hoa (thơ, 1977); Một tiếng đờn (thơ, 1992)... - Giải thưởng văn học: Giải nhất giải thưởng văn học hội văn nghệ việt nam 1954-1955; Giải thưởng văn học ASEAN(1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học-nghệ thuật (đợt 1, 1996). ? Nêu những hiểu biết về văn bản? (Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể loại) - 1 HS trả lời. Dự kiến TL: - Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác ở nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập “Từ ấy”- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu. - Thể loại: thơ lục bát Gv: hướng dẫn đọc - Giọng thiết tha cuối bài cú nghen ngào uất ức, chú ý các câu ngắt nhịp 6/2, 3/3. - Gọi HS đọc văn bản. - Gọi HS nhận xét. - Gv nhận xét, đọc mẫu. - Gọi HS đọc. HS: - Đọc. - Nhận xét. - Chú ý các chú thích 1,4. ? Bài thơ được chia làm mấy đoạn? ? Nội dung của từng đoạn? 2 phần: - 6 câu đầu: Tiếng tu hú thức dậy mùa hè rực rỡ trong lòng người tù cách mạng- nhà thơ. - 4 câu cuối: Tiếng chim tu hú bừng dậy khát vọng tự do	2. Văn bản: a, Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể loại: - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: Bài thơ được sáng tác ở nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập “Từ ấy”- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu. - Thể loại: thơ lục bát b, Đọc, chú thích, bố cục: - Đọc: - Chú thích: - Bố cục:
--	--

trong lòng người tù. II. Đọc- hiểu văn bản: (21') 1. Tìm hiểu chung: 1. Mục tiêu: giúp học sinh tìm hiểu về nhan đề và hình ảnh mở đầu bài thơ. 2. Phương thức thực hiện: nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của nhóm học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: ? Em hiểu gì về nhan đề của bài thơ? Hãy viết một câu văn ngắn gọn có 4 chữ đầu “Khi con tu hú” để tóm tắt nội dung bài thơ? ? Vì sao tiếng chim tu hú lại tác động mạnh đến tâm hồn nhà thơ? - Học sinh tiếp nhận. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: - Nhan đề bài thơ chỉ là một vế phụ của một câu văn trọn ý -> Khi con tu hú gọi bầy là khi mùa hè đến, người tù cách mạng càng cảm thấy ngọt ngào trong phòng giam chật chội; càng thêm khát cháy bỏng cuộc sống tự do từng bừng ở bên ngoài. - Vì: + Nhà thơ - người chiến sĩ CM mới 19 tuổi – vào tù. + Vì đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống từng bừng, là tín hiệu gọi bầu trời cao lồng lộng của tự do. * Báo cáo kết quả	II. Đọc- hiểu văn bản: 1. Tìm hiểu chung: - Hoán dụ: tiếng chim tu hú gợi liên tưởng, tác động đến tâm hồn nhà thơ.
---	---

<i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 2. Bức tranh mùa hè: 1. Mục tiêu: giúp học sinh cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ qua cảm nhận của người tù cách mạng. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: <i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên: ? Đọc khổ thơ đầu? THẢO LUẬN NHÓM BẰNG KỸ THUẬT KHĂN PHỦ BÀN (5 phút) ? Tiếng chim tu hú đã gợi lên trong lòng người tù cách mạng những gì? ? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ và tác dụng của nó trong khổ thơ trên? - Học sinh tiếp nhận. <i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: - Tiếng chim tu hú đã gợi lên trong lòng người tù cách mạng: + Hình ảnh: lúa chín, trái cây ngọt dần, vườn râm, tiếng ve, nắng đào, trời xanh, diều sáo. + Âm thanh tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, tiếng sáo	2. Bức tranh mùa hè:
---	------------------------------------

điều. + Màu sắc: màu vàng (bắp rây), màu đỏ (trái chín), màu hồng (năng đào), màu xanh (trời xanh). - Cách sử dụng từ ngữ: sử dụng nhiều danh từ động từ, tính từ: + DT: con tu hú, lúa chiêm, trái cây, vườn râm, ve, bắp, sân, nắng, trời, điều sáo... + ĐT: gọi, ngân, lộn nhào... + TT: đầy, chín, ngọt, râm, rộng, cao... => Cảnh mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị. Mọi vật sống động, mạnh mẽ. ? Cảnh sắc mùa hè có phải là cảnh tác giả nhận thấy trực tiếp hay không? Qua đó giúp em hiểu gì về nhà thơ Tố Hữu? - Điều đó cho thấy tác giả có sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời, nhưng đang mất tự do và khao khát tự do đến cháy ruột cháy lòng GV: Tố Hữu sáng tác bài thơ khi bị bắt giam trong tù. Bức tranh thiên nhiên mùa hè ấy là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú và sự cảm nhận tinh tế mãnh liệt của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời -> Qua đó ta thấy tác giả là người yêu cuộc sống tha thiết, luôn khao khát tự do. <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 3. Tâm trạng người tù cách mạng: 1. Mục tiêu: giúp học cảm nhận được tâm trạng của người tù cách mạng. 2. Phương thức thực hiện: cặp đôi, cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm cặp đôi, câu trả lời của học sinh.	- Sự cảm nhận mãnh liệt, tinh tế, sử dụng những DT, ĐT, TT -> Bức tranh mùa hè sinh động với rộn rã âm thanh và rực rỡ màu, bầu trời khoáng đạt, tự do. 3. Tâm trạng người tù cách mạng:
---	--

- Dự kiến sản phẩm: - Ở câu thơ đầu tiếng tu hú gợi ra cảnh trời đất bao la, từng bừng sự sống lúc vào hè, tâm trạng người tù hoà hợp với sự sống, say mê cuộc sống. - Ở câu thơ cuối, tiếng tu hú gợi cảm xúc khác hẳn: u uất, nôn nóng, khắc khoải, tâm trạng của kẻ mất tự do, bị tách rời cuộc sống. Gv bổ sung: Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thiết tha của tự do, của thế giới sự sống đầy quyến rũ đối với người tù- nhà thơ. <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng III. Tổng kết: 1. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: <i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên: ? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản? - Học sinh tiếp nhận. <i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: + NT:	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật:
--	---

- Viết theo thể thơ lục bát, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển. - Lựa chọn lời thơ đầy ấn tượng để biểu lộ cảm xúc khi thiết tha, khi lại sôi nổi, mạnh mẽ. - Sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, đối lập...+ + ND: - Lòng yêu cuộc sống. - Niềm khao khát tự do cháy bỏng của người tù cách mạng. Gọi HS đọc ghi nhớ HS: đọc <i>*Báo cáo kết quả</i> <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(2') 1. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập. 2. Phương thức thực hiện: nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của nhóm học sinh. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: <i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên: ? Thơ là tiếng nói tâm hồn của nhà thơ. Bài thơ “Khi con tu hú” cho ta thấy gì về tâm hồn thơ Tố Hữu? - Học sinh tiếp nhận. <i>* Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: đại diện nhóm trả lời - nhận xét. - Giáo viên: nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: - Hồn thơ nhạy cảm với mọi biểu hiện của sự sống.	- Viết theo... - Lựa chọn ... - Sử dụng... 2. Nội dung: - Lòng yêu cuộc sống. - Niềm khao khát tự do... * Ghi nhớ: sgk/20 IV. Luyện tập:
---	--

- Hồn thơ yêu cuộc sống mãnh liệt, quyết tranh đấu cho tự do *<i>Báo cáo kết quả</i> *<i>Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> <i>Giáo viên chốt kiến thức .</i>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(2')

1. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động: bài viết của học sinh.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

- Giáo viên:

? Viết một đoạn văn tả cảnh mùa hè ở quê hương em?

- Học sinh tiếp nhận.

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu: đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

- Không gian, màu sắc của mùa hè.

- Cảnh vật mùa hè.

**Báo cáo kết quả*

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: bài thơ, câu chuyện, bài hát về mùa hè.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết về mùa hè?

? Chuẩn bị bài tiếp theo “Câu nghi vấn”.

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 20:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết: Tiếng Việt

CÂU NGHI VẤN

(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác.
Nhận vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.

2. Năng lực:

- HS có kỹ năng dùng câu nghi vấn.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng từ, câu chính xác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Câu nghi vấn”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về các chức năng khác của câu nghi vấn.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> **Xuất phát từ tình huống có vấn đề**

- Giáo viên yêu cầu:

? Đặt 2 câu nghi vấn, chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của nó?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: gợi dẫn

- Dự kiến sản phẩm:

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

-> **Giáo viên dẫn vào bài:** Dẫn dắt từ việc chữa bài làm của HS-> Ngoài chức năng chính là để hỏi, câu nghi vấn còn có nhiều chức năng khác như cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm.... Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI III. Những chức năng khác (15' phút) 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm những chức năng khác của câu nghi vấn. 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân, hoạt động chung, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu:	III. Những chức năng khác: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

THẢO LUẬN NHÓM (3') ? Xác định câu nghi vấn trong những VD trên ? ? Các câu nghi vấn trên có dùng để hỏi không? ? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì? ? Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên? ? Vậy ngoài chức năng dùng để hỏi câu nghi vấn còn dùng để làm gì? - <i>Học sinh tiếp nhận.</i> <i>*Thực hiện nhiệm vụ</i> - <i>Học sinh:</i> Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. - <i>Giáo viên:</i> nhận xét - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> ? Xác định câu nghi vấn trong những VD trên ? a) Những người.... Hồn ở đâu bây giờ? b) Mà ị định nói....đấy à? c) Có biết không? Lính đâu? Sao bay...vậy ? Không còn...à? d) Cả câu. e) Con gái...ư? Chả lẽ đúng là nó...ấy? ? Các câu nghi vấn trên có dùng để hỏi không? ? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì? a) Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự hoài niệm, tâm trạng nuối tiếc). b) Đe dọa c) Đe dọa d) Khẳng định e) Bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên) Treo bảng phụ VD ? Chỉ ra chức năng của các câu nghi vấn sau? - Anh có thể lấy giúp em quyển sách được không? -> Cầu khiến - Ngôi nhà kia mà cao ư? -> Phủ định	- Không dùng để hỏi. - Dùng để: + Bộc lộ tình cảm, cảm xúc. + Đe dọa. + Khẳng định. + Cầu khiến. + Phủ định... - Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu hỏi chấm. Có trường hợp câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm than... 3. Ghi nhớ: sgk
---	---

- Học như thế thì lấy gì mà đi thi? -> Mãi mãi. ? Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên ? - Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Câu nghi vấn thứ hai ở VD e kết thúc bằng dấu chấm than để bộc lộ cảm xúc. <i>*Báo cáo kết quả:</i> trình bày theo nhóm. <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. ? Gọi h/s đọc ghi nhớ? - HS đọc											
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(20') <table border="1"> <tr> <th>Mục tiêu</th><th>Nhiệm vụ</th><th>Phương thức thực hiện</th><th>Yêu cầu sản phẩm</th></tr> <tr> <td>Giúp Hs vận dụng kiến thức về câu nghi vấn giải quyết các bài tập.</td><td>HS tìm hiểu bài tập/sgk</td><td>hoạt động cá nhân, hđ chung, hoạt động nhóm.</td><td>Vở bài tập.</td></tr> </table> ? Xác định câu nghi vấn? Các câu nghi vấn đó dùng để làm gì? Ghi ra bảng phụ. Xác định câu nghi vấn? Đặc điểm hình thức và chức năng của nó?				Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phương thức thực hiện	Yêu cầu sản phẩm	Giúp Hs vận dụng kiến thức về câu nghi vấn giải quyết các bài tập.	HS tìm hiểu bài tập/sgk	hoạt động cá nhân, hđ chung, hoạt động nhóm.	Vở bài tập.
Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phương thức thực hiện	Yêu cầu sản phẩm								
Giúp Hs vận dụng kiến thức về câu nghi vấn giải quyết các bài tập.	HS tìm hiểu bài tập/sgk	hoạt động cá nhân, hđ chung, hoạt động nhóm.	Vở bài tập.								
IV. Luyện tập: 1. Bài tập 1: a. Con người đáng.... để nó ăn ư? -> Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên). b. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối Thời oanh liệt nay còn đâu? -> Phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.											

H thảo luận nhóm G nhận xét, sửa chữa	4. Bài tập 4: - Những câu như vậy không dùng để hỏi mà để thay cho lời chào khi gặp nhau. Người được hỏi thường không trả lời vào câu hỏi mà có khi lại đặt những câu hỏi đáp lễ gần giống như vậy. - Người nói và người nghe có quan hệ mật thiết với nhau.
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(2')

1. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động: bài viết của học sinh.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Viết một đoạn hội thoại theo chủ đề tự chọn có sử dụng câu nghi vấn? Chỉ ra chức năng của câu nghi vấn đó

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu:

+ Đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

+ Sử dụng câu nghi vấn và chỉ ra chức năng của nó.

*Báo cáo kết quả

*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: bài thơ, bài văn có sử dụng câu nghi vấn.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Tìm các văn bản đã học có chứa câu nghi vấn được sử dụng với chức năng khác chức năng chính, phân tích tác dụng.

? Chuẩn bị bài tiếp theo “Thuyết minh về một phương pháp, cách làm”.

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 20:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 19- Tiết: 80: Tập làm văn
THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP
(CÁCH LÀM)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Biết cách thuyết minh về một phương pháp, một thí nghiệm.
- 2. Năng lực :** HS có kỹ năng làm bài văn thuyết minh.
- 3. Phẩm chất:** HS có ý thức trau dồi kỹ năng thuyết minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài: ôn lại kiến thức về văn thuyết minh
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

1. Mục tiêu:

- *Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*
- *Kích thích HS tìm hiểu về các chức năng khác của câu nghi vấn.*

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> Xuất phát từ tình huống có vấn đề

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Khi em làm được một đồ chơi hay nấu được món ăn ngon em rất muốn giới thiệu cho các bạn biết? Em sẽ làm thế nào?

- *Học sinh tiếp nhận...*

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh: làm bài*

- Giáo viên: gợi dẫn
- Dự kiến sản phẩm: Giới thiệu về cách làm đồ

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

-> *Giáo viên dẫn vào bài:* Trong tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu về cách thuyết minh một đồ dùng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về cách thuyết minh về cách làm.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI I. Giới thiệu một phương pháp (cách làm): (16') 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm cách thuyết minh một phương pháp, cách làm. 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân, hoạt động chung, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS. 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động <i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Giáo viên yêu cầu: ? Gọi h/s đọc đoạn văn a,b? H đọc đoạn văn a,b. THẢO LUẬN NHÓM (3') ? Qua hai VD em thấy bài văn thuyết minh một phương pháp có những mục nào chung. ? Vì sao phải có những mục đó? ? Để thuyết minh cách làm một đồ vật, nấu ăn, hay may quần áo...có kết quả tốt ta cần đảm bảo yêu cầu gì ? ? Nhận xét gì lời văn ở 2 VD trên ? ? Khi thuyết minh về một phương pháp (nấu ăn, đồ vật, món ăn) người viết cần nêu những nội dung gì ? Cách làm được trình bày theo thứ tự nào?	I. Giới thiệu một phương pháp (cách làm):

? Gọi h/s đọc ghi nhớ? - HS đọc				3. Ghi nhớ: sgk	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(20')				II. Luyện tập:	
Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phương thức thực hiện	Yêu cầu sản phẩm		
Giúp Hs vận dụng kiến thức về thuyết minh về một phương pháp (cách làm) giải quyết các bài tập.	HS tìm hiểu bài tập/sgk	hoạt động cá nhân, hđ chung, hoạt động nhóm.	Vở bài tập.		
? Yêu cầu đọc kĩ đề bài? Lập dàn bài thuyết minh một trò chơi quen thuộc. Hình thức: Cá nhân. ? Gọi h/s trình bày bài viết? G bổ sung, nhận xét, rút kinh nghiệm bài viết cho h/s				1. Bài tập 1: Đảm bảo những yêu cầu sau B1: Xác định đề bài: Thuyết minh về trò chơi gì? B 2: Lập dàn bài. A. Mở bài: Giới thiệu khái quát trò chơi. B. Thân bài: * Điều kiện chơi: - Số người chơi. - Dụng cụ chơi. - Địa điểm, thời gian. * Cách chơi (Luật chơi). - Giới thiệu ntn thì thắng. - Giới thiệu ntn thì thua. - Giới thiệu ntn thì phạm luật.	

? Gọi h/s đọc bài “Phương pháp đọc nhanh”. Yêu cầu h/s thảo luận nhóm những vấn đề sau: - Chỉ ra cách đặt vấn đề, cách đọc và đặc biệt là nội dung và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh nêu trong bài. - Các số liệu nêu ra trong bài có ý nghĩa gì đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh. HS thảo luận theo nhóm. Cử đại diện trình bày. G: Ý 2, 3 là nội dung thuyết minh chủ yếu, quan trọng nhất của văn bản thuyết minh. Muốn đọc nhanh chỉ có thể đọc thầm bằng mắt, theo ý, theo đoạn, theo trang. Muốn thế phải rèn luyện kỹ năng di chuyển bao quát của mắt khi đọc, phải tập trung tư tưởng cao độ. Nhưng yêu cầu của đọc nhanh là vẫn phải hiểu rõ vấn đề chủ chốt.	* Yêu cầu trò chơi. C. Kết bài. - Ý nghĩa của trò chơi. - Tình cảm của người thuyết minh. Lập dàn bài thuyết minh một trò chơi quen thuộc. 2. Bài tập 2: - Đặt vấn đề: “Ngày nay ... giải quyết được vấn đề... Yêu cầu thực tiễn cấp thiết buộc phải tìm cách đọc nhanh. “ Có nhiều cách đọc khác nhau ... có ý chí”. Giới thiệu những cách đọc chủ yếu hiện nay đọc thầm theo dòng và theo ý , những yêu cầu và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh. “ Trong những năm gần đây.... 12.000 từ / phút” những số liệu, dẫn chứng về kết quả của phương pháp đọc nhanh. Các số liệu nêu ra nhằm chứng minh cho sự cần thiết, yêu cầu, cách thức, khả năng, tác dụng của phương pháp đọc nhanh đối với mỗi người chúng ta.
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(2’)

1. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.
2. Phương thức thực hiện: cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động: bài viết của học sinh.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Viết một văn thuyết minh ngắn về phương pháp làm một đồ chơi đơn giản.

- Học sinh tiếp nhận.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu:

+ Đúng hình thức, nội dung.

* Báo cáo kết quả

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2')

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm) trong một số báo, tạp chí.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên:

? Sưu tầm bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm) trong một số báo, tạp chí.

? Chuẩn bị bài tiếp theo.

- Học sinh tiếp nhận.

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh*: trả lời cá nhân- nhận xét.

- *Giáo viên*: nhận xét.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 21:

Ngày soạn: 15

Ngày dạy:

Bài 20 - Tiết: Văn bản

TỨC CẢNH PÁC BÓ

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Cảm nhận được tâm trạng vui, thích thú thật sự của Bác trong những ngày gian khổ ở Pác Bó, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Bác, vừa là chiến sĩ say mê hoạt động cách mạng, vừa là một khách lâm tuyền ung dung hòa nhịp với thiên nhiên, thể hiện bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

-Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: Lời thơ bình dị, cảm xúc sâu sắc, ...

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ

Năng lực cảm thụ văn học..

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về một đoạn thơ của Tố Hữu viết về Bác

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.

3. Sản phẩm hoạt động : HS suy nghĩ trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá :

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: cho Hs quan sát đoạn thơ sau, y/cầu HS đọc và TL các câu hỏi:

Ôi sáng xuân nay, xuân 41.

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về... im lặng con chim hót

Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ

? Những câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai?

? Những câu thơ đó ghi lại sự kiện rất quan trọng, tạo bước ngoặt cho lịch sử CM VN theo em đó là sự kiện gì?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- **Dự kiến sản phẩm:**

+ Trích trong bài “Theo chân Bác” của Tố Hữu.

+ Khắc đậm mốc thời gian, sự kiện lịch sử (thời điểm Bác Hồ trở về Tổ quốc)

*** Báo cáo kết quả**

- HS trình bày cá nhân.

***Đánh giá kết quả**

- + HS tự đánh giá
- + Hsd đánh giá lẫn nhau.

-> GV gieo vấn đề: Vậy sự kiện quan trọng là sau hơn 30 năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, đầu năm 1941, Chủ tịch HCM bí mật về Pác Bó Cao Bằng để lãnh đạo cách mạng nước ta. Từ đó hang Pác Bó đã trở thành nơi sống và hoạt động bí mật của Người. Vậy cuộc sống ở hang Pác Bó của Bác ntn chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1. Giới thiệu chung (3 phút) 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” 2. Phương thức thực hiện: trình bày dự án, hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động: - Phiếu học tập cá nhân 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - GV: yêu cầu trình bày dự án tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục bài thơ). - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: trình bày dự án tác giả HCM và và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” - Giáo viên: nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: + Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 - 1969) quê xã Kim Liên- huyện Nam Đàn- tỉnh Nghệ An. - Là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. - Người còn là người chiến sĩ cách mạng, danh nhân văn hóa thế giới.	I. Giới thiệu chung 1. Tác giả: - Hồ Chí Minh (1890 - 1969), nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. - Là nhà yêu nước, cách mạng vĩ đại của dân tộc, danh nhân

+ Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”: - Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác tháng 2/ 1941. Bác ở tại hang Pác Bó (Cao Bằng) để trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. - Bài thơ được viết theo thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. - Bố cục: 2 phần: Phần 1: Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác ở Pác Bó (câu 1, 2, 3) Phần 2: Cảm nghĩ của Bác (câu 4). * Báo cáo kết quả - HS trình bày cá nhân. *Đánh giá kết quả + HS tự đánh giá + Hs đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản (23 phút) 1. Mục tiêu: Giúp Hs tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập theo nhóm 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên: 1. Ở 3 câu thơ đầu Bác đã kể những gì về điều kiện sinh hoạt và làm việc của Bác? 2. Bác đã sử dụng cách diễn đạt như thế nào và biện pháp nghệ thuật gì? 3. Qua đó, em hình dung điều kiện sống, làm việc của Bác như thế nào? 4. Từ đó, em hiểu gì về Bác (đời sống tâm hồn, tinh thần, tư	văn hóa thế giới. 2. Văn bản: a. Hoàn cảnh sáng tác, thể loại: - Sáng tác 2- 1941 khi Người sống và làm việc tại hang Pác Bó. - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt - Bố cục: II. Đọc- hiểu văn bản 1. Điều kiện sinh hoạt của Bác:
--	--

thế...)? - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận nhóm. - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs làm việc - Dự kiến sản phẩm: 1. Điều kiện sống và làm việc: - Câu 1: Bác sống trong hang và bên cạnh suối, sáng ra bờ suối làm việc tối ngủ trong hang. - Câu 2: Bác ăn cháo bẹ và rau măng. - Câu 3: Bác làm việc dịch Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô là tài liệu học tập cho cán bộ cạnh mạng trên một chiếc bàn bằng đá kê chông chênh cạnh bờ suối. 2. Cách diễn đạt và biện pháp nghệ thuật: - Câu 1: Nhịp 4/3, tạo câu thơ thành 2 vế sóng đôi tạo cảm giác cuộc sống nhịp nhàng, nền nếp, đều đặn cùng núi rừng. - Câu 2: + Giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh, tự nhiên. + Liệt kê các món ăn. - Câu 3: + Từ láy tượng hình. + Phép tiểu đối giữa hai vế câu. 3. Qua đó, em thấy điều kiện sống, làm việc của Bác thật khó khăn, thiếu thốn, gian khổ... nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng. 4. Bác là người có: + Tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên. + Tinh thần vui tươi, sáng khoái, lạc quan. + Tư thế ung dung, lạc quan, yêu đời. GV: Ra suối chính là ra nơi làm việc để tận dụng chút ánh sáng mặt trời. Và vào hang chính là vào nơi sinh hoạt hàng ngày sau giờ làm việc. Nhịp thơ 4/3 tạo câu thơ thành 2 vế sóng đôi tạo cảm giác nhịp nhàng, nền nếp, khá đều đặn. Cuộc sống của người là cuộc sống bí mật nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng. -> Đó là cách nói vui, thể hiện tinh thần lạc quan của Bác. Niềm vui của	- NT: nhịp thơ nhịp nhàng, tiểu đối, giọng điệu tự nhiên, hóm hỉnh, từ láy ... -> + Điều kiện sống, làm việc của Bác thật khó khăn, thiếu thốn, gian khổ... nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng. + Tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên, tinh thần vui tươi, sáng khoái, lạc quan, tư thế ung dung, lạc quan, yêu đời.
---	---

Bác gắn với thiên nhiên, rừng núi. Cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, gian khổ là thế nhưng vẫn không làm thay đổi thái độ, cách suy nghĩ của Bác. Nhìn trên phương diện “Thú lâm tuyền” mà nói, ta thấy hiện lên những màu sắc thật thú vị. Cháo bẹ, rau măng chẳng phải là những thức ăn thanh đạm ưa thích của các bậc ẩn sĩ chân chính khi xưa đó sao? Nguyễn Bình Khiêm xưa cũng đã tự hào: <i>Thu ăn măng trúc, đông ăn giá</i> <i>Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.</i> Bác Hồ của chúng ta trong bài “Cảnh rừng Việt Bắc” được sáng tác sau bài thơ này 6 năm cũng viết: <i>Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay</i> <i>.....Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.</i> Từ đó mới thấy con người ta cốt là ở cái tâm. Khi cái tâm tươi vui thanh thản, thoải mái thì không một khó khăn nào có thể làm người ta chùn bước. Ở câu 1,2 ta tưởng rằng nhân vật trữ tình ở đây là một ẩn sĩ thì câu 3 giải thích rõ, làm nổi bật lên hình tượng của một chiến sĩ. “Chông chênh” là từ láy miêu tả duy nhất của bài thơ, rất tạo hình và gợi cảm. Ba chữ “dịch sử Đảng” toàn văn chắc toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ làm nổi bật hình ảnh trung tâm của bài thơ- hình tượng người chiến sĩ được khắc họa chân thực, sinh động, lại vừa có một tầm vóc lớn lao, một tư thế uy nghi giống như tượng đài về một vị lãnh tụ. Ba câu thơ đầu, câu 1 nói về cách sinh hoạt, câu 2 nói đến bữa ăn thường nhật, câu 3 nói về công việc- Chuyển từ không khí thiên nhiên sang hoạt động cách mạng. * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày sản phẩm * Đánh giá kết quả: + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá + GV đánh giá quá trình HĐ nhóm, đánh giá sản phẩm của HS. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng <i>Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng</i>	2. Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách
--	---

1. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của học sinh. 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động * GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV: yêu cầu ? Từ “Sang” ở đây có nghĩa là gì? ? Ở đây, cuộc đời CM “thật là sang” có phải là sang giàu về mặt vật chất không? ? Câu thơ giúp ta hiểu thêm gì về phẩm chất con người Bác? - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: trả lời - Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: + Sang trọng, giàu có, cao quý, là cảm giác hài lòng, vui thích. + Sang là sự sang trọng, giàu có về mặt tinh thần của người làm CM. (Ăn ở, làm việc ... đều gian khổ, khó khăn thiếu thốn nhưng Người vẫn luôn cảm thấy vui thích, giàu có, sang trọng. Việc ăn, ở không phải là sang, chỉ có việc làm (lịch sử Đảng) là sang nhất vì nó đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin về để đấu tranh giải phóng dân tộc, đem lại cơm no áo ấm và hạnh phúc cho toàn dân. + sang là sự sang trọng, giàu có khi yêu TN, nay lại được sống hoà hợp với TN -> thấy thư thái, lạc quan, làm chủ tình thế.	mạng: - Khẳng định sự nghiệp cách mạng thật cao quý =>Tinh thần lạc quan, phong thái ung
---	--

+ Câu cảm thán ->Niềm vui sướng tự hào trước cuộc sống và công việc nơi đây. Khẳng định sự nghiệp cách mạng thật cao quý -> tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của Bác. * Báo cáo kết quả: Hs trình bày * Đánh giá kết quả: + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá + GV đánh giá câu trả lời của HS. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng GV: Câu thơ cuối cùng là lời tự nhận xét, biểu hiện trực tiếp tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Câu thơ kết đọng lại ở chữ “sang Trong những ngày ở Pác Bó, ăn, ở, làm việc đều gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm vô cùng. Nhưng người vẫn luôn cảm thấy vui, thích, giàu có và sang trọng. Niềm vui và cái sang của cuộc đời CM ấy xuất phát từ quan niệm sống của Người. Hoạt động III. Tổng kết (3 phút) 1. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của HS 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: ? Nêu nội dung nghệ thuật của bài thơ? - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: trả lời - Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: + NT tiêu biểu của bài thơ:	dung, tự tại của Bác. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Lời thơ bình dị,
--	--

- Lời thơ bình dị, giọng điệu vui đùa thoải mái. - Kết hợp hài hòa giữa tính chất cổ điển và hiện đại. - Ngắn gọn, hàm súc. - Tứ thơ độc đáo, bất ngờ và thú vị. + ND: - Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên. - Tinh thần cách mạng kiên cường. - Ung dung, lạc quan. * Báo cáo kết quả: Hs trình bày * Đánh giá kết quả: + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá + GV đánh giá câu trả lời của HS. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(7 phút) 1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về bài thơ để làm bài tập. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: bài làm của HS 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Em rút ra bài học gì cho bản thân trước vẻ đẹp trong cách sống của Bác Hồ? 2. Câu hỏi 3 - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: trả lời - Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: 1. + Sống hoà hợp với thiên nhiên. + Tinh thần lạc quan....	giọng điệu vui đùa thoải mái. - Kết hợp hài hòa giữa tính chất cổ điển và hiện đại. - Ngắn gọn, hàm súc. 2. Nội dung: Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên, tinh thần cách mạng kiên cường, tư thế ung dung, lạc quan của Bác. * Ghi nhớ: sgk IV: Luyện tập:
--	---

2. Câu hỏi 3 + Giống: Cả hai đều là những vị anh hùng, nhà tư tưởng lớn của DT. Cả hai đều có tình cảm gắn bó với thiên nhiên. + Khác: - Nguyễn Trãi lấy đá làm chiếu nằm, còn Bác thì lấy đá làm nơi làm việc. - Nguyễn Trãi tin ở thiên mệnh, thiên cơ: Khi gặp thời thế đảo điên thì không thể phò vua cứu nước đành lui về ở ẩn. Còn Bác thì nắm được quy luật khách quan và thời cơ CM, chủ động vượt lên hoàn cảnh. * Báo cáo kết quả: Hs trình bày * Đánh giá kết quả: + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá + GV đánh giá câu trả lời của HS. -> GV chốt kiến thức.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ khoảng 7- 10 câu
- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:* theo phần đọc hiểu, bài viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, xúc tích...

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Sưu tầm thêm những bài thơ của Bác viết ở chiến khu Việt Bắc, những bài thơ nói về lòng yêu thiên nhiên của Bác.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 21:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 20 - Tiết 82: Tiếng Việt

CÂU CẦU KHIẾN

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cầu khiến. Phân biệt câu cầu khiến với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cầu khiến, biết dùng câu cầu khiến phù hợp tình huống giao tiếp.

2. Năng lực:

HS có kĩ năng dùng câu cầu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp. Năng lực huy động vốn từ để sử dụng đúng và hay.

3. Phẩm chất:

HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1 Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về câu cầu khiến

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: cho đoạn thơ:

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non
Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo.
Hãy để cho bà nói má thơm của cháu.
Hãy nghe tuổi trẻ ca ngợi tình yêu...

(“Đôi mắt xanh non”- Xuân Diệu)

? Chỉ ra phó từ trong đoạn văn trên? Phó từ được thêm vào câu có ý nghĩa gì?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: trả lời

- *Giáo viên*: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

- *Dự kiến sản phẩm*:

+ Từ “hãy” là phó từ, thêm vào câu có ý nghĩa cầu khiến

* **Báo cáo kết quả**: HS trả lời cá nhân

* **Đánh giá kết quả**:

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV gieo vấn đề vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu

-> GV nêu mục đích bài học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: I. Đặc điểm hình thức và chức năng (23’) 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được hình thức và chức năng của câu 2. Phương thức thực hiện: VD 1: hoạt động nhóm. VD 2: HĐ cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra đánh giá - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - GV đánh giá 5. Tiến hành hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Trong đoạn trích trên, câu nào là câu cầu khiến? 2. Dựa vào đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cầu khiến? 3. Câu cầu khiến trong những đoạn trích trên dùng để làm gì? - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc nhóm - Gv: quan sát, giúp đỡ Hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>	I. Đặc điểm hình thức và chức năng 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

+ Các câu cầu khiến a. Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. b. Đi thôi con. + Đặc điểm hình thức: - Chứa các từ mang ý cầu khiến: đừng, đi, thôi. - Kết thúc câu bằng dấu chấm. + Chức năng: - Khuyên bảo - Yêu cầu * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày. * Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng GV bổ sung thêm VD, yêu cầu học sinh xác định từ mang ý cầu khiến và nêu chức năng + <i>Sứ giả hãy mau mau về xin nhà vua đút cho ta một con ngựa sắt !-> Yêu cầu, ra lệnh.</i> + <i>Bạn đọc đi! -> Yêu cầu</i> + <i>Bạn nên nghe lời anh ấy đi. -> Khuyên bảo.</i> + <i>Mẹ giặt giúp con chiếc áo này với nhé. -> Đề nghị.</i> * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Cách đọc từ “Mở cửa” trong câu a và câu b có gì khác nhau? 2. Câu “Mở cửa” trong (b) dùng để làm gì ? Khác câu “Mở cửa” trong (a) ở chỗ nào ? 3. Như vậy, nếu không có từ cầu khiến thì căn cứ vào đâu để chúng ta nhận biết? 4. Nhận xét về dấu kết thúc câu cầu khiến ? - HS: tiếp nhận: * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: hoạt động cặp đôi - Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs	
--	--

- <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Khác nhau: Có ngữ điệu khác nhau câu (a) đọc nhẹ nhàng hơn, câu (b) phát âm với giọng nhấn mạnh hơn. Câu (a) là câu trần thuật, câu (b) là câu cầu khiến. 2. Câu (a) dùng để trả lời câu hỏi. Câu (b) dùng để đề nghị, ra lệnh. 3. Căn cứ vào ngữ điệu của câu. 4. Kết thúc bằng dấu chấm than. * Báo cáo kết quả: Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả * Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng GV: Lưu ý: + Khi yêu cầu: người nói là vai trên, người nghe là vai dưới. + Khi đề nghị: người nói là vai dưới, người nghe là vai trên. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(15 phút) 1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập. 2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 1). HĐ cặp đôi (bài 3,5), HĐ nhóm (bài 2,4). 3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - GV đánh giá HS 5. Tiến hành hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: Bài tập 1,2,3,4,5 - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm	- Có những từ cầu khiến, ngữ điệu cầu khiến. - Dùng để: + Khuyên bảo + Yêu cầu + Ra lệnh + Đề nghị. - Kết thúc câu bằng: + Dấu chấm than. + Dấu chấm 3. Ghi nhớ: (SGK) II. Luyện tập:
---	---

- <i>Giáo viên</i>: quan sát, hướng dẫn hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>: Bài 1 : - Hình thức của câu cầu khiến a, Hãy ; b, đi c, đừng - Nhận xét về chủ ngữ: a, vắng chủ ngữ: chủ ngữ là Lang Liêu b, Chủ ngữ là ông giáo. c, Chủ ngữ là chúng ta. Thêm , bớt chủ ngữ : a, Con hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. (làm cho đối tượng tiếp nhận thấy lời yêu cầu nhẹ nhàng tình cảm hơn) b, Hút trước đi. (ý nghĩa câu khiến dường như mạnh hơn, câu nói kém lịch sự hơn) c, Nay các anh đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không. (ý nghĩa câu bị thay đổi; <i>chúng ta</i> bao gồm cả người nói và người nghe, <i>các anh</i> : chỉ có người nghe) Bài 2 : Câu cầu khiến a, Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.(vắng CN) b, Các em đừng khóc. (có CN) c, Đưa tay cho tôi mau; cầm lấy tay tôi này (vắng CN không có từ cầu khiến, chỉ có ngữ điệu cầu khiến) Bài 3 : - Câu a vắng chủ ngữ - Câu b có CN. Nhờ có CN ở câu b ý câu cầu khiến nhẹ hơn , thể hiện rõ hơn tình cảm của người nói đối với người nghe. Bài 4: - Đế Choắt nói với Đế Mèn (mục đích cầu khiến) - Đế Choắt tự coi mình là vai dưới so với Đế Mèn và lại là người yếu đuối, nhút nhát vì vậy ngôn từ của Đế Choắt thường khiêm nhường, có sự rào trước đón sau. - Trong lời Đế Choắt tác giả không dùng câu cầu khiến (mà dùng câu nghi vấn: hay là) làm cho ý cầu khiến nhẹ hơn, ít rõ ràng hơn. Cách dùng lời cầu khiến như thế rất phù hợp	
--	--

với tính cách Dế Choắt. Bài 5: Đi đi con! -> chỉ có người con đi. Đi thôi con. -> người con và cả người mẹ cùng đi. * Báo cáo kết quả: - HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3, 4, 5 * Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**
 - HS tự đánh giá
 - HS đánh giá lẫn nhau
 - Giáo viên đánh giá
5. **Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

 - **Gv:** Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng câu cầu khiến?
 - **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

 - **Học sinh:** trả lời
 - **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
 - **Dự kiến sản phẩm:** bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

 - + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá**
 - HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Tìm 1 số câu thơ, câu văn có sử dụng câu cầu khiến

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 21:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 20 - Tiết 83: Tập làm văn

THUYẾT MINH MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Biết cách thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

2. **Năng lực:** Có kĩ năng làm bài văn thuyết minh. Năng lực trình bày giới thiệu về một DLTC mà HS yêu thích

3. **Phẩm chất:** Có ý tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, quý trọng, giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo những danh lam thắng cảnh của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1 Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi học về văn thuyết minh

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV:

1. Kể tên những danh lam thắng cảnh mà em biết?

2. Em đã được tham quan ở nơi nào chưa? Em hãy thử làm một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho các bạn nghe về địa danh đó.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: trả lời

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm: Đền Hùng, Vịnh Hạ Long, chùa Hương

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời cá nhân

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV gieo vấn đề vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu

-> GV nêu mục đích bài học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI HD 1: I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh (23 phút) 1. Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh 2. Phương thức thực hiện: Thảo luận nhóm,	I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh: 1. Ví dụ: Độc VB: “Hồ

* Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá -> GV chốt kiến thức và ghi bảng GV bổ sung: Tuy bài này được chia làm 3 phần nhưng không phải là 3 phần của 1 VB là MB, TB, KL như bố cục thường gặp. Vậy để bài viết hoàn thiện, ta phải -> Bổ sung thêm MB và KB. GV: + Mở bài: có thể giới thiệu, dẫn khách có cái nhìn bao quát về quần thể DLTC Hồ Hoàn Kiếm- Đền Ngọc Sơn. + Kết bài: ý nghĩa lịch sử –VH-XH của DLTC, bài học về giữ gìn và tôn tạo thắng cảnh. Ngoài ra, bài viết này còn chưa giới thiệu vị trí cụ thể, độ rộng hẹp của hồ (Phải nêu rõ vị trí của tháp rùa, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn ở chỗ nào, hướng nào của hồ, cách bao nhiêu mét). Và có thể còn phải giới thiệu quang cảnh xung quanh: cây cối, màu sắc, mặt nước... Bài văn còn thiếu yếu tố miêu tả và lời bình luận của tác giả. ? Vậy muốn viết bài văn giới thiệu về danh lam thắng cảnh người viết cần phải làm gì ? Bố cục ntn ? Lời giới thiệu cần đảm bảo yêu cầu gì ? Gọi HS đọc Ghi nhớ sgk	3. Ghi nhớ: (sgk - 34).
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(15') 1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn thuyết minh để làm bài tập. 2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập 4. Phương thức kiểm tra đánh giá - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau	II. Luyện tập: 1. Bài tập 1: a) MB: - Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm. - Vị trí của danh lam thắng cảnh. b) TB: - Giới thiệu vị trí của hồ, diện tích , độ sâu. - Giới thiệu hồ Hoàn Kiếm gồm 2 bộ phận : Hồ và đền được nối bởi cầu Thê Húc.

- Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: Làm bài tập 1,2,3,4 sgk Bài 1,3: làm việc cá nhân Bài 2, 4 thảo luận cặp đôi * HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Hs: làm bài cá nhân, cặp đôi - Gv: quan sát, giúp đỡ Hs - Dự kiến sản phẩm: .. . * Báo cáo kết quả: Hs trình bày bài làm của mình * Đánh giá kết quả - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá	- Giới thiệu chi tiết: + Hồ Hoàn Kiếm : Nguồn gốc tên gọi ở mỗi thời kì. + Đền Ngọc Sơn : Tên gọi gắn với những sự kiện lịch sử khác nhau. Miêu tả Tháp Bút, Đài Nghiên, đền Ngọc Sơn (kiến trúc, vai trò...). c) KB: - Vị trí của thắng cảnh trong đời sống con người. - Cần làm gì để phát huy, giữ gìn cảnh đẹp đó. 2. Bài tập 2: - Nhìn bao quát toàn cảnh: từ đường Đinh Tiên Hoàng nhìn Đài Nghiêng, Tháp Bút, qua cầu Thê Húc, vào đền. Tả bên trong đền. Từ trấn Ba Đình nhìn ra hồ, về phía Thủy Tạ, phía Tháp Rùa -> giới thiệu tiếp. Từ phố Hàng Khay nhìn bao quát cảnh hồ đền để kết luận. 3. Bài tập 3: - Truyền thuyết trả gươm thần, cầu Thê Húc, Tháp Bút, vấn đề giữ gìn cảnh quan và sự trong sạch của Hồ Gươm. 4. Bài tập 4: - Vào phần mở bài và kết bài của bài văn.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**
 - HS tự đánh giá
 - HS đánh giá lẫn nhau
 - Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- **Gv:** Viết một đoạn văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử ở địa phương em.

- **HS:** tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- **Học sinh:** trả lời

- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- **Dự kiến sản phẩm:**

+ Đủ bố cục 3 phần

+ Giới thiệu được: tên, địa điểm, cấu trúc, vai trò ý nghĩa và cách giữ gìn phát huy vai trò của DLTC ấy.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động :**

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- **Gv:** Tìm 1 số bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh nổi tiếng qua sách báo, đài truyền hình

- **HS:** tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- **Học sinh:** làm bài

- **Giáo viên:** chấm bài.

- **Dự kiến sản phẩm:** bài làm của học sinh

* **Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 21:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 20 - Tiết 84: Tập làm văn ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhớ lại khái niệm của kiểu bài thuyết minh
- Ôn lại vai trò, tác dụng, đặc trưng, phương pháp của văn bản thuyết minh.
- Nắm vững bố cục bài văn TM và cách làm bài văn thuyết minh.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

1. Nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh? 2. Văn bản thuyết minh có vai trò tác dụng như thế nào trong đời sống? 3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì? 4. Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm - Giáo viên: hướng quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Kn: VB thuyết minh là kiểu VB thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và XH bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. * Báo cáo kết quả: Gv: Gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút) 1. Mục tiêu: -Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS tự đánh giá - Hs: đánh giá lẫn nhau - Gv: đánh giá hs	- Cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các sự vật, hiện tượng 2. Tính chất : - Chính xác, khách quan , khoa học 3. Yêu cầu : - Quan sát, tìm hiểu, nắm bắt được đặc điểm, tính chất của đối tượng 4. Phương pháp: - Định nghĩa, liệt kê, ví dụ, so sánh, đối chiếu, phân tích, phân loại, dùng số liệu..... II. Luyện tập: 1. Bài tập 1: * Lập ý: - Xác định đối tượng: Chiếc bút- đồ dùng quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống. - Xác định phạm vi
--	--

5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: Bài 1 Hãy nêu cách lập ý và lập dàn bài một trong các đề a. Giới thiệu 1 đồ dùng trong học tập hoặc sinh hoạt b. Giới thiệu 1 danh lam thắng cảnh ở quê hương em Bài 2: Tập viết đoạn văn 1 trong các đề bài trong SGK T36 - Hs: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Bài 1: * Lập ý: - Xác định đối tượng: Chiếc bút- đồ dùng quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống. - Xác định phạm vi kiến thức: Đặc điểm, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản * Lập dàn bài: a. Mở bài: Giới thiệu chiếc bút. b. Thân bài Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu tạo của chiếc bút. Nêu công dụng, cách sử dụng, bảo quản. c. Kết bài: Khẳng định vai trò của chiếc bút trong cuộc sống. Tình cảm của em. Bài 2: 1) Đền Hùng là một di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Phú Thọ nói riêng, của cả nước nói chung. (2) Đền Hùng là nơi thờ tự các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của đất nước ta. (3) Đền Hùng tọa lạc trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh hay còn gọi là núi Hùng, núi Cả, núi Hy Cương, cao 175m so với mực nước biển.(4) Đầu tiên, chúng ta bước đến cổng đền được xây năm 1917 với dòng chữ “Cao sơn cảnh hành”. (5) Theo những bậc đá mòn dưới những tán cây cổ thụ xanh mát, chúng ta lên đến Đền Hạ rồi đến Đền Trung và cuối cùng là	kiến thức: Đặc điểm, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản * Lập dàn bài: a. Mở bài: - Giới thiệu chiếc bút. b. Thân bài - Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu tạo của chiếc bút. - Nêu công dụng, cách sử dụng, bảo quản. c. Kết bài: - Khẳng định vai trò của chiếc bút trong cuộc sống. - Tình cảm của em. 2. Bài tập 2:
---	---

Đền Thượng. (6) Men theo sườn dốc, chúng ta đến với Đền Giếng gắn liền với bao huyền tích lịch sử về những nàng công chúa xa xưa.(7) Đến thăm đền Hùng, du khách sẽ cảm nhận được không khí trang nghiêm, u tịch và huyền bí, gợi sự thiêng liêng và lòng thành kính đối với tổ tiên của chúng ta. * Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng * Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết đoạn văn thuyết minh giới thiệu 1 loài hoa vào dịp tết đến xuân về
- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:*
 - + Đủ bố cục 3 phần
 - + Giới thiệu được: Nguồn gốc, cấu tạo, công dụng ý nghĩa, cách chăm sóc và giữ gìn

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Tìm 1 số bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh nổi tiếng qua sách báo, đài truyền hình

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 22:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 21 - Tiết :
NGẮM TRĂNG

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên đặc biệt sâu sắc của Bác dù trong hoàn cảnh tù ngục, Người vẫn mở rộng tâm hồn, tìm đến giao hòa với thiên nhiên. Thấy được phong thái ung dung, bản lĩnh cách mạng ở Bác.

- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

HS quan sát tập thơ « Nhật kí trong tù »

? Nêu hiểu biết của em về tập thơ?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đầy ở Quảng Tây (Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Trăng vốn là đề tài quen thuộc trong thơ Bác VD “Cảnh khuya, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Giới thiệu chung 1. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu ? Nêu những hiểu biết của em về bài thơ? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> - Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù” - Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. - Thể loại: thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: 2. Văn bản: a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại: - Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù” - Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. - Thể loại: thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. b, Đọc, chú thích, bố cục: - Đọc: - Chú thích: - Bố cục:

Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản 1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh ngắm trăng của Bác? Câu thơ sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? 2. So sánh câu 2 với nguyên tác? 3. Qua đó, em có nhận xét gì về Người? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh: Khi Bác bị giam cầm trong nhà tù TGT: thiếu thốn đủ thứ, không rượu và cũng không có hoa. - Điệp ngữ “vô”-> Như lời khẳng định, nhấn mạnh không hề có rượu và có hoa cho cuộc thưởng ngoạn. Gv: Rượu và hoa là những thứ mà thi nhân thường có để ngắm trăng. Có rượu để có thể cất chén mời trăng sáng, có rượu để thi hứng thêm nồng và hoa làm cho cảnh thêm lãng mạn và thơ mộng. Các thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp thường đem rượu uống trước hoa để thưởng trăng; có rượu và hoa thì thưởng trăng mới thật mỹ mãn. Nói chung người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi, tâm hồn thư thái. Nhưng ở đây, HCM ngắm	II. Đọc- Hiểu văn bản: 1. Hai câu đầu: - NT: điệp từ -> nhấn mạnh hoàn cảnh ngắm trăng: đặc biệt, thiếu thốn, mất tự do.
--	--

trắng trong một hoàn cảnh đặc biệt: trong ngục tù! Bậc tao nhân mặc khách thường trắng đó đang là một tù nhân bị đầy đọa vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của cái nhà tù tàn bạo ấy làm sao phù hợp với việc thưởng nguyệt! làm sao có rượu và hoa để thưởng trăng? 2. 3 tiếng “nại nhược hà” (biết làm thế nào) dịch thành “khó hững hờ” đổi từ câu hỏi thành câu trần thuật làm mất đi cái xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ, rất nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên của Bác Hồ. “Khó hững hờ” cho thấy hình như nhân vật trữ tình quá bình thản, có phần hững hờ chứ không rung động mạnh mẽ như trong nguyên tác. 3. Yêu thiên nhiên, rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp thiên nhiên dù đang là thân tù. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Nhận xét về cấu trúc và nghệ thuật của hai câu thơ? Nêu tác dụng? 2. Qua bài thơ em hiểu gì về Bác ? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi.	- Câu hỏi tu từ -> sự xốn xang, bối rối, nhạy cảm trước cảnh trăng đẹp. 2. Hai câu cuối: - NT đối, nhân hóa.
--	--

- <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>: 1. - Cấu trúc: Nhân hướng song tiền khán/ minh nguyệt. Nguyệt/ tòng song khích khán/ thi gia. NT đối -> hành động cùng song song diễn ra -> một cuộc giao hòa gần gũi, thân thiết giữa người với trăng. - NT: + đối: nhân – nguyệt. minh nguyệt- thi gia. + nhân hóa -> Người tù hướng tâm hồn ra ngoài cửa sổ. Vầng trăng cũng chủ động vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ. Cả hai đều chủ động tìm đến nhau, giao hoà cùng nhau. Cấu trúc đối làm nổi bật tình cảm song phương “mãnh liệt” của cả người và trăng. 2. - Yêu thiên nhiên, mong muốn giao hòa với thiên nhiên. - Phong thái ung dung, lạc quan vượt lên hoàn cảnh tù ngục => Đó chính là chất thép của người chiến sĩ cách mạng . Bài thơ là một cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác. Bài thơ là minh chứng sinh động cho hai câu thơ Bác viết trang bìa tập NKTT: “Thân thể ở trong lao Tinh thần ở ngoài lao”. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá.	-> Người tù chủ động tìm đến với thiên nhiên, quên đi thân phận tù đầy. Vầng trăng cũng chủ động vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ.=> Một cuộc giao hòa, gần gũi thân thiết. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật:
---	--

- Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: + NT: - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt chữ Hán mang dáng vẻ cổ điển. - Sử dụng phép đối, phép nhân hoá linh hoạt. - Hình ảnh thơ giản dị. + Tình yêu thiên nhiên, phong thái ung dung của Người. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP 1. Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS tự đánh giá - Hs: đánh giá lẫn nhau - Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn Bác qua bài thơ.	2. Nội dung: * Ghi nhớ: sgk/38 IV. Luyện tập:
---	--

- Hs: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: * Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng * Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** ? Đọc diễn cảm bài thơ dịch của Nam Trân? Bài thơ ghi lại cảnh gì?

? Tình cảm của bác được thể hiện ra sao?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- Dự kiến sản phẩm:

Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường

Thiếu thốn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động :**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Từ việc tìm hiểu văn bản. Hãy tìm hiểu thêm một số văn bản khác có của Bác thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 22:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 21 - Tiết :

ĐI ĐƯỜNG

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được ý nghĩa tư tưởng của bài thơ Đi đường. Từ việc đi đường gian lao mà nói lên bài học đường đời, đường cách mạng.
- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

Đọc một số bài thơ của Bác mà hs đã chuẩn bị ở nhà. Em hiểu được điều gì về Bác từ những văn đó ?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đầy ở Quảng Tây (Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Trăng vốn là đề tài quen thuộc trong thơ Bác VD “Cảnh khuya, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Giới thiệu chung 1. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu ? Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> + Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù” + Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. + Thể loại: - Nguyên tác: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: 2. Văn bản: a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại: - Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù”

- Bản dịch: thơ lục bát.* Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản 1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. So sánh nguyên tác và bản dịch xem có gì khác nhau giữa hai câu đầu? Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật và tác dụng của nó ở câu thơ đầu?Nêu tác dụng của nó? 2. Hãy phân tích 2 lớp nghĩa của câu thơ này? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs 1. - So sánh nguyên tác và bản dịch :Bản dịch mất đi một chữ “tẩu lộ” - Điệp từ : Tẩu lộ → làm nổi bật ý tẩu lộ nan → giọng thơ suy ngẫm thể hiện cuộc đời của Bác : Bác bị giải hết từ nhà lao này sang nhà lao khác → thể hiện nỗi gian lao, vất vả của người đi bộ trên đường núi. Gv: Đó là những suy ngẫm, thấm thía rút ra từ bao cuộc đi	- Hoàn cảnh sống tởc: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. - Thể loại: ... b, Đọc, chú thích, bố cục: II. Đọc hiểu văn bản: 1. Hai câu đầu: - NT: điệp-> suy ngẫm của Bác về sự gian nan khi đi đường.
---	--

đường, chuyển lao khổ ải, “dãi nắng dầm mưa”, “trèo núi qua truông” của chính tác giả- người tù CM HCM- trong chuỗi ngày bị tù đầy cực khổ “sống khác loài người” ở QT (TQ). Nỗi gian lao của người đi bộ đường núi là điều không nói ai cũng biết, nhưng không phải ai cũng cảm nhận một cách thấm thía. Chỉ có người nào đã từng trải qua, từng thể nghiệm thì mới thấu hiểu đầy đủ cái sự thật hiển nhiên đó và mới thật sự thấm thía mấy chữ “đường đi khó” (tẩu lộ nan) rất mực giản dị trong bài thơ.

+ Phân tích 2 lớp nghĩa của câu thơ này?

- Nghĩa đen : Nói cụ thể cái gian lao của tẩu lộ : Vượt qua rất nhiều núi, hết dãy này đến dãy khác, liên miên bất tận ý thơ

- Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời.

+ Động từ: Trùng san } Làm nổi bật (lớp núi)

hình ảnh thơ

+ Từ : Hữu -> nhấn mạnh và làm sâu sắc ý thơ

- Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời.

G: Câu thơ chữ Hán lặp lại hai lần chữ “trùng san” (...) với chữ “hựu” (lại) ở giữa, đã làm nổi bật hình ảnh thơ và nhấn mạnh, làm sâu sắc ý thơ. Với hai chữ “tài tri” (mới biết) ở câu một, chữ “ hựu” ở câu hai, ta thấy dường như thấp thoáng nhân vật trữ tình- người tù CM HCM đang cảm nhận thấm thía , suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi, cũng như con đường CM, con đường đời * **Báo**

cáo kết quả: Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc

Khó khăn, gian
lao chông chất trên
đường hoạt động
cách mạng.

2. Hai câu cuối:

- Điệp từ vòng.

-> mạch thơ nổi
liền: chuyện đương
gian lao kết thúc,
mở ra một ý mới

sắc của từng từ ngữ trong bài thơ 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán? Nêu tác dụng của nó? 2. Tâm trạng của người tù khi đứng trên đỉnh núi? Vì sao người có tâm trạng ấy? * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán? - Điệp từ vòng “ trùng san” -> Làm cho mạch thơ, ý thơ nối liền tạo cảm giác những dãy núi kia cứ kéo dài mãi không hết Mở ra một ý mới tạo đà cho câu hợp. 2. Tâm trạng: Vui sướng đặc biệt, bất ngờ-> niềm vui hạnh phúc hết sức lớn lao của người chiến sĩ cách mạng khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi sau bao gian khổ hy sinh. Câu thơ hiện ra hình ảnh con người đứng trên đỉnh cao thắng lợi với tư thế làm chủ thế giới * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ	- Tư thế người đi đường có sự thay đổi. - Tâm trạng vui sướng, hân hoan, tự do, làm chủ. III. Tổng kết: 1.Nghệ thuật:
--	--

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: + NT: - Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi cảm và giàu cảm xúc. - Bản dịch thơ có tác dụng nhất định. + ND: Bài thơ có 2 lớp nghĩa - Nghĩa đen : Nói về việc đi đường núi - Nghĩa bóng : Con đường cách mạng, đường đời Bác Hồ muốn nêu lên một chân lý, một bài học rút ra từ thực tế : Con đường cách mạng là lâu dài, là vô vàn gian khổ, nhưng nếu kiên trì bền chí để vượt qua gian nan thử thách thì nhất định sẽ đạt tới thắng lợi rực rỡ * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP 1. Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập	2. Nội dung: * Ghi nhớ: sgk/40 IV. Luyện tập:
--	---

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS tự đánh giá - Hs: đánh giá lẫn nhau - Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: Nêu các nét nghĩa trong bài thơ “ Đi đường” - Hs: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân - <i>Giáo viên:</i> quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> * Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng * Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

- Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
- Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
- Phương án kiểm tra đánh giá:**
 - HS tự đánh giá
 - HS đánh giá lẫn nhau
 - Giáo viên đánh giá
- Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

 - **Gv:** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những điều em học tập được qua văn bản.
 - **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

 - *Học sinh:* trả lời
 - *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- *Dự kiến sản phẩm:*

Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường

Thiếu thốn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động :**

* **Chuyên giao nhiệm vụ:**

- Gv: Từ việc tìm hiểu văn bản. Hãy tìm hiểu thêm một số văn bản khác có của Bác thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung.

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* **Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

.....
.....
.....

Tuần 22:

Ngày soạn: 24

Ngày dạy:

Bài 21. Tiết 87: Tiếng Việt
CÂU CẢM THÁN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán. Phân biệt câu cảm thán với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cảm thán; biết dùng câu cảm thán phù hợp tình huống giao tiếp.

2. Năng lực: HS có kĩ năng dùng câu cảm thán phù hợp với tình huống giao tiếp. Kĩ năng sử dụng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

? Kể tên cá kiểu câu đã được học trong học kỳ 2?

? Cho biết các câu sau đây thuộc kiểu câu nào ?

- a. Em nên chăm chỉ học tập.
- b. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:
 - Câu nghi vấn
 - Câu cầu khiến
 -

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán 1. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về câu cảm thán 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu ? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs	I. Đặc điểm hình thức và chức năng: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: - Hình thức: + Có chứa các từ cảm thán: hỡi ơi, than ôi, trời ơi... + Thường kết thúc bằng dấu chấm than. - Chức năng: + Dùng để bộc lộ cảm xúc + Xuất hiện trong ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ văn chương.

- Dự kiến sản phẩm: - Hình thức: + Có chứa các từ cảm thán: hỡi ơi, than ôi, trời ơi... + Thường kết thúc bằng dấu chấm than. - Chức năng: + Dùng để bộc lộ cảm xúc + Xuất hiện trong ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ văn chương. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	3. Ghi nhớ :sgk
--	-------------------------------

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cặp đôi (Bt1), nhóm (BT2), cá nhân (BT3)

3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá
- Hs: đánh giá lẫn nhau
- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv: theo sgk
- Hs: tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài 1:

a. Than ôi ! Lo thay !

Nguy thay !

b. Hỡi cảnh rừng...

c. Chao ươi , có biết đâu rằng... thôi.

Những câu còn lại khụng phải là câu cảm thán vì không có các từ cảm thán. Đặc điểm hình thức quan trọng để nhận biết

2. Bài 2:

- a. Lời than thở của người nông dân dưới chế độ phong kiến.
 - b. Lời than thở của người chinh phụ trước nỗi truân chuyên do chiến tranh phi nghĩa gây ra.
 - c. Tâm trạng bế tắc của nhà thơ trước cuộc sống. (Trước Cm T8)
 - d. Sự ân hận của Dế Mèn trước giờ Dế Choắt chết.
- Các câu này đều bộc lộ cảm xúc tình cảm nhưng không phải là câu cảm thán được vì nó không có từ cảm thán.

3. Bài 3:

- a. Bà ơi, tình cảm của bà giành cho cháu thật là quý báu biết bao !
- b. Chao ôi, mặt trời lên đẹp quá !

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn trong có sử dụng câu cảm thán? Chỉ ra câu cảm thán đó.

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- **Dự kiến sản phẩm:**

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động :**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Tìm và chép lại 1 số câu thơ, câu văn trong các văn bản đã học, đã đọc có sử dụng câu cảm thán. Nêu công dụng của các câu cảm thán đó.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 23:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 22. Tiết: Văn bản

CHIẾU DỜI ĐÔ

(Thiên đô chiếu)

- Lý Công Uẩn-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thấy được khát vọng của ND ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua bài chiếu này.- Nắm được đặc điểm của thể chiếu. Thấy được sức thuyết phục to lớn của chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cam thụ tác phẩm VH.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về triều đại đầu tiên nhà Lí và công lao của Lí Công Uẩn đối với đất nước.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

? Dựa vào kiến thức lịch sử cho biết: Nhà vua đầu tiên của triều Lí là ai? Ông có công gì với đất nước? Em hãy cho ví dụ?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

họ Phạm, sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974), mẹ chết khi mới sinh, thiền sư Lí Khánh Văn nhận làm con nuôi, Lí Công Uẩn là người thông minh và có chí khí khác người ngay từ nhỏ. - Nhờ sự nuôi dạy của nhà sư Lí Khánh Văn và Lí Vạn Hạnh, Lí Công Uẩn trở thành người xuất chúng, văn võ kiêm toàn, làm đến chức Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất, triều thần tôn Lí Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, niên hiệu Thuận Thiên, vẫn lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư. 2. Văn bản: - HCST: Năm 1010, Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay) sau đổi tên là Thăng Long tức rồng bay lên thể hiện thể phát triển đi lên của Đại Việt. - Được viết bằng chữ Hán. - Bố cục: + Từ đầu -> không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô. + Tiếp theo-> muôn đời: những lí do để chọn Đại La làm kinh đô. + Còn lại: Kết luận. 3. Thể chiếu: - Chiếu là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. - Chiếu: có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu, hoặc văn xuôi (biền: là hai con ngựa kéo xe sóng đôi; ngẫu: là từng cặp) tức là những cặp câu cân xứng với nhau. VD: “đã đứng ngôi nam bắc đông tây; lại... dựa núi”. - Đặc điểm riêng: đây là văn bản viết bằng văn xuôi có xen các câu văn biền ngẫu. 4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề sự cần thiết phải dời đô từ Hoa Lư về Đại La. G nêu yêu cầu đọc: giọng điệu chung trang trọng, mạch lạc, rõ ràng, cần chú ý nhấn mạnh sắc thái tình cảm tha thiết,	người thông minh, nhân ái, có chí lớn, là người sáng lập vương triều nhà Lí. 2. Văn bản a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại : Được Lí Công Uẩn viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô ra thành Đại La (Hà Nội) - Thể loại: Chiếu b. Đọc, chú thích bố cục
---	--

chân thành. VD: “Trăm rất đau xót.....” ? Bài văn có mấy luận điểm? Xác định ranh giới các luận điểm trong văn bản? - Từ đầu -> không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô. - Tiếp theo -> muôn đời: những lí do để chọn Đại La làm kinh đô. - Còn lại: Kết luận. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: - Lí Công Uẩn từ nhỏ đã sống trong chùa, một môi trường dễ làm con người ta có một tâm hồn nhân bản. Ngày nay tại vườn hoa Chí Linh – HN nhân dân ta đã lập tượng đài Lí Thái Tổ. Từ bé Lí Công Uẩn vốn đã thông minh, tuấn tú khác người. Nhà sư Vạn Hạnh từng khen: Đứa bé này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối làm bậc minh chủ thiên hạ. - Chiếu, hịch, cáo nói chung là những văn bản chính luận thường là mệnh lệnh hoặc lời kêu gọi thông báo từ trên ban xuống (thể hịch và cáo các em sẽ được học ở các bài sau). Đây là văn bản viết bằng chữ Hán. “Chiếu dời đô” còn có đặc điểm riêng: đó là bên cạnh tính chất mệnh lệnh là tính chất tâm tình và để rõ hơn các em tìm hiểu phần III. Hoạt động 2: Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô: 1. Mục tiêu: - Thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất hùng cường và khí phách của dân tộc Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua Chiếu dời đô; - Thấy được sức thuyết phục của Chiếu dời đô là sự kết hợp	II. Đọc - hiểu văn bản 1. Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô :
--	---

giữ lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Tác giả đã phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô bằng cách nào? Tác dụng của cách lập luận ấy? 2. Nhận xét về cách lập luận của tác giả? 3. Qua đó, em có nhận xét gì về LCU? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Tác giả phân tích bằng cách: - Mở đầu, nhà vua viện dẫn sử sách, nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên TQ: Thời nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần....nhằm mục đích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh tính kê lâu dài, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân. -> Kq: làm cho đất nước được vững bền, phát triển thịnh vượng. -> Tác dụng: tạo một tiền đề lý luận vững chắc. Đó đều là những chuyện đã xảy ra trong thực tế bởi vậy nếu có làm theo cũng không có gì là bất thường. Hơn nữa những việc làm đó hợp lòng trời vừa lòng dân. Hội tụ các yếu tố thiên thời địa lợi nhân hoà, có tác dụng thu phục lòng người.	- Viện dẫn sử sách
---	---------------------------

- Sau đó, tác giả soi sử sách vào tình hình thực tế của dân tộc để nhận xét có tính chất phê phán hai triều đại Đinh, Lê cứ đóng yên đô tại Hoa Lư gây ra những sai lầm: không theo mệnh trời (không phù hợp với quy luật khách quan), không biết học theo cái đúng của người xưa, dẫn đến hậu quả: triều đại ngắn ngủi, nhân dân khổ sở, vạn vật không thích nghi, không thể phát triển trong vùng đất chật chội. - Cuối cùng tác giả khẳng định: “Không thể không dời đổi” 2. Nhận xét: - Cách lập luận hợp lí, chặt chẽ. - Cùng với dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm (tình cảm chân thành của tác giả) “Trầm rất đau xót...” làm cho lời văn tác động mạnh đến tình cảm người nghe, người đọc làm tăng sức thuyết phục. - Tuy nhiên cần nhìn nhận công bằng hơn với hai triều đại này vì thực ra khi đó thế và lực của triều Đinh, Lê chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng để phòng thủ tốt cần phải dựa vào địa thế hiểm trở của vùng núi Hoa Lư để chống giặc ngoại xâm. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: Trong lí luận của tác giả đã hội tụ ba điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà có tác dụng đánh vào lòng người. Muốn thuyết phục được người nghe cần phải có lí lẽ dẫn chứng rõ ràng, ở đây tác giả đã viện dẫn lịch sử Trung Quốc làm tiền đề. Đặt vào thời kì ấy cũng là lẽ tự nhiên. Vì trong tâm lí người xưa thường lấy Trung Quốc – một láng giềng khổng lồ của chúng ta làm hình mẫu. Đó là cách lập luận thường gặp trong văn học cổ VD trong “Hịch tướng sĩ; Bình Ngô Đại Cáo”. Đó là cách đánh vào nhân tâm phù hợp tâm lí người nghe. Điều này chứng tỏ LCU đã rất sáng suốt ngay từ	- Soi sử sách vào tình hình thực tế. - Dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm. Lập luận hợp lí, chặt chẽ.
--	--

những lập luận đầu tiên. Như vậy để thuyết phục người nghe tác giả không chỉ có cái lí bên ngoài mà còn kết hợp cả lôgíc bên trong đó là tấm lòng riêng, tình cảm riêng của tác giả. Sự kết hợp hài hoà giữa lí và tình tạo nên vẻ đẹp lung linh cho ngôn ngữ lập luận của văn nghị luận vốn rất khô khan. Lời kết đoạn 1 là phủ định một điều phủ định ấy chính là sự khẳng định. Đó là chân lí của tư duy. Đây là một quyết định cực kì quan trọng đối với một dân tộc. Song văn bản thực sự đi vào lòng người có lẽ phải ở luận điểm thứ hai. Hoạt động 3: Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất: 1. Mục tiêu: thấy được những lí do để LCU chọn Đại La làm kinh đô và tài năng lập luận của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1.Theo tác giả, những lí do nào để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước? 2. Tác giả đã lập luận bằng cách nào? 3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho em hiểu gì về đức vua Lí Thái Tổ? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Theo tác giả, những lí do để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước:	2. Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất:
---	--

- Về vị trí địa lí: ở vào nơi trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, mở ra 4 hướng nam bắc đông tây, có núi có sông đất rộng mà bằng phẳng, cao mà bằng phẳng, tránh được lụt lội, chật chội.. - Vị thế chính trị- văn hoá: là đầu mối giao lưu, chốn hội tụ của 4 phương là mảnh đất hưng thịnh “muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”. 2. Tác giả đã lập luận bằng cách: - Sử dụng từ “huống gì” nối kết đoạn văn: logic và liên mạch. - Sử dụng câu văn biền ngẫu, mỗi câu có hai vế tác động bổ sung cho nhau với NT đối rất chỉnh (đối ý, đối lời, đối thanh, đối nhịp). - Có sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghị luận và biểu cảm “Xem khắp....” - Hình ảnh vừa tả thực vừa bay bổng tạo vẻ đẹp hào hùng cho phong cảnh Đại La. - Lí lẽ đưa ra rất chặt chẽ được dẫn dắt cụ thể linh hoạt . Tất cả nhấn mạnh địa thế tuyệt vời của thành Đại La. 3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho thấy đức vua Lí Thái Tổ là một người có tầm nhìn chiến lược, có quyết định sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có ý chí hoài bão lớn lao, có ý thức trách nhiệm với đất nước, dân tộc. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: Việc làm đó có tác dụng tạo tiền đề cho sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc, điều đó được lịch sử chứng minh với 8 đời vua nhà Lí (Lí Bát Đế), phát triển rực rỡ thịnh vượng với hội tào đàn, đời sống ấm no hạnh phúc. Cho đến ngày nay không phải ngẫu nhiên chúng ta tiến hành kỉ niệm 990 năm tiến tới 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Song cơ bản ẩn đằng sau đó là một tâm hồn lớn. Nếu không có	- Lợi thế của thành Đại La: + Vị trí địa lí. + Vị thế chính trị, văn hóa. -> xứng đáng là kinh đô đất nước - Lập luận chặt chẽ, câu văn biền ngẫu, cân xứng.
--	---

tâm huyết, không có tâm hồn không bao giờ có khát khao đời đô. Tự đặt mình vào một vị thế mới chứng tỏ một hoài bão rất lớn, một ý thức trách nhiệm rất cao nghĩ đến tương lai một dân tộc. Chính vì vậy nâng “Chiếu dời đô” lên một tầm cao mới. Nó không chỉ là một quyết định khô khan, ban bố, mệnh lệnh mà là tiếng nói đầy tâm huyết của một tấm lòng yêu nước. => Hình ảnh thành Thăng Long, chùa Một Cột thủ đô HN phát triển rực rỡ là những minh chứng hùng hồn cho quyết định sáng suốt của LCU. Hoạt động 4: Thông báo về quyết định dời đô 1. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu Tác giả kết thúc bài chiếu bằng cách nào? Nêu nhận xét của em về cách kết thúc ấy? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> - Kết thúc chuyển từ đơn thoại sang đối thoại thể hiện sự đồng cảm sâu sắc giữa đức vua và bề tôi. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá	3. Thông báo về quyết định dời đô Kết thúc nhẹ nhàng, cởi mở, mang tính dân chủ.
---	---

* Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP 1. Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS tự đánh giá - Hs: đánh giá lẫn nhau - Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: Sự hấp dẫn của bài “Chiếu dời đô” là ở sự kết hợp giữa lí trí và tình cảm. Hãy làm sáng rõ điều này ? - Hs: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: - Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực. - Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần... * Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng * Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	Phản ánh khát vọng... IV. Luyện tập:
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

- 1. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- 2. Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
- 3. Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
- 4. Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: ? Từ bài Chiêu dời đô, em trân trọng những phẩm chất nào của Lí Công Uẩn ? Em học được điều gì về ông?
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:
 - Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.
 - Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.
 - Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Tìm và chép lại 1 số văn bản tương tự.
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* **Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 23:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 21. Tiết 90: Tiếng Việt CÂU TRẦN THUẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật. Phân biệt câu trần thuật với các kiểu câu khác.

2. Năng lực: HS có kỹ năng dùng câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Năng lực sử dụng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

* *Chuyên giao nhiệm vụ:*

- Gv: nêu câu hỏi

GV treo bảng phụ ghi đoạn hội thoại của 2 HS.

Trên đường đi học về, An hỏi Quỳnh:

- Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?

- Mình được 9 điểm.

- Ôi, điểm cao thế!

- Điểm của bạn cũng cao mà...

? Dựa vào kiến thức đã được học về kiểu câu chia theo mđ nói, em hãy xác định kiểu câu của 4 câu hội thoại trên? Dựa vào đâu để em xác định câu trên ?

- Hs: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

- Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?(câu nghi vấn)

- Mình được 9 điểm. (câu trần thuật - có thể không xđ được)

- Ôi, điểm cao thế! (câu cảm thán)

- Điểm của bạn cũng cao mà...(câu trần thuật - có thể không xđ được)

HS có thể trả lời được câu nghi vấn và cảm thán dựa vào đặc điểm hình thức và chức năng, còn câu trần thuật có thể không...

* *Báo cáo kết quả:* Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật 1. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về câu trần thuật 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm	I. Đặc điểm hình thức và chức năng: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Dựa vào đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán cho biết những VD trên câu nào có đặc điểm hình thức của câu cảm thán, câu khiến, nghi vấn? 2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để làm gì? 3. Qua tìm hiểu VD trên em rút ra nhận xét gì về câu trần thuật? 4. Chức năng chính của câu trần thuật là gì? 5. Trong các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất? Vì sao? 6. Nhận xét về dấu của các câu trần thuật trên? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Cả 3 ví dụ a, b, c, không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu khiến và cảm thán. VD d: C1 là câu cảm thán vì có chứa từ ngữ cảm thán “Ôi!”. C2, 3 mặc dù có dấu chấm than ở cuối câu nhưng không phải là câu cảm thán vì không có chứa những từ ngữ cảm thán. G: Vậy các câu trên gọi là câu trần thuật. 2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để: - VDa: C1;2 trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc ta. - C3: yêu cầu những người đang sống hôm nay phải có trách nhiệm ghi nhớ công lao ấy. VDb: C1: vừa kể và vừa tả.	- Không có đặc điểm của các kiểu câu... - Dùng để: + Trình bày, kể, thông báo, miêu tả, nhận định. + Yêu cầu,
---	--

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: theo sgk
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

Cả 3 câu đều là câu trần thuật.

C1: dùng để kể.

C2;3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Đế Mèn đối với cái chết của Đế Choắt.

2. Bài tập 2 :

Nguyên tác : câu nghi vấn.

Dịch: câu trần thuật.

=> Cả hai câu đều diễn đạt một ý nghĩa, đêm trăng đẹp gây xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm điều gì đó.

Nhưng câu dịch đã làm mất đi cái xốn xang, bối rối được thể hiện ở lời tự hỏi “biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch “Khó hững hờ” cho thấy nhân vật trữ tình quá bình thản chứ không rung cảm mạnh mẽ như trong người Bác.

3. Bài tập 3 :

- a, Câu cầu khiến.
- b, Câu nghi vấn.
- c, Câu trần thuật.

=> Cả ba câu có chức năng giống nhau dùng để cầu khiến.

- Về ý nghĩa: câu b, c thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu (a).

4. Bài tập 4:

- Tất cả đều là câu trần thuật:
- + Câu a và 2b ý cầu khiến.
- + Câu 1b trần thuật- kể.

5. Bài tập 5 :

Viết bài (bảng phụ).

Yêu cầu: viết đúng chủ đề.

Sử dụng bốn kiểu câu đã học một cách chính xác, hợp lí.

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

Bài 6 : Viết 1 đoạn đối thoại ngắn (Giữa GV với hs hoặc hs với hs...) có sử dụng cả 4 kiểu câu đã học (chỉ rõ từng kiểu câu)?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:*

VD đoạn văn

Trên đường đi học về, Lan và An đang nói chuyện bỗng Lan reo to:

- Ôi, hoa súng nở đẹp quá ! (câu cảm thán)
- Hoa ở đâu ? (câu nghi vấn)
- Phía ao bên kia kìa. (câu trần thuật)
- Cậu lội xuống hái đi ! (câu cầu khiến)

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: ?Đặt câu trần thuật dùng để hứa hẹn, xin lỗi,cảm ơn, chúc mừng, cam đoan ?
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

=====

Tuần 23:

Ngày soạn: 30

Ngày dạy:

Bài 22. Tiết : Tiếng Việt

CÂU PHỦ ĐỊNH

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:**Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.
- 2. Năng lực:** HS có kĩ năng dùng câu phủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.Năng lực dùng câu đúng và hay.
- 3. Phẩm chất:**HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: nêu câu hỏi

GV giao nhiệm vụ đưa tình huống hỏi 2 HS

? Trong giờ sinh hoạt, có một bạn trong lớp nói rằng hôm qua em đi học muộn vì mãi chơi ở quán điện tử nhưng sự thật không phải như vậy. Em sẽ thanh minh (phản bác) lại bạn ntn?

? Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu gì? Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức và chức năng có gì khác so với các kiểu câu đã học?

- Hs: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:

- Không phải thế ! Hôm qua mình không đi chơi điện tử. Xe mình bị hỏng nên không đến đúng giờ.

- Đâu có ! Mình không đi chơi điện tử. Mình bị ngã xe nên không đến đúng giờ.

- Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu phủ định. Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức có từ phủ định ...và chức năng phủ định, phản bác lại ý kiến ...

HS có thể trả lời được câu hỏi trên hoặc có thể không...

* *Báo cáo kết quả:* Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá

Câu phủ định là gì? Đặc điểm hình thức và chức năng của nó là gì khác so với các kiểu câu đã học chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

143

G: Những câu (b,c,d) chứa từ ngữ phủ định người ta gọi đó là câu phủ định. 3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định? - Không phải, nó trần trần như cái đòn càn. - Đâu có! 4. Để phản bác một ý kiến, một nhận định của người đối thoại. 5. HS rút ra từ phần ghi nhớ/ 53. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	+ Thông báo, xác nhận không có sự việc. + Phản bác một ý kiến, nhận định. 3. Ghi nhớ: sgk
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

-Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cặp đôi (Bt2,4), nhóm (BT3,5), cá nhân (BT1)

3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá
- Hs: đánh giá lẫn nhau
- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: theo sgk
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

a) Bằng hành động đó...cho tương lai.

-> Câu phủ định miêu tả

b) Cụm từ tưởng...gì đâu!

-> Câu phủ định bác bỏ: Ông giáo phản bác lại suy nghĩ của lão Hạc về con chó Vàng.

c) Không, chúng con không đói nữa đâu.

-> Câu phủ định bác bỏ: cái Tí phản bác lại điều mà mẹ nó đang nghĩ là nó đói.

2. Bài tập 2:

Cả ba câu đều là câu phủ định vì đều có từ ngữ phủ định. Nhưng nó lại kết hợp với:

a. 1 từ phủ định khác: “ không phải là không”

b. 1 từ nghi vấn: “ai chẳng”

c. 1 từ phủ định khác và một từ bất định: “ không ai không”

-> Khi đó ý của câu phủ định là khẳng định chứ không phải phủ định.

- Những câu không có từ phủ định mà ý tương đương:

a. Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường xong có ý nghĩa (nhất định)

b. Tháng 8, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng ai cũng (mọi người đều) từng ăn trong tết trung thu, ăn...

c. Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có 1 lần...

3. Bài tập 3:

- Nếu thay thì câu văn này phải viết lại: “Choắt chưa dậy được...”.

ý Nghĩa câu thay đổi

“chưa”: sau đó có thể dậy được.

“không”: không thể dậy được

-> Có thể chết.

=> Câu văn của Tô Hoài thích hợp với mạch của câu chuyện hơn.

4. Bài tập 4:

Các câu đó không phải là câu phủ định (vì không có từ ngữ phủ định) nhưng cũng dùng để biểu thị ý phủ định (phủ định bác bỏ, phản bác ý kiến, nhận định trước đó).

a, Ngôi nhà này không đẹp!

b, Không có chuyện đó!

c, Bài thơ này không hay!

c, Tôi cũng chẳng sướng hơn lão.

5. Bài tập 5:

- Nếu thay như vậy ý nghĩa của câu sẽ thay đổi hẳn.

“Quên”: không nghĩ tới, không để tâm-> không phải từ phủ định

* **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

Bài 6 : Viết 1 đoạn đối thoại ngắn có sử dụng câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ ?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:*

VD đoạn văn

An gặp Hải nói to:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng. Dạo này cậu không còn ham mê bóng đá nữa à?

- Đâu có! Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được.

Chú thích:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng (phủ định miêu tả)
Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được. (phủ định miêu tả)

- Đâu có! (phủ định bác bỏ)

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: ? Đọc và tìm những câu phủ định trong bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên?
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 23:

Ngày soạn: 30

Ngày dạy:

Bài: 22. Tiết 92: Tập làm văn CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần Tập làm văn)

Tuần 24:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 23. Tiết : HỊCH TƯỞNG SĨ

- Trần Quốc Tuấn-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

- Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bác Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.

- Hợp tác khi làm việc.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

? Em hãy kể tên những danh tướng của nhà Trần? Ai là danh tướng kiệt xuất nhất có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287)?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm: Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải...

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Giới thiệu chung 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn và văn bản <i>Hịch tướng sĩ</i> . 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động giao dự án 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau.	I. Giới thiệu chung

- Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Trần Quốc Tuấn? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Hịch tướng sĩ” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? 4. Văn bản này thuộc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> * Hình thức: 1. Tác giả: - T Q Tuấn là người có phẩm chất cao đẹp, có tài năng văn võ song toàn. + Đức : Biết đặt quyền lợi của đất nước, của dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân. Là người rộng lượng, mẫn chuộng người tài nên thu phục được nhiều tướng giỏi. + Tài : Là người có công lớn trong 3 lần đánh đuổi giặc nguyên mông, và được xem là linh hồn của 2 cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. + Công : Được ban chức Tiết chế thống lĩnh các đạo quân. Là con người có nhân cách vĩ đại nhất của thời đại Sát thát bình nguyên. 2. Văn bản: - HCST: Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai - Được viết bằng chữ Hán. - Thể hịch + Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.	1.Tác giả: - T.Q.Tuấn (1231? – 1300) - Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên 1285 và 1288. 2. Văn bản a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại : Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai - Thể loại: Hịch
---	--

+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép. - “Hịch tướng sĩ” được TQT viết để kêu gọi tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược”; sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Nguyên- Mông xâm lược nước ta lần thứ hai. - Bố cục gồm 4 phần: + Phần mở đầu: nêu vấn đề. + Phần 2: nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng. + Phần 3: nhận định, tình hình, phân tích phải trái để gây lòng căm thù giặc. + Phần kết: nêu chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh. => Kết cấu bài hịch về cơ bản là giống kết cấu chung nhưng có sự thay đổi linh hoạt. Tác giả không nêu phần đặt vấn đề riêng vì toàn bộ bài hịch là nêu vấn đề và giải quyết vấn đề Đ1: Từ đầu -> còn lưu tiếng tốt: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước. Đ2: Huống chi -> cũng vui lòng: Lật tả sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căm thù giặc. Đ3: Các người...phỏng có được không: Nêu mối ân tình chủ tướng, phân tích phải trái làm rõ đúng sai. + Các người...phỏng có được không?: Nêu mối ân tình giữa chủ tướng và tướng, phê phán những biểu hiện sai trong hàng ngũ tướng sĩ. + Nay ta bảo thật ...phỏng có được không? : Khẳng định hành động đúng lên làm. Đ4: Còn lại: Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu. 3. Thể hịch + Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. + Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của	b. Đọc, chú thích bố cục
---	--

người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đánh thép. 4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: Nhan đề: <i>Dụ chư tì tướng hịch văn</i>. Trong 3 cuộc k/chiến chống quân Mông- Nguyên, đây là cuộc k/chiến gay go, quyết liệt nhất. Trước sức mạnh như vũ bão của địch, hàng ngũ tướng lĩnh đã xuất hiện tư tưởng cầu hoà, dao động , một số khác do hưởng lạc , không chú ý rèn luyện quân sĩ chống giặc. Trước tình hình nguy cấp đó, TQT đã viết bài hịch này nhằm mở là đánh bại tư tưởng bàng quan, cầu an hưởng lạc trước vận mệnh đất nước trong hàng ngũ tướng sĩ. - Làm lời tựa cho cuốn binh thư yếu lược. - Thức tỉnh lòng trung nghĩa, tinh thần yêu nước của tướng sĩ, kêu gọi học tập binh pháp, sẵn sàng đánh đuổi giặc ngoại xâm. Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản: 1. Mục tiêu: - Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Tác giả biểu dương mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ	II. Đọc - hiểu văn bản 1. Nêu gương sáng trong sử sách:
---	---

xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc? 2. Những tấm gương này có điểm chung nào? Tác giả đã lập luận như thế nào? Nêu tác dụng của phép lập luận ấy? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: suy nghĩ trả lời. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. 6 tấm gương, họ có điểm chung không sợ hiểm nguy sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng trở thành gương sáng cho mọi người mọi thời đại noi theo? 2. Lập luận: liệt kê gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc. Đây là những d/c tiêu biểu toàn diện như một luận cứ -> từ những tấm gương đó kêu gọi tướng sĩ nhà Trần suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước => khích lệ lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: thấy được tình thế của đất nước và lòng căm thù giặc của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ	- Đưa các dẫn chứng xác thực từ thời xưa -> Khích lệ lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ. 2. Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn:
--	---

- <i>Giáo viên</i>: nêu yêu cầu 1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta? 2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? 3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng? 4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch? - <i>Hs</i>: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh</i>: thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>: 1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông- Nguyên xâm lược nước ta. 2. Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù được tác giả lột tả bằng hành động thực tế: đi lại nghênh ngang ngoài đường, bắt nạt tể phụ. Tham lam tàn bạo: đòi ngọc lụa, hạch sách bạc vàng, vét kiệt của kho. - NT: Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm. NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm. -> Làm nổi bật sự bạo ngược tham lam của kẻ thù. <i>Gv</i>: Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra nỗi nhục của người dân khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm. Năm 1277, Sài Xuân đi sứ buộc ta lên tận biên giới đón rước. Năm 1281, Sài Xuân lại sang sứ, cưỡi ngựa thẳng vào cửa Dương Minh, quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, bị Xuân lấy roi đánh toạc cả đầu; vua sai Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ra đón tiếp. Xuân nằm khểnh không dậy. Rõ ràng thái độ bạo ngược, nghênh ngang. 3. + Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua: - Qua hành động: quên ăn, mất ngủ, đau đớn thắt tim thắt ruột.	- Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm. NT ẩn dụ, giọng văn... -> Sự bạo ngược, tham lam của kẻ thù.
--	---

- Qua thái độ: uất ức chưa xả thịt lột da.... + Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã: - Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng. Gv: Bao nhiêu tâm sức, nhiệt huyết của TQT dồn hết cả vào đoạn văn: “Ta thường...”. Câu văn chính luận đã khác họa sinh động hình tượng người anh hùng yêu nước đau xót đến quặn lòng trước tình cảnh đất nước, căm thù giặc đến bầm gan tím ruột, mong rửa nhục đến mất ngủ quên ăn. Vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan thịt nát. TQT là một tấm gương yêu nước bất khuất đối với tướng sĩ. 4. Đoạn văn có tác dụng: - Nêu tấm gương yêu nước bất khuất. - Chính chủ tướng trực tiếp bày tỏ tình cảm có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	- Sử dụng động từ mạnh -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng vị chủ tướng.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá
- Hs: đánh giá lẫn nhau
- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: Sức hấp dẫn của văn bản nằm ở đâu
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm:

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua bài hịch?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- Dự kiến sản phẩm:

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Sưu tầm tư liệu về Trần Quốc Tuấn
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: sưu tầm
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài sưu tầm của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 24:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài: 23. Tiết : HỊCH TƯỚNG SĨ

- Trần Quốc Tuấn- (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

- Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.
- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bắc Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản: 1. Mục tiêu: Hs thấy được cách lập luận của tác giả về mỗi ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiaaus học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.	I. Giới thiệu chung: II. Đọc - hiểu văn bản 1. Nêu gương sáng trong sử sách: 2. Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: 3. Mỗi ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái:

5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. theo dõi đoạn; “Các người ở... kém gì.”. Trong đoạn văn này, các câu văn có cấu tạo đặc biệt ntn? Việc dùng các câu văn này có tác dụng gì trong việc diễn tả mối quan hệ chủ tướng? 2. Nhận xét về giọng điệu, lời văn của đoạn văn “Nay các người.... có được không”? TQT đã phê phán những hành động nào của tướng sĩ? Ông đã phê phán những hành động đó như thế nào? 3. Theo dõi đoạn : “Nếu có....được không?”, chỉ ra cách lập luận của tác giả? Tác dụng? 4. Theo dõi tiếp đoạn: “Nay ta bảo thật ... không”. Nhận xét về giọng điệu, cách lập luận của đoạn văn? Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn chỉ ra điều gì? 5. Việc T.Q.Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý gì? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận nhóm - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Đoạn văn có các câu có hai vế song hành đối xứng gọi là câu văn biền ngẫu. - Sử dụng liệt kê, so sánh -> Mỗi quan hệ chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ. Nói lên mối quan hệ đó, TQT nhằm mục đích: - Quan hệ chủ tướng để khích lệ tinh thần trung quân ái quốc, còn quan hệ cùng cảnh ngộ để khích lệ lòng ân nghĩa thủy chung của những người chung hoàn cảnh. -> Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục.	- Sử dụng liệt kê, so sánh -> Nêu mối ân tình chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ.
--	--

2. - Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng. - TQT đã phê phán những hành động: + Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ...). + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt: chơi gà, cờ bạc. - Ông chỉ rõ những việc làm của tướng sĩ tướng chường như nhỏ nhặt: vui chơi gà, cờ bạc, ham thích săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát... 3. Đoạn “Nếu có....được không?”: - Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện- kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn. -> Ông chỉ ra các hậu quả nặng nề, khôn lường: thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát... ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung... tất cả đều đau xót biết chừng nào. - Ông còn chỉ rõ thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ nông cạn mà còn là vong ơn bội nghĩa trước mối ân tình chủ tướng. Sự ham chơi hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến táng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc. - Có khi tác giả dùng cách nói thẳng thắn gần như sỉ mắng: “k biết lo”, “k biết thẹn” “k biết tức” “k biết cảm”. Có khi tác giả dùng cách nói mỉa mai chế giễu “cựa gà trống... điếc tai”. Điều đơn giản ấy trẻ con cũng biết được vậy mà các tướng lại hình như không biết... làm cho các tướng tức khí, muốn mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thực. 4. - Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ => Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất sỉ mắng, răn đe nhưng có khi lại chân thành tình cảm. - Sử dụng câu văn biến ngẫu cân đối, nhịp nhàng.	=> Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục. - Phê phán nghiêm khắc gần như sỉ mắng. -> + Thái độ thờ ơ, bàng quan. + Hành động hưởng lạc. - NT: ... -> Chỉ ra hậu quả nặng nề, khôn lường.
--	---

- NT so sánh, điệp ngữ điệp ý tăng tiến, liệt kê. Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn: - Chỉ ra các việc làm đúng : + Nêu cao tư tưởng cảnh giác + Tăng cường luyện tập, học tập binh thư yêu nước 5. Việc T.Q. Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý: - Vừa nghiêm khắc răn đe để tướng sĩ nhận ra sai lầm, khẳng định lại mình bằng những việc làm thiết thực. Vừa ân cần chỉ bảo (những việc nên làm) => Tất cả đều xuất phát từ mục đích quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược. - So sánh 2 viễn cảnh: đầu hàng thì sẽ thất bại, mất tất cả, chiến đấu thắng lợi thì được cả chung và riêng. - Ông sử dụng những từ mang tính chất phủ định” không còn, cũng mất, bị tan”. Còn khi nêu viễn cảnh chiến đấu thắng lợi thì dùng những từ mang tính chất khẳng định “mãi mãi vững bền”, đời đời hưởng thụ, không bị mai một”... -> Nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước chỉ cho người nghe thấy rõ đúng sai, nhận ra phải trái. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: Hs thấy được cách lập luận của tác giả khi nêu nhiệm vụ cho tướng sĩ. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá.	- NT: -> Chỉ ra những việc làm đúng: + ... + -> Nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước chỉ cho người nghe thấy rõ đúng sai, nhận ra phải trái. 4. Nêu nhiệm vụ cấp bách: - Học tập binh thư yếu lược.
--	---

- Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu Tác giả tiếp tục lập luận ntn để thuyết phục quân sĩ? Tác dụng? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: suy nghĩ trả lời - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: - Ra lệnh cho tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược” -> T.Q.Tuấn vạch rõ ranh giới hai con đường chính và tà; sống và chết để thuyết phục tướng sĩ. Chỉ có thể chọn một hoặc địch hoặc ta, không có vị trí chông chênh cho những kẻ bàng quan trước thời cuộc. -> Thái độ dứt khoát, cương quyết này rất cần thiết có tác dụng thanh toán lối sống cá nhân, ngại khó, ngại khổ trong hàng ngũ tướng sĩ; động viên kẻ do dự, nhút nhát nhập vào hàng ngũ quyết chiến quyết thắng. - Câu cuối cùng trở về với giọng tâm tình tâm sự của vị chủ tướng hết lòng vì vua vì nước -> Làm giảm đi tính chất cứng nhắc trong lời nói của chủ tướng. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 5: Tổng kết 1. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs	III. Tổng kết:
--	------------------------------

4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: + NT: - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác. - Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ...) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện). - Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động người đọc + ND: HTS nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	1. Nghệ thuật: 2. Nội dung: IV. Luyện tập:
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs làm vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá
- Hs: đánh giá lẫn nhau
- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ:

? 1. Bài tập 1(sgk t61) ? CM: bài hịch vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén, giàu hình ảnh, cảm xúc?

?2. Bài tập 2? So sánh điểm giống và khác nhau giữa thể chiếu và hịch ?

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

Từ nd sâu sắc của bài Hịch, chúng ta cảm nhận được truyền thống quý báu của dt ta. Chính nhờ lòng yêu nước... mà dt VN nhỏ bé đã chiến thắng biết bao kẻ thù xl dù chúng có vũ khí...Bác Hồ đã từng viết: “ Dân tộc ta có một lòng nồng nàn...Mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng...cướp nước”. Khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm thì “ Giặc đến nhà... đánh”...Một nhà thơ đã từng ca ngợi “ Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng...anh hùng”. Chúng ta cần trân trọng, giữ gìn và phát huy...bằng những việc làm cụ thể thiết thực. . Ngày hôm qua , huyện Kim Bảng t/c tiễn đưa tân binh... Dù chúng ta mong muốn sống trong HB nhưng... chúng ta phải luôn nhớ lời khuyên dạy của TQT- Đề cao tinh thần cảnh giác, tăng cường luyện tập võ nghệ, sẵn sàng lên đường chiến đấu khi TQ cần

- Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.
- Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

*** Báo cáo kết quả:** Hs: bài làm của Hs

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Sưu tầm tư liệu về Trần Quốc Tuấn
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: sưu tầm
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài sưu tầm của Hs

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 24:

Ngày soạn: 13

Ngày dạy:

Bài 23 - Tiết : Tiếng Việt

HÀNH ĐỘNG NÓI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ quy lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.

2. Năng lực: HS có kĩ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả. Năng lực thực hiện hành động nói.

3. Phẩm chất: HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1 Mục tiêu:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: ra tình huống thực tế:

- Bạn Lan cho cô mượn quyển sách?
- Bạn Lan đứng dậy

? Cô dùng cách nói để y/c bạn đứng lên, ngồi xuống, mượn sách hay dùng h/đ bằng tay để cầu khiến bạn?

=> Cô dùng cách nói → Vậy đó chính là cô đã thực hiện một hành động nói.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: trả lời
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

Hs thực hiện theo yêu cầu của Gv

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời cá nhân

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
- GV: Giao tiếp là hoạt động quan trọng của con người. Thực hiện được mục đích giao tiếp là chúng ta đã thực hiện được hành động nói. Vậy hành động nói là gì? Chúng ta thường sử dụng những kiểu hành động nói nào? Ta cùng vào bài học.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Hành động nói là gì (7') 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được thế nào là hành động nói 2. Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra đánh giá - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - GV đánh giá 5. Tiến hành hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là gì? Câu nào thể hiện rõ nhất mục đích ấy ? 2. Lí Thông có đạt được mục đích của mình không? Chi tiết nào nói lên điều đó? 3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương	I. Hành động nói là gì? 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

tiện gì ? 4. Nếu hiểu hành động là “việc làm cụ thể của con người nhằm mục đích nhất định” thì việc làm của Lí Thông có phải là một hành động không? Vì sao? - HS: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc nhóm - Gv: quan sát, giúp đỡ Hs - Dự kiến sản phẩm 1. - Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là để Thạch Sanh sợ hãi phải đi trốn để mình cướp công, hưởng lợi. - Câu thể hiện mục đích ấy là : Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu. 2. -Lí Thông đã đạt được mục đích của mình. - Câu thể hiện điều này là: Chàng vội vã từ già mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiên củi nuôi thân. 3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện lời nói. 4. Việc làm của Lí Thông là một hành động (hành động nói) vì đó là một việc làm có mục đích. * Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày. * Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2: Một số kiểu hành động nói thường gặp(7') 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm các kiểu hành động nói thường gặp. 2. Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra đánh giá - HS tự đánh giá - HS đánh giá lẫn nhau - GV đánh giá	- Thực hiện mục đích - Bằng lời nói. 3. Ghi nhớ: sgk/62 II. Một số kiểu hành động nói thường gặp: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:
--	--

5. Tiến hành hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Trong đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?”, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định. Những mục đích ấy là gì ? 2. Chỉ ra các hành động nói trong đoạn trích và cho biết mục đích của mỗi hành động. (SGK, t.2, tr. 63) 3. Liệt kê các kiểu hành động nói mà em đã biết qua phân tích hai đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?” và mục “Một số kiểu hành động nói thường gặp”. - HS: tiếp nhận: * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: hoạt động cặp đôi - Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Các câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định : - "Con chăn tinh này là của vua nuôi đã lâu" dùng để trình bày. - "Nay em giết nó, tất không khỏi bị hỏi tội chết" dùng để đe dọa. - "Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu" dùng để hứa hẹn. 2. - Trong lời cái Tí, các câu : "Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu ?", "U nhất định bán con đấy ư ?", "U không cho con ở nhà nữa ư ?" là những câu dùng để hỏi các câu : "Khốn nạn thân con thế này !", "Trời ơi !...." dùng để bộc lộ cảm xúc. - Câu nói của chị Dậu : "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài." dùng để báo tin. 3. Các kiểu hành động nói : trình bày, đe dọa, hứa hẹn, hỏi, bộc lộ cảm xúc. * Báo cáo kết quả: Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả * Đánh giá kết quả:	- Trình bày. - Đe dọa. - Hứa hẹn. - Hỏi. - Bộc lộ tình cảm cảm xúc. 3. Ghi nhớ: sgk/ 63
--	--

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng	III. Luyện tập:
---	------------------------

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 2). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 3).

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- Trần Quốc Tuấn viết bài “Hịch tướng sĩ” nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược” do ông biên soạn, đồng thời khích lệ lòng tự tôn dân tộc.
- Các câu văn thể hiện rõ mục đích: “Nếu các người biết chuyên... tức là kẻ nghịch thù”.

2. Bài tập 2:

N1: a, Bác trai đã khá...? (hỏi).

- Cảm ơn cụ nhà cháu.... (cảm ơn).
- Nhưng xem ý hãy còn.... (trình bày).
- Này, bảo bác ấy... (cầu khiến).
- Chứ cứ nằm đấy...(cảm thán, bộc lộ cảm xúc).
- Vâng, cháu cũng...(tiếp nhận).
- Những để cháo nguội... (trình bày).

- Nhịn suông từ sáng (cảm thán, bltccx).
- Thế thì giục anh ấy.... (cầu khiến).
- N2: b, - Đây là Trời có ý ... (nhận định).
- Chúng tôi nguyện.... (hứa hẹn, thề).
- N3: c, - Cậu Vàng đi đời, rồi.... (báo tin).
- Cự bán rồi ? (hỏi).
- Bán rồi ! (xác nhận).
- Họ vừa bắt xong. (báo tin).
- Thế nó cho bắt à ? (hỏi).
- Khốn nạn !....Ông giáo ơi! (cảm thán).
- Nó có biết gì đâu ! (cảm thán)
- Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. (kể, tả)
- Tôi cho nó ăn cơm. (kể).
- Nó đang ăn thì....(kể).

3. Bài tập 3:

- Anh phải hứa với em.... (ra lệnh).
- Anh hứa đi... (ra lệnh).
- Anh xin hứa. (hứa).

* **Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Hs viết đv(3-5câu) đối thoại, xác định kiểu h/đ nói được thực hiện trong mỗi câu
- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- Dự kiến sản phẩm: bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: ? Sưu tầm đoạn văn và chỉ ra hành động nói trong đoạn văn ấy
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 25:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 24. Tiết : Văn bản
NƯỚC ĐẠI VIỆT TA
(Trích “Bình Ngô đại cáo”)

- Nguyễn Trãi-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Thấy được đoạn văn có ý nghĩa như lời tuyên ngôn của dân tộc ta ở thế kỉ XV;
Thấy được phần nào sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận Nguyễn Trãi:
Lập luận chặt chẽ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

2. Năng lực :

-Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận chính trị.Năng lực cảm thụ văn học.

3.Phẩm chất:

-HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

? Trong chương trình văn học lớp 7, em đã được học các tác phẩm nào của Nguyễn Trãi?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong chương trình ngữ văn 7, các em đã được làm quen với tác giả Nguyễn Trãi qua văn bản “Bài ca Côn Sơn”- được ông sáng tác trong thời gian ông lui về Côn Sơn ở ẩn. Hôm nay, chúng ta sẽ lại 1 lần nữa được gặp lại ông trong 1 cương vị, một sứ mạng lịch sử vô cùng quan trọng và mới mẻ qua việc tìm hiểu VB: “Nước Đại Việt ta”.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Giới thiệu chung 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi và văn bản <i>Nước Đại Việt ta</i> . 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động giao dự án 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Trãi? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Nước Đại Việt ta” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? So sánh với các thể loại trước. - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ:	I. Giới thiệu chung

- <i>Học sinh</i>: làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>: * Hình thức: 1. Tác giả: - Nguyễn Trãi là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. - Là người có tài năng lỗi lạc: về chính trị, quân sự, ngoại giao, một tác giả lớn của nền văn học trung đại. - Luôn kề vai sát cánh cùng Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi, văn chính luận có vị trí đặc biệt quan trọng. 2. Văn bản: - Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. - “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428). - Thể cáo. - Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần. So sánh thể cáo, hịch, chiếu - Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biên ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng. - Khác nhau về chức năng:... Văn bản “ Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta. Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản. - Bố cục: 3 phần P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa. P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc. P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh	1.Tác giả: - Nguyễn Trãi (1380-1442) + Quê: Chí Linh, Hải Dương. + Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. 2. Văn bản a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại : Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. - Thể loại: Cáo b. Đọc, chú thích bố cục
--	--

của chân lí độc lập dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv:

- Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Úc Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan.

Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).

- Tháng 11/1406 nhà Minh xâm lược nước ta. Đến năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh ở Lam Sơn- Thanh Hoá. Đến cuối năm 1427 thì giành thắng lợi. Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi sát cánh bên nhau từ những ngày đầu khởi nghĩa cho đến ngày giành thắng lợi,-> Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết bài “Bình Ngô đại cáo” vào khoảng năm 1428 để ban bố cho nhân dân cả nước biết sự nghiệp bình Ngô phục quốc của đất nước ta đã giành thắng lợi.

- **Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo): phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học**

lịch sử. Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản: 1. Mục tiêu: + Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lí lẽ và thực tiễn. + Nhận ra và hiểu được sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả. + Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời, phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Em hiểu <i>nhân nghĩa</i> ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì ? 2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai ? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái. - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân,	II. Đọc - hiểu văn bản 1. Nguyên lí nhân nghĩa: Nhân nghĩa: +Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc. + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược. -> Gắn liền với yêu nước, chống xâm
---	---

trừ bạo”. 2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo - Dân: là người dân nước Đại Việt. - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước. => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: Như vậy... Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -> Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo. * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu - Những câu bạn vừa đọc khẳng định điều gì? - Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta? Em có nhận xét gì về những yếu tố được đưa ra? - Những chứng cứ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cứ đó có sức thuyết phục không? - Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> - Quyền độc lập: + Quốc hiệu + Nền văn hiến lâu đời.	lược. => Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân. 2. Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc: - Quyền độc lập: + Quốc hiệu
--	---

+ Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài c. Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa. d. Liệt kê, so sánh đối lập -> Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập. -> Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Gv: Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, Vb “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời. Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng định chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều....(chỉ bảng) Và hơn thế nữa, nếu trong “NQSHà”. LTKiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ N.Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh DT, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa. Chuyển ý: Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của DT ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lịch sử thật tiêu biểu. * Mục tiêu : HS nắm được sức mạnh của những chứng cứ	+ Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài -> Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa. - NT: Liệt kê, so sánh đối lập => Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan. - NT: sử dụng câu văn biền ngẫu, so sánh... -> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.
--	---

gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL -> Yêu nước Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ Giàu tình cảm và lòng tự hào DT... - GV chốt: Hoạt động 5: Tổng kết 1. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang. Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa vì dân. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	tự hào dân tộc. - NT: Sử dụng câu văn biên ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: 2. Nội dung:
--	---

- Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: “Nước Đại Việt ta” đã cho em cảm nhận gì?
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân
- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- *Dự kiến sản phẩm:*
 - Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.
 - Tâm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.
 - Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

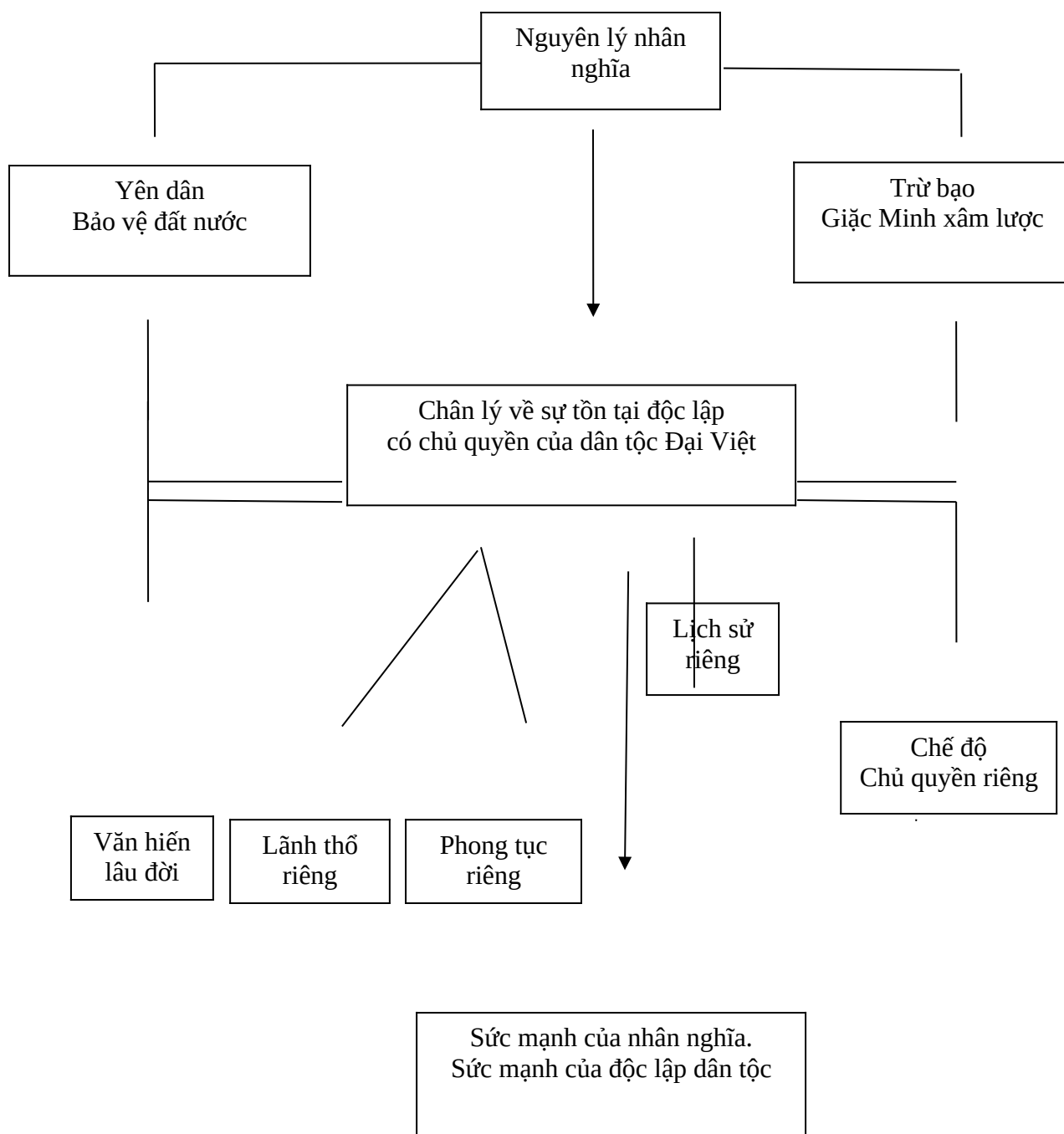
5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyên giao nhiệm vụ:*

- Gv: Vẽ sơ đồ bài học.
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm:



* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

22

Tuần 25:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 24. Tiết : Tiếng Việt
HÀNH ĐỘNG NÓI
(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ quy lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.
- 2. Năng lực:** HS có kỹ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả. Năng lực thực hiện hành động nói.
- 3. Phẩm chất:** HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

HS hiểu mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định.

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

Chỉ ra sự khác nhau về hành động nói giữa hai câu:

a, Em hãy học bài đi!

b, Em đang học bài à?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá

-> Mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định. Vậy để thực hiện hành động nói ntn cho có hiệu quả, phù hợp với nội dung giao tiếp chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Cách thực hiện hành động nói. 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được Mỗi kiểu câu thực hiện một hành động nói, cách thực hiện một hành động nói. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.	I. Cách thực hiện hành động nói. 1. Ví dụ:

5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích sau đây. Xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và đánh dấu (-) vào ô không thích hợp theo bảng tổng hợp kết quả bên dưới. 2. Dựa theo cách tổng hợp kết quả ở bài tập trên, hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho ví dụ minh họa. 3. Rút ra kết luận có mấy kiểu hành động nói thường gặp? * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: <table border="1"> <tr> <th>Câu</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th></tr> <tr> <td>Mục đích</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Hỏi</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Trình bày</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Điều khiển</td><td></td><td></td><td></td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr> <td>Hứa hẹn</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Bộc lộ cảm xúc</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>						Câu	1	2	3	4	5	Mục đích						Hỏi						Trình bày	+	+	+			Điều khiển				-	-	Hứa hẹn						Bộc lộ cảm xúc					
Câu	1	2	3	4	5																																										
Mục đích																																															
Hỏi																																															
Trình bày	+	+	+																																												
Điều khiển				-	-																																										
Hứa hẹn																																															
Bộc lộ cảm xúc																																															
2. Nhận xét:																																															
<table border="1"> <tr> <th>Mục đích h Kiểu câu</th><th>Hỏi</th><th>Trình bày (báo tin, kể, tả...)</th><th>Điều khiển (cầu khiến, đe dọa...)</th><th>Hứa hẹn</th><th>Bộc lộ tình cảm cảm xúc</th></tr> <tr> <td>Nghi vấn</td><td>Cách dùng trực tiếp - Bạn có mệt không?</td><td></td><td>Cách dùng gián tiếp - Em có ngán đi không thì bảo?</td><td></td><td>Cách dùng gián tiếp - Sao bình minh lại đẹp thế nhỉ?</td></tr> <tr> <td>Cầu khiến</td><td></td><td></td><td>Cách dùng</td><td></td><td></td></tr> </table>	Mục đích h Kiểu câu	Hỏi	Trình bày (báo tin, kể, tả...)	Điều khiển (cầu khiến, đe dọa...)	Hứa hẹn	Bộc lộ tình cảm cảm xúc	Nghi vấn	Cách dùng trực tiếp - Bạn có mệt không?		Cách dùng gián tiếp - Em có ngán đi không thì bảo?		Cách dùng gián tiếp - Sao bình minh lại đẹp thế nhỉ?	Cầu khiến			Cách dùng																															
Mục đích h Kiểu câu	Hỏi	Trình bày (báo tin, kể, tả...)	Điều khiển (cầu khiến, đe dọa...)	Hứa hẹn	Bộc lộ tình cảm cảm xúc																																										
Nghi vấn	Cách dùng trực tiếp - Bạn có mệt không?		Cách dùng gián tiếp - Em có ngán đi không thì bảo?		Cách dùng gián tiếp - Sao bình minh lại đẹp thế nhỉ?																																										
Cầu khiến			Cách dùng																																												

			trực tiếp - Bạn đừng ham chơi nữa !		
Cảm thán					Cách dùng trực tiếp - Chao ôi, bông hoa này đẹp biết bao!
Trần thuật		Cách dùng trực tiếp - Tôi có một đứa em gái học lớp năm.		Cách dùng gián tiếp - Mình hứa sẽ không đánh cậu nữa.	Cách dùng gián tiếp - Tôi rất ân hận về việc làm của mình.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv:

- Ở VD thứ nhất, chúng ta thấy cùng là câu trần thuật nhưng thực hiện hai kiểu hành động nói trình bày (vốn là chức năng chính của nó) và điều khiển (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến)

Ở bảng 2 chúng ta thấy :

- Câu nghi vấn thực hiện hành động hỏi (vốn là chức năng chính của nó), điều khiển (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến), bộc lộ tình cảm xúc (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cảm thán).
- Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó được gọi là cách dùng trực tiếp.
- Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu khác được gọi là cách dùng gián tiếp.

- Câu trần thuật.
- Mục đích:
+ Trình bày.
- > Cách dùng trực tiếp
+ Điều khiển
- > Cách dùng gián tiếp.

3. Ghi nhớ: sgk/71

? Gọi h/s đọc ghi nhớ SGK/71? HS đọc ghi nhớ. HS đọc	II. Luyện tập
--	----------------------

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của hành động nói để làm bài tập.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 2, 4). HĐ cặp đôi (bài 1,3), HĐ nhóm (bài 5).

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2,3,4,5
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- a. Từ xưa các bậc trung thần... đời nào không có? (Khẳng định).
- b. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi... có được không ? (Hành động phủ định).
- c. Lúc bấy giờ, được không? (Hành động khẳng định).
- d. Vì sao vậy ? (hỏi gây sự chú ý).
- e. Nếu vậy, rồi đây,.....trời đất nữa? (Hành động phủ định.)

-> Câu a tạo tâm thế cho các tướng sĩ.

Câu b, c, d thuyết phục, động viên, khích lệ tướng sĩ.

Câu e: khẳng định chỉ có một con đường là chiến đấu đến cùng bảo vệ đất nước.

2. Bài tập 2:

- a, Tất cả các câu trần thuật đều thực hiện hành động cầu khiến, kêu gọi.
- b, Điều mong muốn.... cách mạng thế giới.

=> Dùng câu trần thuật để kêu gọi như vậy làm cho quần chúng thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.

3. Bài tập 3:

Dế Choắt: - Song anh cho phép....

- Anh đã nghĩ thương em như thế này.....

Dế Mèn: Được, chú mình cứ nói.....

- Thôi, im cái điệu hát dầm sùi sụt ấy đi.

NX:

- Dế Choắt yếu đuối nên cầu khiến nhã nhặn, mềm mỏng, khiêm tốn.

- Dế Mèn ỉ thế là kẻ mạnh nên giọng điệu ra lệnh ngạo mạn, hách dịch.

4. Bài tập 4:

- Có thể dùng cả năm cách

- Cách (b) và (e) nhã nhặn, lịch sự hơn.

5. Bài tập 5:

- Hành động (a) hơi kém lịch sự.

- Hành động (b) dí dỏm, hài hước.

* **Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ

- Hành động trình bày, bộc lộ cảm xúc gồm những hành động cụ thể nào?

- Hành động giao kết, tuyên bố gồm những hành động cụ thể nào?

- So sánh giữa hành động điều khiển và hành động tuyên bố.

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân

- *Giáo viên*: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

- *Dự kiến sản phẩm*:

* **Báo cáo kết quả**: Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả**:

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu**: HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động**: Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động** :

* **Chuyển giao nhiệm vụ**:

- *Gv*: Dựng một đoạn hội thoại có sử dụng Hành động nói. Chỉ rõ Kiểu câu và Hành động nói trong từng câu thoại.

- *HS*: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**:

- *Học sinh*: làm bài

- *Giáo viên*: chấm bài.

- *Dự kiến sản phẩm*:

* **Báo cáo kết quả**: Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả**:

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

=====

Tuần 25:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 24. Tiết : Tập làm văn ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Khái niệm luận điểm.
- Quan hệ giữa luận điểm với vấn đề nghị luận, quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục...), luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: ? Dựa vào kiến thức về văn nghị luận đã học ở lớp 7, hãy xác định câu văn luận điểm trong đoạn văn sau:

“Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.....Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

(Hồ Chí Minh - “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

Ở lớp 7 chúng ta đã được tìm hiểu về văn nghị luận (Luận điểm, cách lập luận, bố cục...), vậy luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận, mối quan hệ giữa luận điểm và vấn đề nghị luận, mối quan hệ giữa các luận điểm với nhau như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Khái niệm luận điểm. 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết nêu ra trong bài văn nghị luận. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau.	I. Khái niệm luận điểm.

- Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Xác định những luận điểm trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”? 2. Một bạn cho rằng bài “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn gồm có hai luận điểm. - LĐ1: Lí do cần phải dời đô. - LĐ2: Lí do có thể coi thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. ? Xác định luận điểm như vậy có đúng không ? Vì sao? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1.- Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. (luận điểm cơ sở, luận điểm xuất phát). - Những biểu hiện lòng yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. - Những biểu hiện cụ thể trong lĩnh vực chiến đấu, sản xuất, học tập...trong hiện tại. - Nhiệm vụ của Đảng là làm cho tinh thần yêu nước của nhân dân được phát huy mạnh mẽ trong công việc kháng chiến (luận điểm chính dùng để kết luận -> Là cái đích hướng tới của văn bản). 2. Các luận điểm trong bài “Chiếu dời đô”: - Lđ1: Nêu sử sách làm tiền đề: Các triều đại trước đây đã từng nhiều lần dời đô và đạt được kết quả tốt đẹp.(luận điểm cơ sở, xuất phát) - Lđ2: Soi sáng tiền đề vào thực tế: Hai triều đại Đinh, Lê không chịu dời đô nên triều đại ngắn ngủi, muôn vật không được thích nghi. - Lđ3: Khẳng định : thành Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm	- Trong bài văn nghị luận, luận điểm là một hệ thống. Có luận điểm chính (cái đích hướng tới của bài viết), có luận điểm phụ (luận điểm xuất phát).
--	--

kinh đô - nhà vua sẽ rời đô đến đó.(luận điểm chính – kết luận). * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Hoạt động 2: Mỗi quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận. 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Vấn đề được đặt ra trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là gì? Nếu trong bài văn HCM chỉ nêu ra luận điểm “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn”, có thể làm sáng tỏ được vấn đề không? 2. Quan sát hệ thống luận điểm “Chiếu dời đô”. Nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm “Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô” thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu có đạt được không? Tại sao? 3. Qua việc tìm hiểu em rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm:	II. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận:
--	---

1. Vấn đề được đặt ra trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là : - Vấn đề đặt ra là: tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam. G cho h/s quan sát lại hệ thống luận điểm của bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”. Nếu trong bài văn HCM chỉ nêu ra luận điểm “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn”, thì luận điểm đó không đủ để là rõ vấn đề một cách toàn diện tinh thần yêu nước của đồng bào ta. (Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày xưa như thế nào ?) 2. Luận điểm trên cũng không đủ làm sáng tỏ vấn đề cần phải dòi dõ đến Đại La. Bởi vì người nghe chưa hiểu tại sao phải dòi dõ một cách cụ thể và thuyết phục. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Hoạt động 3: Mỗi quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta cần phải đổi mới phương pháp học tập, em sẽ chọn hệ thống luận điểm nào trong bảng hệ thống ? 2. Qua việc tìm hiểu trên em rút ra nhận xét gì về luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận?	- Luận điểm phải đủ để làm sáng tỏ vấn đề. III. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận:
---	--

- Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh</i>: làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm</i>: 1. Bảng hệ thống 1 : đạt yêu cầu. Vì rất chính xác, các luận điểm có sự liên kết với nhau, không bị trùng lặp. - Sắp xếp theo trình tự hợp lí: Có luận điểm (a) là cơ sở, tiền đề cho các luận điểm khác. - Luận điểm (b) kế thừa phát triển ý của luận điểm (a), trả lời câu hỏi vì sao phải thay đổi phương pháp học tập cũ. - Luận điểm (c) là kết luận, cái đích của bài đó là ưu điểm và hiệu quả của phương pháp học tập mới so với phương pháp cũ. G: Như vậy, bảng hệ thống (1) chỉ đưa ra ba luận điểm nhưng có sự liên kết chặt chẽ với nhau, cùng hướng tới làm sáng tỏ vấn đề, luận điểm trước làm cơ sở cho luận điểm sau, luận điểm sau kế thừa và phát triển luận điểm trước. Bảng hệ thống 2: - Luận điểm chưa chuẩn xác, chưa phù hợp với vấn đề cần giải quyết, trình bày lộn xộn vừa thiếu vừa thừa, các luận điểm chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau: + Có luận điểm không chính xác vì không thể chỉ đổi mới phương pháp là kết quả học tập sẽ được nâng cao (lđa); cũng không thể đòi hỏi phải thường xuyên đổi mới cách học tập nếu không có lí do chính đáng (lđb). + Có luận điểm chưa phù hợp với vấn đề: (lđc) vì chưa chăm học và nói chuyện riêng đều không phải là khuyết điểm về phương pháp học tập. => Vì chưa chính xác nên luận điểm (a) không thể làm cơ sở để dẫn tới luận điểm (b). Bởi không bàn về phương pháp học tập nên luận điểm (c) không liên kết được với các luận điểm đứng trước và sau nó. Do đó luận điểm (d) cũng không kế thừa và phát huy được kết quả của 3 luận điểm (a), (b), (c) trước đó.	Các luận điểm cần: + Chính xác, phù hợp. + Liên kết với nhau.
--	--

Nếu viết theo hệ thống luận điểm này thì bài làm không thể rõ ràng mạch lạc (bởi mạch văn không thông suốt), các ý không tránh khỏi luẩn quẩn, trùng lặp, chồng chéo (ví dụ : ý ‘cần đổi mới phương pháp học tập’ sẽ phải nói đi nói lại suốt bài. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	+ Phân biệt rành mạch với nhau. + Được sắp xếp theo một trình tự hợp lí 3. Ghi nhớ: sgk/75 IV. Luyện tập
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 2).

3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- Không phải là luận điểm. Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc, vì đoạn văn không giải thích, chứng minh và làm rõ ý đó.
- Không phải luận điểm “Nguyễn Trãi như một ông tiên....” vì tác giả đã đưa ra lời bác bỏ.

=> Luận điểm: “ Nguyễn Trãi là tinh hoa của dân tộc và thời đại lúc bấy giờ”.

2. Bài tập 2:

a, Nếu phải viết bài tập làm văn giải thích vì sao có thể nói “Giáo dục là chìa khoá của tương lai” :

- Chọn luận điểm 1,2,3,4,6,7

- Bỏ luận điểm 5: “Nước ta là một nước văn hiến có truyền thống giáo dục lâu đời” vì vấn đề nghị luận (luận điểm trung tâm) của bài văn là : Giáo dục mở ra tương lai của loài người trên Trái Đất mà luận điểm này không có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề trên.

b, Điều chỉnh và sắp xếp:

- Giáo dục trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, những người sẽ làm nên thế giới ngày mai.

- Giáo dục là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh chế độ gia tăng dân số ; thông qua đó quyết định môi trường sống, mức sống ... trong tương lai.

- Do đó, giáo dục là chìa khóa cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

- Bởi vậy giáo dục là chìa khoá cho sự phát triển chính trị và cho tiến bộ xã hội sau này.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ

Tìm một số đoạn văn mang luận điểm trong các văn bản Nghị luận cổ mới học (Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta).

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Chuẩn bị bài viết đoạn văn trình bày luận điểm:

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 25:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 24. Tiết : Tập làm văn
VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nhận thức được tầm quan trọng của việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận. Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo các cách diễn dịch, qui nạp.

2. Năng lực: Rèn kỹ năng phân tích đoạn văn nghị luận, xây dựng luận điểm, luận cứ, lập luận, viết hai đoạn văn nghị luận: Diễn dịch, qui nạp. Năng lực viết đoạn văn trình bày luận điểm.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức, kỹ năng làm bài TLV.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục...), luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Luận điểm là gì? có mấy cách trình bày đoạn văn thường gặp?

Câu 2: Trong “ Nước Đại Việt ta”, Nguyễn Trãi đã đưa ra quan điểm xác định chủ quyền của một quốc gia, một dân tộc như thế nào? Hãy phân tích làm rõ điều đó.

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

Chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền (8 câu).

- Xác định độc lập, chủ quyền:

+ Văn hiến: lâu dài

+ Cương vực lãnh thổ: Núi sông, bờ cõi ..

+ Phong tục tập quán: Phong tục Bắc - Nam ...

+ Lịch sử, chế độ: Triệu, Đinh, Lý, Trần – Hán, Đường, Tống, Nguyên – phép đối xứng.

- Lập luận:

+ Từ ngữ: Từng nghe, như, vốn, đã lâu, từ, cùng, tuy, song;

+ Dùng biện pháp so sánh đối chiếu tương ứng.

=> Bằng lập luận, phép đối chiếu tác giả vạch rõ thế nào là đất nước độc lập có chủ quyền.

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

Luận điểm có thể nằm ở đầu hoặc ở những vị trí khác trong đoạn văn. Khi viết câu văn mang luận điểm ta thường sử dụng những cách nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Trình bày luận điểm thành một đoạn văn: 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được + Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận. + Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá.	I. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

- Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Xác định câu chủ đề (câu nêu lđ) trong mỗi đoạn văn? 2. Nhận xét vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn (đầu đoạn hay cuối đoạn)? 3. Trong hai đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch, đoạn nào được viết theo cách quy nạp? Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn? 4. Từ hai VD trên, em hãy nhận xét có mấy cách trình bày đoạn văn ? Đó là những cách nào? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong mỗi đoạn văn: a, Thật là chốn hội tụmuôn đời. b, Đồng bào ta ngày nayngày trước. 2. Vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn : - Đ1: Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn văn. - Đ2: Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn. 3. * - Đ1: được viết theo cách quy nạp. - Đ2: được viết theo cách diễn dịch. * Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn: + Để làm sáng tỏ luận điểm “Thành Đại La thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của các đế vương muôn đời”, tác giả đưa ra những luận cứ : - Thành Đại La vốn là kinh đô cũ của Cao Vương. - Vị trí: trung tâm trời đất. - Thế đất quý hiếm: rồng cuộn, hổ ngồi. - Dân cư: đông đúc, muôn vật phong phú tốt tươi.	- Câu chủ đề của đoạn văn: + Diễn đạt ngắn gọn, rõ ý, chính xác nội dung luận điểm. + Vị trí: nằm ở đầu đoạn (cách diễn dịch) hoặc cuối đoạn (cách quy nạp).
--	---

- Nơi thắng địa (Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp). + Ở đoạn văn (b) để làm sáng tỏ cho luận điểm “Đồng bào ... ngày trước” tác giả đưa ra những luận cứ : - Theo lứa tuổi: cụ già, nhi đồng trẻ thơ. - Theo không gian, vùng miền: kiều bào ở nước ngoài – vùng bị tạm chiếm trong nước; miền xuôi – miền ngược. - Theo vị trí công tác, ngành nghề: chiến sĩ ngoài mặt trận – công chức ở hậu phương – công nhân – nông dân - điều chủ. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Lập luận là gì? Tìm luận điểm và cách lập luận của đoạn văn? 2. Cách lập luận trên có tác dụng gì (Cách lập luận trong đoạn văn trên có làm cho luận điểm trở nên sáng tỏ, chính xác và có sức thuyết phục mạnh mẽ không?) 3. Em có nhận xét gì về việc sắp xếp các ý trên trong đoạn văn? Nếu tác giả đưa nhận xét về Nghị Quế “đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu” lên trên và đưa nhận xét “vợ chồng địa chủ cũng ... thích chó, yêu gia súc” xuống dưới thì hiệu quả diễn đạt đoạn văn có thay đổi không ? Vì sao? 4. Trong đoạn văn những cụm từ “chuyện chó con, giọng chó má, thằng nhà giàu rước chó vào nhà, chắt chó đều của giai cấp nó” được sắp xếp cạnh nhau. Cách viết ấy có tác dụng gì (có làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn không)? Vì sao? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm:	- Luận cứ phải đầy đủ, toàn diện.
--	--

1. - Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục. - Luận điểm: Bản chất giai cấp chó đẻ của vợ chồng Nghị Quế hiện rõ qua việc chúng mua chó.-> Đoạn quy nạp. - Sử dụng tương phản: đặt chó bên người, đặt cảnh xem chó, quý chó, mua chó, sung sướng bù khú với chó/ bên cạnh giọng chó má với người bán chó (chị Dậu). 2. Cách lập luận trên làm rõ bản chất chó đẻ của giai cấp địa chủ (vợ chồng Nghị Quế). 3. - Cách đưa các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm rất đầy đủ, chặt chẽ, sắp xếp các ý theo thứ tự hợp lí -> Nếu thay đổi sẽ làm cho luận điểm bị mờ nhạt đi, đoạn văn rời rạc không liên kết. 4. Cách viết ấy làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn. Vì nó chính là cách thức để Nguyễn Tuân làm cho đoạn văn xoáy sâu vào luận điểm, vào vấn đề làm nổi bật bản chất thú vật của bọn địa chủ hiện ra thành hình ảnh rõ ràng, lí thú hơn. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Lập luận phải có sự liên kết chặt chẽ, theo một trật tự hợp lí. - Lời văn diễn đạt trong sáng, có sức thuyết phục. 3. Ghi nhớ: sgk/ 81 II. Luyện tập:
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 3,4), HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (b2).

3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1, 2, 3, 4

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

N1: Cần tránh lối viết dài dòng khiến người đọc khó hiểu.

N2: Nguyên Hồng thích truyền nghề cho bạn trẻ.

- Niềm say mê đào tạo nhà văn trẻ của Nguyên Hồng.

2. Bài tập 2:

- Luận điểm: Tế Hanh là một người rất tinh tế (tinh lắm).

- Luận cứ:

+ Tế Hanh đã ghi được đôi nét thân tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.

+ Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần....

-> Nhận xét: các luận cứ được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, luận cứ sau biểu hiện mức độ tinh tế cao hơn so với luận cứ trước. Nhờ vậy, độc giả càng đọc càng thấy hứng thú.

3. Bài tập 3:

*** Luận điểm 1: Học phải kết hợp với làm**

- Luận cứ:

+ Làm bài tập là thực hành bài học lí thuyết -> Hiểu kiến thức sâu hơn.

+ Làm bài tập giúp ta nhớ kiến thức dễ dàng hơn.

+ Làm bài tập là rèn kĩ năng tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, chứng minh

-> Vì vậy, nhất thiết học phải kết hợp với làm bài tập thì mới đầy đủ vững chắc.

*** Luận điểm 2: Học vẹt không phát.....**

- Luận cứ:

+ Học vẹt là học thuộc lòng giống như con vẹt học nói tiếng người, không hiểu hoặc hiểu lơ mơ, chóng quên.

+ Học vẹt chỉ mất thời gian, công sức mà không đem lại hiệu quả gì.

+ Bởi vậy, không thể theo cách học vẹt. Học phải dựa trên cơ sở hiểu, gắn với nhận thức về vấn đề.

4. Bài tập 4:

- Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu.

- Các luận cứ được sắp xếp theo thứ tự sau :

+ Mục đích của văn giải thích: văn giải thích viết ra là nhằm làm cho người đọc hiểu.

+ Giải thích dễ hiểu thì người đọc dễ hiểu, giải thích khó hiểu thì người viết càng xa mục đích đề ra.

+ Bởi vậy văn giải thích phải viết cho dễ hiểu.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3,4

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ

Hãy sắp xếp các luận cứ của bài 4 (Phần luyện tập) thành đ.văn hoàn chỉnh.

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: ? Sưu tầm và pt về cách trình bày các luận điểm trong 1 bài văn nghị luận được coi là mẫu mực như" Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"...
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm:

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 26:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 25 Tiết : Văn bản
BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC
(Luận học pháp)

-Nguyễn Thiếp-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thấy được mục đích, tác dụng của việc học chân chính: Học để làm người, để góp phần làm cho đất nước hưng thịnh; đồng thời HS thấy được tác hại của lối học chuộng hình thức, cầu danh lợi.
- Nhận thức được phương pháp học tập đúng đắn kết hợp với thực hành. Học tập cách lập luận của tác giả. Biết cách viết bài văn nghị luận theo chủ đề nhất định. Năng lực cảm thụ văn học.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận cổ.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống hiếu học, lòng tự hào dân tộc.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, sơ đồ nội dung bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- So sánh sự khác nhau về đối tượng sử dụng của hịch, chiếu, cáo với tấu.

- Chuẩn bị bài theo yêu cầu

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu phương pháp học sao cho hiệu quả

2. Phương thức thực hiện: *Hoạt động cá nhân, cả lớp*

3. Sản phẩm hoạt động

- HS trả lời miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

? Theo em học có quan trọng không?

? Em thích học môn nào nhất? Vì sao? Em thường học tập như thế nào để có kết quả?

- Hs tiếp nhận:

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh tìm, hiểu trả lời:

- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn...

- Dự kiến sản phẩm:

+ Thời nào cũng vậy học rất quan trọng với chúng ta

+ Em thích học môn Ngữ văn nhất

+ Vì môn học cho em nhiều kiến thức hay về cuộc sống bồi dưỡng cho em tình cảm cao quý: tình yêu thương con người, tình yêu với quê hương đất nước...

+ Em thường học từ cái dễ đến cái khó, đọc ngữ liệu, tìm hiểu ngữ liệu, vận dụng làm bài tập...

***Báo cáo kết quả:**

HS trình bày ý kiến của bản thân

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

Vậy người xưa đã có quan niệm như thế nào về học tập, phương pháp học ra sao chúng ta sẽ trả lời câu hỏi này qua phần tìm hiểu văn bản: Bàn về phép học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Hoạt động 1 : Giới thiệu chung (5phút) 1. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản Bàn về phép học 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Các nhóm đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: ? Giới thiệu vài nét về Nguyễn Thiếp và văn bản “Bàn về phép học” mà các em đã chuẩn bị? - Hs tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đại diện nhóm lên trình bày... - Giáo viên, HS quan sát, lắng nghe... - Dự kiến sản phẩm Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở làng Mật thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. - Là người học rộng hiểu sâu, từng làm quan dưới triều Lê và sau đó ra giúp Quang Trung dựng nước. Ông được mọi người kính trọng, gọi là “La Sơn phu tử” (tức bậc thầy lớn ở La Sơn- Hà Tĩnh). - Tháng 8/1791 ông dâng lên vua Quang Trung bản tấu gồm 3 điều: + Đức quân (đức của nhà vua): mong nhà vua 1 lòng tu lấy đức, lấy sự học văn mà tăng thêm tài. + Dân tâm (lòng dân): Khẳng định lấy dân là gốc của đất nước. Gốc có vững, nước mới yên. + Học pháp (phép học) - VB “Bàn luận về phép học” thuộc loại VB nghị luận trình bày, đề nghị 1 vấn đề. *Báo cáo kết quả: HS lên trình bày	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: - Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự Khái Xuyên, hiệu Lạp Phong cư sĩ, - Quê ở làng Mật thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. - Ông là người học rộng, hiểu sâu, làm quan dưới triều Lê, nhưng sau đó từ quan về dạy học. 2.Văn bản a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể loại: - Là phần trích từ bài tấu gửi vua Quang Trung của Nguyễn Thiếp và tháng 8/1791. - Thể loại: cáo b. Đọc, chú thích, bố cục Bố cục: 3 phần: P1: Từ đầu ... tệ hại ấy” -> mục đích chân chính của việc học P2. : Cúi xin... chớ bỏ qua - > Bàn luận về

*Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng ? Nêu hiểu biết của em về thể tấu? Tấu có điểm giống và khác so với chiếu, hịch, cáo? + Giống: đều là thể văn nghị luận cổ, đều được viết bằng văn xuôi, văn vần hay văn biên ngẫu. + Khác: Chiếu, hịch, cáo là thể văn do vua hoặc chỉ huy viết, để ban bố mệnh lệnh hoặc công bố kết quả cho bề dưới được biết. Còn tấu thì lại do bề dưới viết để dâng lên bề trên (dâng lên vua). (Tấu trong VH trung đại khác với tấu trong VH hiện đại là một loại hình kể chuyện . .) HD 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản. (25 phút) 1.Mục tiêu: Học sinh thấy được mục đích chân chính của việc học mà tác giả đề cập 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: a. Phần đầu tác giả nêu khái quát mục đích của việc học bằng cách nào? Tác dụng của cách nêu đó?	phép học P3. Còn lại ->Tác dụng của việc học chân chính (Đạo học) II. Đọc - Hiểu văn bản 1. Mục đích chân chính của việc học: - Sử dụng câu châm ngôn với hình ảnh so sánh -> vừa dễ hiểu vừa tăng thêm sức thuyết phục. - “Đạo” một khái niệm trừu tượng được giải thích ngắn gọn rõ ràng: “Đạo” là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người”. => Mục đích chân chính của việc học là học để làm người, để biết “đạo”
---	---

b. “Đạo” là gì? Mục đích việc học đó là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi
- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- Dự kiến sản phẩm

- Đưa câu châm ngôn vào-> tăng tính thuyết phục, dễ hiểu, tạo tiền đề để bàn về việc học

(Bằng cách nêu hình ảnh so sánh, ẩn dụ quen thuộc nhưng nhấn mạnh bằng cách nói phủ định 2 lần để thành khẳng định. Giống như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong)

- Đạo là lẽ sống đúng, đẹp và là mối quan hệ XH giữa người với người. Đối với tác giả, kẻ đi học trước hết là phải biết, hiểu đạo, tức là biết cách làm người

- > mục đích chân chính của việc học

***Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận

(Trình trên bảng phụ)

***Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

ND 2

1. Mục tiêu: HS thấy được thái độ của tác giả về việc học
2. Phương thức thực hiện: *Hoạt động cặp đôi*
3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

- ### 5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- a. Soi vào sử sách, tác giả đã chỉ ra những lỗi học lệch lạc, sai trái nào? Hậu quả của lỗi học sai trái đó là gì?

2. Bàn luận về phép học:

- Soi vào thực tế đương thời phê phán những biểu hiện lệch lạc sai trái của việc học đó là:
 - + học hình thức
 - + cầu danh lợi.

b. Tác giả đã đề xuất cách học và phương pháp học như thế nào? Học như thế sẽ đạt mục đích gì? c. Em có suy nghĩ gì về những PP học tác giả đề ra? * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS - Dự kiến sản phẩm - Soi vào thực tế đương thời phê phán những biểu hiện lệch lạc sai trái của việc học đó là: + học hình thức + cầu danh lợi. + Học mà không hiểu nội dung chỉ có cái danh mà không thực chất. - Tác hại của việc học đó làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót”, người trên kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh “nước mất, nhà tan” - PP học: lấy Chu Tử làm chuẩn, lấy tiểu học làm căn bản, học tuần tự từ thấp lên cao, phải học rộng ra rồi tóm gọn, theo điều học mà làm. => Đào tạo được người tài giỏi, giữ vững được nước nhà -> Có thể nói đây là những PP dạy học tích cực nó còn nguyên giá trị đến ngày nay *Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm. (Trình trên bảng phụ) *Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng ND 3	+ Học mà không hiểu nội dung chỉ có cái danh mà không thực chất. - Tác hại của việc học đó làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót”, người trên kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh “nước mất, nhà tan” - Đề xuất cách học đúng: + Mở rộng trường lớp + Mở rộng đối tượng + Tạo điều kiện cho người đi học. - Phương pháp học: + Học tuần tự từ thấp lên cao, học cái căn bản + Học rộng nhưng phải biết khái quát. + Học đi đôi với hành => Đào tạo được người tài giỏi, giữ vững được nước nhà. 3.Tác dụng của phép học:
---	--

1. Mục tiêu: <i>Hs nắm được</i> Tác dụng của phép học chân chính 2. Phương thức thực hiện: <i>Hoạt động cá nhân</i> 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: a. Mục đích chân chính và cách học đúng đắn được tác giả gọi là đạo học. Theo tác giả đạo học thành có tác dụng ntn? b. Đằng sau những lí lẽ bàn về tác dụng của phép học, người viết đã thể hiện thái độ gì? * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: <i>Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân,</i> - Giáo viên: <i>Quan sát trợ giúp HS</i> - Dự kiến sản phẩm - Tác dụng: Có được nhiều người tốt. Triều đình ngay ngắn. Thiên hạ thịnh trị, xã hội, đất nước phồn vinh - Thái độ của t/g: + Đề cao tác dụng của việc học chân chính. + Tin tưởng ở đạo học chân chính. + Kì vọng về tương lai đất nước. * Báo cáo kết quả HS trình bày miệng * Đánh giá kết quả HS khác nhận xét, bổ sung - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> HD tổng kết: 1. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.	- Có được nhiều người tốt. - Triều đình ngay ngắn. - Thiên hạ thịnh trị, xã hội, đất nước phồn vinh III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Lập luận chặt chẽ - Luận điểm rõ ràng, lí lẽ xác đáng - Lời văn khúc chiết, thẳng thắn
--	--

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của HS 4. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: ? Nêu khái quát những nét chính về nghệ thuật và nội dung của văn bản * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS - Dự kiến sản phẩm:... - GV nhận xét câu trả lời của HS. - GV chốt trên bảng phụ bằng bản đồ tư duy HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5 PHÚT) 1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài 2. Phương thức thực hiện: HĐ cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu thảo luận nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS nhận xét đánh giá - GV đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * GV chuyển giao nhiệm vụ: ? Đọc những lời tấu trình của Nguyễn Thiếp về phép học, em thu nhận được những điều sâu xa nào về đạo học của cha ông ta ngày trước? ? Các em có nhận xét gì về quan niệm của Nguyễn Thiếp đối với sự học (so với thời đại của ông và hiện tại)? * HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: thực hiện cá nhân, Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn - Dự kiến sản phẩm... - Mục đích là học để biết, làm người tốt,... Học để góp phần làm hưng thịnh đất nước - Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiến bộ của ông về sự học. Quan niệm tiến bộ vẫn còn có ý nghĩa với chúng ta	2. Nội dung: Văn bản nêu nên quan niệm tiến bộ của t/g về sự học. * Ghi nhớ - SGK 58. IV. Luyện tập :
--	--

hôm nay, nó là nền tảng cho những quan điểm học đúng đắn ngày nay *Báo cáo kết quả: HS trình bày *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá->Giáo viên chốt kiến thức	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(02 PHÚT)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

4. **Sản phẩm hoạt động:** Câu trả lời của HS

5. **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ:

? Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về Nguyễn Thiếp.

? Em có nhận xét gì về cách học của học sinh hiện nay? Từ đó em sẽ rút ra cho mình được bài học gì về cách học?

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ trả lời.

- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, quan tâm đến vận mệnh của đất nước, trọng chữ nghĩa, trọng hiền tài

- HS học hình thức, học cốt chỉ để lên lớp lấy cái bằng tốt nghiệp, học không sâu, không rộng không biết cách tóm lại kiến thức...

⇒ Bài học: Học theo tuần tự từ cơ bản đến nâng cao, học đi đôi với hành, học phải vận dụng vào thực tế c/s

+ 2 HS trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV khái quát nội dung

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (02 PHÚT)

* **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

* **Nhiệm vụ:** Về nhà tìm hiểu, liên hệ.

* **Phương thức hoạt động:** cá nhân.

* **Yêu cầu sản phẩm:** Vẽ sơ đồ tư duy

* **Tiến hành hoạt động:**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:** ? Hãy tìm những câu danh ngôn về học tập

- **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Dự kiến sản phẩm: Tiên học lễ, hậu học văn.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 26:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 25. Tiết : Tập làm văn

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Giúp HS củng cố chắc hơn những hiểu biết về cách xây dựng và trình bày luận điểm.
- 2. Năng lực:** HS có kỹ năng tìm, sắp xếp, trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc. Năng lực viết bài văn nghị luận.
- 3. Phẩm chất:** HS có ý thức bồi dưỡng kỹ năng làm bài văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

1. Thế nào là luận điểm? *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn có mấy luận điểm? Hãy nêu các luận điểm đó!

2. Khi trình bày luận điểm trong đoạn văn cần chú ý những điều gì?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm 1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá	Đề: Hồ Chủ tịch có dạy: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài là người vô dụng”. Em hãy giải thích câu nói trên. I. Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm.

- Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu Xây dựng luận điểm cho đề văn trên? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> Xác định yêu cầu: - <i>Thể loại:</i> Nghị luận: - <i>Nội dung:</i> Hiểu câu nói trên như thế nào - <i>Phạm vi kiến thức:</i> Thực tế đời sống - <i>Hệ thống luận điểm cho đề văn trên</i> a) Hiểu thế nào là đức, tài: - Đức là gì? - Tài là là gì? b) Mối quan hệ giữa tài và đức: - Vì sao “Có tài mà không có đức là người vô dụng” - Vì sao “Có đức mà không có tài l việc gì cũng khó” - Tài và đức có mối quan hệ như thế nào? c. Hiểu như thế ta phải làm gì? * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2: Luyện tập	a) Khái niệm về đức, tài: - Đức là gì? - Tài là là gì? b) Mối quan hệ giữa tài và đức: - Vì sao “Có tài mà không có đức là người vô dụng” - Vì sao “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” - Tài và đức có mối quan hệ như thế nào? c. Hiểu như thế chúng ta phải làm gì II. Luyện tập trình bày luận điểm:
---	--

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu ? Viết đoạn văn trình bày các luận điểm của đề văn trên? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> <i>Nhóm 1:</i> Trước hết ta phải hiểu đức là gì, tài là gì? Đức là đạo đức phẩm chất, nhân cách của con người. Đạo đức cao đẹp của mỗi người được xây dựng trên cơ sở của một lẽ sống đúng đắn. Tài là tài năng trí tuệ, trình độ học vấn, sự tinh thông nghề nghiệp... là sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành. <i>Nhóm2:</i> Mỗi quan hệ giữa tài và đức: Vậy tài và đức có mối quan hệ như thế nào? Bác nói “Có tài mà không có đức là người vô dụng” thì cái tài đó không phục vụ cho mục đích cao cả, “tài” trở nên hoài phí, thậm	a) Khái niệm về đức, tài: - Đức là đạo đức phẩm chất, nhân cách của con người. Đạo đức cao đẹp của mỗi người được xây dựng trên cơ sở của một lẽ sống đúng đắn. - Tài là tài năng trí tuệ, trình độ học vấn, sự tinh thông nghề nghiệp... là sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành. b) Mối quan hệ giữa tài và đức: - “Có tài mà không có đức là người vô dụng” vì cái tài đó không phục vụ cho mục đích cao cả, “tài” trở nên hoài phí, thậm chí cái tài đó nhằm
---	---

chí cái tài đó nhằm phục vụ cho những mưu đồ ích kỷ có hại cho cộng đồng. Còn “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” vì không có kỹ năng hoàn thành được công việc, hiệu quả lao động thấp thậm chí còn gây hậu quả xấu. Qua câu nói này Bác muốn khẳng định Tài và đức có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Đức là gốc. Có đạo đức thì tài năng có điều kiện phát huy, ngược lại tài năng là biểu hiện cụ thể của đạo đức. Vì vậy con người vừa có tài vừa phải có đức mới đặc dụng trong cộng đồng . Nhóm 3: Hiểu như thế chúng ta phải làm gì Nếu không muốn thành người vô dụng, muốn được mọi người yêu quý kính trọng chúng ta phải không ngừng phấn đấu rèn luyện bản thân để trở thành người vừa có tài vừa có đức. Làm được như vậy không chỉ khẳng định được bản thân mà còn góp phần để xây dựng quê hương đất nước. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	phục vụ cho những mưu đồ ích kỷ có hại cho cộng đồng. - “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” vì không có kỹ năng hoàn thành được công việc, hiệu quả lao động thấp thậm chí còn gây hậu quả xấu. => Qua câu nói này Bác muốn khẳng định Tài và đức có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Đức là gốc. Có đạo đức thì tài năng có điều kiện phát huy, ngược lại tài năng là biểu hiện cụ thể của đạo đức. Cho nên với tài và đức, nếu thiếu cả 2 thứ này thì đều là vô dụng . c. Hiểu như thế chúng ta phải làm gì - Học tập tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người vừa có tài vừa có đức - Làm được như vậy không chỉ khẳng định được bản thân mà còn góp phần để xây dựng quê hương đất nước.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

- 1. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận
- 2. Phương thức thực hiện:** hoạt động cá nhân
- 3. Sản phẩm hoạt động:** hs làm vào vở bài tập
- 4. Phương án kiểm tra, đánh giá:**
 - HS tự đánh giá

- Hs: đánh giá lẫn nhau
- Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: ?

Vận kiến thức đã học thực hiện tìm hiểu đề lập dàn ý đại cương cho đề bài sau:
Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ: *Lá lành đùm lá rách*

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân
- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: ? Em hãy tự đặt một đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết đề bài đó?
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 26:

Ngày soạn: 28

Ngày dạy:

Bài 25. Tiết 103+104: Tập làm văn LUYỆN VIẾT VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Củng cố chắc hơn những kiến thức về văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Tích cực học tập, bồi dưỡng lòng yêu thích say mê môn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Đề, biểu điểm, đáp án.

2. Chuẩn bị của học sinh: ôn bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1 Ma trận:

Mức độ	NHận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Tổng số	
Lĩnh vực ND	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Văn nghị luận								1câu 10 đ		1câu 10đ
Tổng số câu Tổng số điểm										1 câu 10 đ

2. Đề bài:

Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

3. Đáp án và biểu điểm chấm

a. Yêu cầu kĩ năng (1điểm)

- Đúng đặc trưng của bài văn nghị luận
- Trình bày rõ ràng rành mạch các luận điểm luận cứ, dẫn chứng cụ thể xác thực.
- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.
- Bố cục ba phần rõ ràng.

b. Kiến thức: (9điểm)

I. Mở bài: 1đ

- "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này.

- Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo.

- Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên.

II. Thân bài: 7đ

1. Giải Thích: (2đ)

- Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước những cái hay, cái đẹp của người khác.

- Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học.

=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.

2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)

- Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm.

- Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực.

- Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc.

- Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập".

- Học, hỏi, hiểu, hành là phương châm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó.

3. Tác dụng(2 đ)

- Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào cuộc sống.)

- Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn.

- Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học.

- Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết.

III. Kết bài: 1đ

- Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiếp đã chỉ cho ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào.

- Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên.

*** Lưu ý**

- **Điểm 9-10:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu về nội dung cũng như cách thức diễn đạt, lối viết giản dị, chân thành tạo được sự đồng cảm và thuyết phục trong người đọc. Biết kết hợp nhiều yếu tố diễn đạt .

- **Điểm 7-8:** Bài viết đảm bảo khá tốt các yêu cầu trên. Biết kết hợp các yếu tố diễn đạt ở mức độ khá

- **Điểm 5-6:** Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên. Chủ yếu liệt kê các luận điểm. Việc kết hợp các yếu tố diễn đạt và phân tích còn lúng túng

- **Điểm 3-4:** Bài viết chưa đảm bảo các yêu cầu trên. Nêu các luận điểm chưa chính xác, chưa đầy đủ.

- **Điểm 1-2:** Bài viết quá yếu về cả nội dung và diễn đạt.

IV. Củng cố- dặn dò

1. Thu bài.
2. Thống kê số lượng và nhận xét giờ kiểm tra.
3. Chuẩn bị bài .

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 27:

Ngày soạn: 06

Ngày dạy:

Bài 26. Tiết : Tiếng Việt

HỘI THOẠI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp. Năng lực sử dụng ngôn ngữ

3. Phẩm chất: HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về **Hội thoại**

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

1. Hoạt động nói có những kiểu hoạt động nói nào? Cách thực hiện hoạt động nói đó như thế nào? Cho ví dụ?

2. Chỉ ra và gọi tên các hành động nói trong ví dụ sau:

Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phàn này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai , uống nước chè, rồi hút thuốc lào...Thế là sung sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác.

(*Nam Cao , Lão Hạc*).

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đoạn trích trên là cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc. Cuộc trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người, gọi là hội thoại. Mỗi người khi tham gia hội thoại đều có vai xã hội riêng. Vậy làm thế nào để xác định được vai xã hội trong hội thoại? Chúng ta vào bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC 1. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai xã hội trong hội thoại 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Trong đoạn trích có những nhân vật nào? Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là quan hệ gì? Ai là vai trên, ai là vai dưới? 2. Cách xử sự của người cô có gì đáng chê trách? 3. Lấy ví dụ về các vai theo quan hệ xã hội thường gặp? 4. Tìm những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép? Giải thích vì sao Hồng phải làm như vậy? 5. Khi tham gia hội thoại cần lưu ý điều gì? - Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp. - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Trong đoạn trích có những nhân vật : - Bà cô Hồng và Hồng - Quan hệ giữa hai nhân vật tham gia trong đoạn trích trên thuộc quan hệ gia tộc.	I. Vai xã hội trong hội thoại: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: - Quan hệ trên-dưới.

- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- Các chi tiết:
 - + Nghiêm khắc: Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục....
 - + Khoan dung: Nếu các người biết chuyên tậpTa viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

2. Bài tập 2:

- Xét về địa vị xã hội: ông Giáo là người có địa vị cao hơn một người nông dân nghèo như lão Hạc.
- Xét về tuổi tác thì lão Hạc có địa vị cao hơn.
 - a, Ông Giáo nói với lão Hạc bằng lời lẽ ôn tồn, thân mật nắm lấy vai lão, mời lão hút thuốc, uống nước, ăn khoai.

Ông Giáo gọi lão Hạc là “cụ” (thể hiện sự kính trọng), xưng là “tôi” (thể hiện quan hệ bình đẳng).

b, Lão Hạc gọi người đối thoại với mình là ông Giáo, xưng hô gộp hai người là chúng mình, cách nói xuề xoà (nói đùa thế) thể hiện sự thân tình.

=> Qua cách nói của lão ta thấy vẫn có một nỗi buồn, một sự giữ khoảng cách: cười đưa đà, thoái thác chuyện ở lại ăn khoai, uống nước với ông Giáo.

-> Phù hợp tâm trạng của lão Hạc lúc đó.

3. Bài tập 3:

Lên bảng kể lại một cuộc trò chuyện (chủ đề tùy chọn)

-> Chỉ ra vai xã hội của người tham gia hội thoại.

Yêu cầu: kể ngắn gọn, diễn cảm, chú ý lời nói, ngôn ngữ.

* *Báo cáo kết quả:*

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** ? Viết đoạn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn). Phân tích vai xã hội của những người tham gia cuộc thoại. Cách đối xử của họ với nhau thể hiện qua lời thoại và qua cử chỉ, thái độ kèm lời nói.

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:* bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động :**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** ? Sưu tầm đoạn hội thoại và phân tích vai xã hội.
- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 27:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 26. Tiết : Tập làm văn

TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được biểu cảm là một yếu tố không thể thiếu trong những bài văn nghị luận có sức thuyết phục cao.
- Nắm được những yêu cầu cần thiết của việc đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận để việc nghị luận đạt hiệu quả thuyết phục cao.

2. Năng lực: HS có kỹ năng vận dụng những yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận. Năng lực tìm hiểu các yếu tố BC trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật dạy học thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài.

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	-Nêu và giải quyết vấn đề.	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 3: Luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động

Tiến trình hoạt động

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: nêu câu hỏi

Hãy chỉ ra các chi tiết biểu thị thái độ , tình cảm của Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn trong văn bản “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”. Tác dụng của các yếu tố này trong bài văn?

- Hs: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:

* *Báo cáo kết quả:* Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đây chính là các yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận. Vậy làm thế nào để đưa yếu tố biểu cảm vào bài nghị luận, và yếu tố biểu cảm đóng vai trò gì trong bài nghị luận. Chúng ta cùng vào bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC 1. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.	I. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Xác định kiểu văn bản , mục đích của văn bản? 2. Hãy tìm những từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả? 3. Tìm một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” ? 4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau? 5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm? Vì sao? 6. Hãy so sánh câu văn ở bảng 1 và 2, câu nào hay hơn, vì sao? Tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận? 7. Có ý kiến cho rằng : Thiếu yếu tố biểu cảm, sức thuyết phục của văn nghị luận nhất định bị giảm đi? Nhưng cứ có yếu tố biểu cảm – bất kì yếu tố đó ntn – là sức biểu cảm của văn bản nghị luận sẽ cao hơn điều đó, có đúng không ? Vì sao? 8. “Hịch tướng sĩ” và “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” là văn bản nghị luận có sức thuyết phục cao, tác động mạnh mẽ tới tình cảm con người. Để làm được điều này, người viết cần phải có những phẩm chất gì? 9. Có ý kiến cho rằng: Càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong văn nghị luận càng tăng? ý kiến đó có đúng không? Vì sao? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nghị luận -> HCM viết bài văn trên để kêu gọi toàn thể nhân dân VN đứng lên chống thực dân Pháp để giành nền độc lập dân tộc.	- Văn nghị luận có:
---	----------------------------

G: Văn bản trên ra đời 19.12.1946. Sau CMT8, miền Bắc được hoàn toàn độc lập (Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945), nhưng sau một thời gian Pháp quay trở lại xâm lược nước ta Bác đã viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến..... 2. * Câu cảm thán: - Hỡi đồng bào toàn quốc!. - Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!. - Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!.....thắng lợi nhất định về dân tộc ta! VN độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm! * Từ ngữ biểu cảm: hỡi, muốn, phải, nhân nhượng, lần tới, không, thà, nhất định không chịu, phải đứng lên, hể là, thì, ai có, ai cũng phải..... 3. Một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” : - Ta viết bài hịch này để các người biết bụng ta. - Lúc bấy giờ dầu các người muốn vui vẻ phỏng có được không? - Ta thường tới bữa quên....vui lòng. - Không có mặc thì ta cho áo.... 4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau : có nhiều từ ngữ và câu văn có giá trị biểu cảm cao. 5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm vì : Không phải là văn biểu cảm vì các tác phẩm ấy viết ra không nhằm mục đích nghị luận (bộc lộ tình cảm) mà nhằm mục đích nghị luận nêu luận điểm, trình bày luận cứ để bàn luận phải trái, đúng sai, nên xác định hành động và cách sống ntn? => Ở đây biểu cảm không đóng vai trò chủ đạo mà chỉ là yếu tố phụ trợ cho quá trình nghị luận. 6.- Câu văn ở cột (2) hay hơn vì: cột (1) không có yếu tố biểu cảm, câu văn chỉ đúng mà chưa hay. Cột (2) có yếu tố	Câu cảm thán: Từ ngữ biểu cảm. - Biểu cảm đóng vai trò phụ trợ. - Gây hứng thú cho người đọc, tạo nên cái hay của văn bản.
---	--

biểu cảm không chỉ đúng mà còn hay, gợi tình cảm ở người nghe. -> Biểu cảm có thể gây xúc động, truyền cảm hấp dẫn người đọc, người nghe, tăng sức thuyết phục cho bài văn. Gọi h/s đọc điểm 1- ghi nhớ? HS đọc ghi nhớ. 7. Trong văn nghị luận, yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò phục vụ cho công việc nghị luận. Bởi thế, yếu tố biểu cảm phải được dùng sao cho phù hợp, nó phải hoà vào luận cứ, luận chứng, làm nổi bật và khắc sâu luận điểm trong lòng người nghe. -> Không làm phá vỡ mạch lập luận của bài văn hoặc quá trình nghị luận bị đứt đoạn. 8. - Cả hai tác giả đều có lòng yêu nước căm thù giặc sâu sắc. Điều quan trọng hơn bài văn ấy được viết ra không chỉ bằng sự sáng suốt, mạch lạc, chặt chẽ của trí tuệ mà còn bằng cả lòng nhiệt tình, sự tha thiết trong tâm hồn, cảm xúc mãnh liệt, chân thực của lòng mình. G: Thực tế cũng cho thấy, người đọc khẳng định đó là bài nghị luận hay khi nó không chỉ làm đầu óc mình sáng tỏ mà còn làm cho trái tim mình rung động. Do đó, biểu cảm là yếu tố không thể thiếu trong bài văn nghị luận. 9. Không phải càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong bài văn nghị luận càng tăng, biểu hiện tình cảm, cảm xúc phải phù hợp, không phá vỡ mạch lập luận của bài văn và đủ làm sáng tỏ luận điểm. - Tình cảm, cảm xúc phải chân thành, sâu sắc, tự nhiên (không hời hợt, thờ ơ) mới tạo ra hiệu quả thuyết phục. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	- Người viết thực sự có cảm xúc và diễn tả bằng phương tiện ngôn ngữ. 3. Ghi nhớ: sgk II. Luyện tập:
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 3). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 2).

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- Nhưng họ đã phải trả...chiến trường châu Âu.
- Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi...
- ...nhiều người bản xứ...ngài thống chế.
- Những kẻ khốn khổ ấy cũng đã....

+ Tác giả sử dụng NT châm biếm, mỉa mai qua việc dùng từ ngữ, dùng hình ảnh.

“ tên da đen bán thịt, con yêu, bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do”, thể hiện thái độ khinh bỉ sâu sắc đối với giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân và cả sự chế nhạo, cười cợt.

-> Tác dụng: Phơi bày bản chất dối trá, lừa bịp của bọn TDP một cách rõ ràng, gây cười, mỉa mai, châm biếm.

2. Bài tập 2:

- Trong đoạn văn, tác giả không chỉ phân tích điều hơn lẽ thiệt cho học trò để thấy được tác hại của việc “ học tủ, học vẹt”. Người thầy ấy còn bộc lộ nỗi buồn và sự khổ tâm của một nhà giáo chân chính trước sự xuống cấp trong lối học văn và làm văn của h/s.

Những tình cảm ấy được biểu hiện rõ ở cả ba mặt: từ ngữ, câu văn, giọng điệu lời văn.

3. Bài tập 3:

Yêu cầu: Yếu tố biểu cảm: cần bày tỏ tình cảm đáng tiếc cho lỗi học vô bổ, không có tác dụng mở mang trí tuệ, trau dồi kiến thức.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** ? Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “ Chúng ta không nên học vẹt và học tủ”
- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- *Dự kiến sản phẩm:* bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyên giao nhiệm vụ:*

- Gv: + Lập dàn ý các luận điểm và luận cứ cho đề bài: “ Sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch đối với h/s”.

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 28:

Ngày soạn: 13

Ngày dạy:

Bài 27. Tiết 109: ĐI BỘ NGAO DU

(Trích Ê-min hay về giáo dục)

- Ru- xô-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hiểu rõ đây là VB nghị luận với cách lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục; tác giả là nhà văn; bài này trích trong một tiểu thuyết nên các lí lẽ luôn hòa quyện với thực tiễn cuộc sống của riêng ông, khiến VB nghị luận không những sinh

động mà qua đó còn thấy được ông là người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận hiện đại.

3. Phẩm chất: HS biết yêu tự do,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về văn bản *Đi bộ ngao du*

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi
Em có đi bộ không? Em thấy nó có tác dụng gì?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm: khỏe mạnh, khoan khoái...

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trong thời đại ngày nay, khi các phương tiện giao thông vận tải ngày một phát triển, hiện đại, đã có không ít người ngại đi bộ. Nhưng cũng có rất nhiều người vẫn sáng sủa, tối tối cần mẫn luyện tập thể thao bằng cách đi bộ đều đặn. Nhưng đi bộ trong bài văn chúng ta sắp tìm hiểu : “Đi bộ ngao du”. Vậy đi bộ ngao du có ý nghĩa là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung của bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Hoạt động 1 : Giới thiệu chung (5phút) 1. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản “Đi bộ ngao du” 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: bài làm của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Các nhóm đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv:? Giới thiệu vài nét về Ru-xô và văn bản “Đi bộ ngao du” mà các em đã chuẩn bị? - Hs tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đại diện nhóm lên trình bày... - Giáo viên, HS quan sát, lắng nghe... - Dự kiến sản phẩm 1. Tác giả: - Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiến bộ ở nước Pháp TK XVIII. - Là tác giả của nhiều bộ tiểu thuyết lớn. G: Ru-xô mồ côi mẹ từ sớm, cha là thợ đồng hồ. Thời thơ ấu ông chỉ đi học vài năm, từ 12 đến năm 14 tuổi sau đó làm nghề thợ chạm, làm đầy tớ, làm gia sư, dạy âm nhạc....Trước khi trở thành nhà triết học, nhà văn nổi tiếng. 2. Văn bản: - Đoạn trích “Đi bộ ngao du” được trích trong quyển V của tác phẩm “E-min hay Về giáo dục” (1762) -> Đây là thiên luận văn – tiểu thuyết với hai nhân vật chính: em bé E-min và thầy giáo gia sư. Quá trình giáo dục Ê-min từ lúc ra đời đến tuổi trưởng thành là nội dung chính của tác phẩm. Chia thành 5 giai đoạn (tương ứng với 5 quyển).... GD1: bắt đầu từ khi em bé mới sinh ra cho đến khoảng 2-3	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: 1712-1778, là nhà văn, nhà triết học.. 2.Văn bản a, Xuất xứ, thể loại: - Xuất xứ:... - Thể loại:...

tuổi: nhiệm vụ của gđ này là làm sao cho em được phát triển tự nhiên. GĐ2: từ khi Ê-min lên 4-5-> 12 tuổi: đây là giai đoạn giáo dục cho Ê-min một nhận thức bước đầu, song giáo dục nhẹ nhàng, không gò bó. - GĐ3: kéo dài khoảng 3 năm, Ê-min được trang bị một số kiến thức hữu ích nhưng không phải trong sách vở trừu tượng mà trong thực tiễn sinh động của cuộc đời và từ 15 tuổi, Ê-min được học một nghề lao động chân tay: thợ mộc. - GĐ4: từ 16-20 tuổi, Ê-min được giáo dục về đạo đức và tôn giáo. - GĐ5: Ê-min trưởng thành, đi du lịch 2 năm trước khi cưới để cho đạo đức và nghị lực được thử thách và góp phần hiểu thêm về XH. - Văn bản nghị luận (luận văn – tiểu thuyết). Văn bản dùng lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục bạn đọc về lợi ích của việc đi bộ ngao du. Bố cục: 3 phần - “Từ đầu ...bàn chân nghỉ ngơi”: Đi bộ ngao du là hoàn toàn được tự do, không bị lệ thuộc vào bất cứ ai. - “ Tiếp theo...không thể làm tốt hơn”: Đi bộ ngao du – trau dồi vốn tri thức. - Còn lại: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe và tinh thần của con người. Trật tự sắp xếp hợp lí theo dụng ý của tác giả: + Đối với Ru-xô tự do là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Ông luôn khao khát tự do. Suốt đời ông đấu tranh cho tự do, chống lại chế độ phong kiến. + Ru-xô thuở nhỏ không được học hành, ông rất khát khao kiến thức, cả đời ông phải nỗ lực tự học. Vì thế lập luận trau dồi vốn kiến thức, không phải trong sách vở mà từ thực tiễn được ông xếp ở vị trí thứ hai trong số lợi ích của việc đi bộ. *Báo cáo kết quả: HS lên trình bày *Đánh giá kết quả	b, Đọc, chú thích, bố cục: - Đọc. - Chú thích. - Bố cục:
---	---

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HO 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản. (25 phút) 1. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Tác giả đã quan niệm như thế nào về vấn đề đi bộ ngao du? 2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ? Nhận xét cách lập luận của tác giả ở luận điểm này? Nhận xét ngôi kể ở đoạn này? 3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục, có ý nghĩa gì ? Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc tin vào những lợi ích nào của người đi bộ? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS - Dự kiến sản phẩm 1. Tác giả đã quan niệm: Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa. 2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ: - Đi bộ ngao du ta hoàn toàn tự do “ưa đi lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng”. - Quan sát khắp nơi....xem xét tất cả...một dòng sôngmột khu rừng rậm...một hang động...một mỏ đá, các	II. Đọc - Hiểu văn bản 1. Đi bộ ngao du hoàn toàn tự do- không lệ thuộc vào bất cứ ai:
--	--

khoáng sản ...=> tùy theo ý thích của mình. - Không lệ thuộc ai: “những con ngựa hay những gã phu trạm..” - Không lệ thuộc bất cứ cái gì: “thời gian, đường sá. Hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ”. Nhận xét : - Dẫn chứng và lí lẽ trình bày xen kẽ, tiếp nối một cách tự nhiên. Đi bộ ngao du đem lại cảm hứng tự do cho người đi: tùy thích, đói ăn, khát uống, đêm nghỉ, ngày đi, đi để chơi, để học, để rèn luyện. - Kể theo ngôi kể thứ nhất “tôi, ta”. Cách xưng hô “tôi – ta” xen kẽ chính là dụng ý nghệ thuật của tác giả. Khi xưng “tôi” là khi tác giả muốn nói về những kinh nghiệm riêng mang tính chất cá nhân. Khi xưng “ta” là khi lí luận chung => Cách xưng hô thay đổi bài văn trở nên sinh động, gần cái riêng với cái chung -> gần gũi, thân mật. 3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục: Nhấn mạnh sự thoải mái cảm giác tự do cá nhân của người đi bộ ngao du. Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc đi bộ đem lại cảm giác tự do thường ngoạn cho con người. *Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận (Trình trên bảng phụ) *Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm</i> -><i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> 1. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá:	- Xen kẽ ngôi kể “tôi –ta”. => Đem lại cảm giác tự do..... 2. Đi bộ ngao du trau dồi vốn kiến thức, hiểu biết:
--	---

=> Đề cao kiến thức của thực tế khách quan. Xem thường kiến thức sách vở giáo điều. 3. Tác giả lại quan niệm rằng đi bộ ngao du là đi như: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go vì: + Ta-let, Pla-tông, Pi-ta-go là những nhà triết học và toán học nổi tiếng. Họ luôn quan sát, nghiền ngẫm khi đi dạo chơi. => Đề cao kiến thức của các nhà khoa học am hiểu đời sống thực tế. Đồng thời khích lệ mọi người hãy đi bộ để mở mang kiến thức. 4. Để nói về sự hơn hẳn của các kiến thức thu được khi đi bộ ngao du, tác giả sử dụng: - So sánh: Kiến thức linh tinh... trong các phòng sưu tập (vua chúa) với sự phong phú trong phòng sưu tập của người đi bộ ngao du (là cả trái đất), hơn cả nhà tự nhiên học Đô - Băng – Tông . 5. Qua đó giúp ta hiểu thêm những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du giúp mở mang năng lực khám phá đời sống, mở rộng vốn hiểu biết và làm giàu trí tuệ. *Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận *Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm</i> -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> 1. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của Hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động:	3. Đi bộ ngao du rèn luyện sức khoẻ tinh thần con người.
--	--

* Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: 1. Cách chứng minh luận điểm thứ ba này có gì đặc sắc? 2. Việc sử dụng các câu cảm thán ở đây có tác dụng gì? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS - Dự kiến sản phẩm - Gv: 1. Cách chứng minh: So sánh hai trạng thái tinh thần khác nhau: người đi bộ ngao du (vui vẻ, hân hoan, khoan khoái). người ngồi trên xe ngựa (mơ màng, buồn bã, cúi kinh, đau khổ). Tính từ được sử dụng liên tiếp. 2. Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du, đó là nâng cao sức khỏe và tinh thần, khơi dậy niềm vui sống và tính tình được vui vẻ. * Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận * Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 5: Tổng kết 1. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ	- So sánh hai trạng thái tinh thần khác nhau. => Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du... III. Tổng kết: (5')
--	---

- Gv: Nhận xét về cách đặt tên văn bản của tác giả?

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

- Dự kiến sản phẩm:....

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: ? Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “Đi bộ ngao du tốt cho sức khỏe”

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- Dự kiến sản phẩm: bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Tìm các tài liệu nói về lợi ích của việc đi bộ.
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* *Báo cáo kết quả:* Hs nộp bài

* *Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 28:

Ngày soạn: 13

Ngày dạy:

Tiết 110: ÔN TẬP VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: hệ thống lại các văn bản đã học ở lớp 8.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục tinh thần rèn luyện thân thể, ý thức đi bộ và quan sát....

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp:

2. Ôn tập:

Nêu tác giả, khái quát nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học ở HKII:

I. Thơ trữ tình:

1. Nhớ rừng:

a. Tác giả:

- Thế Lữ (1907 – 1989) – tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ – quê ở Bắc Ninh.
- Là nhà thơ tiêu biểu trong pt Thơ mới (1932 – 1945).
- Được Nhà nước tặng giải thưởng HCM về VHNT.

- Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ: Giọng thơ biến hoá du dương, lời cuốn. í thơ rộng mở, giọng thơ mượt mà đầy màu sắc. hình tượng thơ đa dạng, chan hoà tình thơ, dạt dào về cái đẹp, cái đẹp của âm nhạc, mỹ thuật, vẻ đẹp của nhan sắc thiếu nữ và tình yêu...

Thế Lữ (1907-1989) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới. Xuất xứ: Viết năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ” (1935).

Thơ mới: một phong trào thơ có tính chất lãng mạn của tầng lớp trí thức trẻ từ năm 1932 đến năm 1945. Ngay từ giai đoạn đầu, Thơ mới đã có nhiều đóng góp cho văn học, nghệ thuật của nước nhà. *Nhớ rừng* là bài thơ viết theo thể thơ 8 chữ hiện đại. Sự ra đời của bài thơ góp phần mở đường cho sự thăng lợi của phong trào Thơ mới.

b. Giá trị về nội dung & NT:

- “Nhớ rừng” là bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và của phong trào Thơ mới, được sáng tác vào năm 1934, lần đầu đăng báo, sau đó in trong tập “Mấy vần thơ”.

- Mượn lời con hổ ở vườn bách thú với nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do, được sống đúng với bản chất của mình, tác giả đã thể hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam cầm nô lệ. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hận và lòng khao khát tự do của con người VN khi đang bị ngoại bang thống trị. Phảng phất trong bài

thơ có nỗi đau thầm kín của Thế Lữ và cũng là của những người thanh niên thuở ấy trước cảnh nước mất nhà tan.

2. Quê hương:

a. Tác giả:

- Tế Hanh – tên khai sinh là Trần tế Hanh, sinh 1921, quê Quảng Ngãi, hiện đang sống ở Hà Nội.

- Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, tham gia nhiều khoá Ban Chấp Hành Hội Nhà văn...

- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận, thơ viết cho thiếu nhi, dịch nhiều tập thơ của các nhà thơ lớn trên thế giới.

- Ông nhận nhiều giải thưởng về văn học.

Tế Hanh (1921- 2009) đến với Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.

Quê hương được in trong tập *Nghẹn ngào* (1939), sau in lại ở tập *Hoa niên* (1945).

Ý nghĩa văn bản:

Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Sáng tác khi Tế Hanh sống xa quê. Những h/a về làng chài và những người dân chài đều được tái hiện từ nỗi nhớ của nhà thơ nên rất gợi cảm và sinh động.

- Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở chất thơ bình dị nhưng tràn ngập cảm xúc. Nhà thơ viết về quê hương với tình cảm thiết tha, từ niềm tự hào về 1 miền quê tươi đẹp, có những đoàn thuyền, những người trai mạnh mẽ đầy sức sống, đương đầu với sóng gió trùng dương vì c/s, niềm vui và hp của làng chài.

3. Khi con tu hú:

a. Tác giả:

- Tố Hữu – tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành – quê Thừa Thiên.

- Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ sáu, bảy tuổi đã làm thơ. Giác ngộ và tham gia cách mạng từ rất sớm.

- Tố Hữu đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và chính quyền: Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư BCH TƯ Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận.

- Nhận nhiều giải thưởng về VHNT.

Tố Hữu (1920 – 2002) quê Thừa Thiên – Huế. Được giác ngộ trong phong trào học sinh, sinh viên. Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

Khi con tu hú ra đời khi tác giả đang bị giam cầm trong nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập *Từ ấy*- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu (1939).

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Bài thơ lục bát được sáng tác khi ông đang bị địch giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế) 7. 1939, sau đó được in trong tập: *Từ ấy*.

- Bài thơ nói lên nỗi nhớ quê nhà khi mùa hè đã đến, đồng thời thể hiện niềm uất hận và lòng khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng đang bị cùm trói trong nhà tù đế quốc.

4. *Tức cảnh Pác Bó:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 – 1969): nhà văn, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

b. Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 2. 1941, sau 30 năm bôn ba hoạt động cm ở nước ngoài, Bác Hồ trở lại Trung Quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ: ở trong hang Pác Bó – một hang núi nhỏ sát biên giới Việt – Trung (Hà Quảng – Cao Bằng); thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm; bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang được người đặt tên là suối Lê-nin. Bài thơ được Bác sáng tác trong hoàn cảnh này. *Tức cảnh Pác Bó*: được viết theo thể thơ tứ tuyệt, ra đời tháng 02 – 1941.

- Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên một cảm giác vui thích, sáng khoái. (- Có tính chất ngắn gọn, hàm súc.- Vừa mang đặc điểm cổ điển, truyền thống vừa có tính chất mới mẻ.- Có lời thơ bình dị pha giọng đùa vui, hóm hỉnh.- Tạo được tứ thơ độc đáo, bất ngờ, thú vị và sâu sắc.)

Ý nghĩa văn bản: Bài thơ thể hiện cốt cách, tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

5. *Ngắm trăng, Đi đường:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh.

b. Tác phẩm:

* *Giới thiệu: “Ngục trung nhật kí” (Nhật kí trong tù):*

- Gồm 133 bài thơ chữ Hán, phần lớn là thơ thất ngôn tứ tuyệt. Tập nhật kí bằng thơ được HCM viết trong một hoàn cảnh đặc biệt từ tháng 2/1942 đến 9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đầy đoạ khắp các nhà tù ở tỉnh Quảng Tây – TQ.

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện

Mười tám nhà lao đã ở qua.

(Đến phòng chính trị chiến khu IV)

- Nhật kí trong tù phản ánh một dũng khí lớn, một tâm hồn lớn, một trí tuệ lớn của người chiến sĩ vĩ đại. Nó cho thấy một ngòi bút vừa hồn nhiên giản dị, vừa hàm súc sâu sắc. Chất thép và chất tình, màu sắc cổ điển và tính chất hiện đại, bình dị kết hợp một cách hài hoà.

- Nhật kí trong tù có tác dụng bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần và nhân sinh quan cách mạng cho thế hệ trẻ chúng ta.

- Trong bài “Độc thơ Bác”, thi sĩ Hoàng Trung Thông viết:

*Ngục tối trong tim càng cháy lửa
Xích xiềng không khoá nổi lời ca.
Trăm sông ngòi núi chân không ngã,
Yêu nước, yêu người, yêu cỏ hoa...
...Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mệnh mông mốt ngát tình.*

*** Ngắm trăng:**

- Là bài thứ 21 trong tập NKTT, được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên 1 cảm giác vui thích, sáng khoái.

- Bài thơ ghi lại cảnh ngắm trăng, qua đó thể hiện tình yêu trăng, yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan yêu đời và phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

Bài thơ được sáng tác trong ngục tù của Tưởng Giới Thạch, in trong tập “*Nhật kí trong tù*”.

Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thể thơ tứ tuyệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Hồ Chí Minh.

Nghệ thuật :

- Nhà tù và cái đẹp, ánh sáng và bóng tối nhà tù, vầng trăng và người nghệ sĩ lớn, thế giới bên trong và ngoài nhà tù,... sự đối sánh tương phản vừa có tác dụng thể hiện sức hút của những vẻ đẹp khác nhau ở bài thơ này, vừa thể hiện sự hô ứng, cân đối thường thấy trong thơ truyền thống.

- Tài năng Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn ngôn ngữ thơ.

Ý nghĩa văn bản:

Tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp của tự nhiên, của con người bất chấp hoàn cảnh tù ngục.

*** Đi đường:**

- Là bài số 30 trong tập thơ NKTT.

- Bài thơ nói lên những suy ngẫm của tác giả về đường đời vô cùng gian lao vất vả, luôn luôn đứng trước bao thử thách khó khăn, phải có dũng khí và quyết tâm vượt lên để giành thắng lợi. Con đường ở đây mang hàm nghĩa là con đường c/m

Hoàn cảnh ra đời: trong thời gian Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ (từ tháng 8 – 1942 đến tháng 9 – 1943.

Ý nghĩa triết lí .

- Con đường cách mạng nhiều thử thách chông gai nhưng chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

- Người cách mạng phải rèn luyện ý chí kiên định, phẩm chất kiên cường.

Nghệ thuật :

- Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc.

- Tác dụng nhất định của bản dịch thơ trong việc chuyển dịch một bài thơ viết bằng chữ Hán sang tiếng Việt.

Ý nghĩa văn bản:

Đi đường viết về việc đi đường gian lao, từ đó nêu lên triết lí về bài học đường đời, đường cách mạng: vượt qua gian lao sẽ tới thắng lợi vẻ vang.

II. Văn nghị luận:

1. *Chiếu dời đô*:

a. Tác giả: Lý Công Uẩn (974-1028) – tức Lý Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang – Nay là xã Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh. Thuở nhỏ ông được học chữ, học võ nghệ ở các chùa nổi tiếng vùng Kinh Bắc. Sau đó ông trở thành võ tướng của triều Lê, từng lập được nhiều chiến công, làm đến chức Tả thận vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, kín đáo, nhiều uy vọng, được quân sĩ và tầng lớp sư sãi tín phục.

Năm 1009, Lê Ngôa Triều chết, ông được quần thần và nhiều vị Thiền sư ủng hộ, tôn lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009-1225)

Lý Công Uẩn(974-1028) tức Lý Thái Tổ, vị vua khai sáng triều Lý, là vị vua anh minh, có chí lớn và lập nhiều chiến công.

b. Tác phẩm:

***Chiếu:** là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân biết về 1 chủ trương lớn, chính sách lớn của nhà vua và triều đình. Chiếu có ngôn từ trang trọng, tôn nghiêm, được viết bằng thể văn xuôi cổ, thường có đối và có vần (văn biên ngẫu).

Chiếu dời đô được viết bằng chữ Hán, ra đời gắn liền với sự kiện lịch sử trọng đại: thành Đại La(Hà Nội ngày nay) trở thành kinh đô của nước Đại Việt dưới triều Lý và

nhiều triều đại phong kiến Việt Nam. Chiếu: là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

* *Chiếu dời đô (viết bằng chữ Hán – Bản dịch của Nguyễn Đức Vân):*

Năm 1010, Lý Công Uẩn – tức vua Lý Thái Tổ, viết *Thiên đô chiếu* trong h/c đất nước thái bình thể hiện mong muốn dời đô từ Hoa Lư – Ninh Bình ra thành Đại La rộng lớn, thuận tiện cho việc mở mang và củng cố, bảo vệ đất nước, sau đổi tên là Thăng Long.

Chiếu dời đô là 1 văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó đánh dấu sự vươn dậy, ý chí tự cường của dt ta. Nó thể hiện sự lớn mạnh của đất nước ta, nhân dân ta trên con đường xây dựng 1 chế độ phong kiến tập quyền hùng mạnh để bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Đại Việt. Nó mở ra 1 kỉ nguyên mới, kỉ nguyên Thăng Long huy hoàng.

Tuy là 1 bài chiếu có ý nghĩa ban bố mệnh lệnh nhưng Chiếu dời đô lại có sức thuyết phục bởi nó hợp với lẽ trời, lòng dân. Tác giả đã sử dụng 1 hệ thống lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, giọng điệu mạnh mẽ, khoẻ khắn để thuyết phục dân chúng tin và ủng hộ kế hoạch dời đô của mình.

Hình thức :

-Gồm có bố cục 3 phần chặt chẽ.

-Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.

- Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại:

+ Là mệnh lệnh nhưng *Chiếu dời đô* không sử dụng hình thức mệnh lệnh.

+ Câu hỏi cuối cùng làm cho quyết định của nhà vua được người đọc, người nghe tiếp nhận, suy nghĩ và hành động một cách tự nguyện.

Ý nghĩa văn bản:

Ý nghĩa lịch sử của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long và nhận thức về vị thế, sự phát triển đất nước của Lí Công Uẩn.

2. Hịch tướng sĩ:

a. Tác giả: Trần quốc Tuấn (1231 ? – 1300), là con của An Sinh Vương Trần Liễu, tước Hưng Đạo Vương. Năm 1257, lần đầu tiên quân Mông cổ sang đánh nước ta, ông đã được cử cầm quân trấn giữ biên thùy phía Bắc. Hai lần sau, năm 1285 và 1287, quân Mông nguyên lại đem quân sang XL nước ta, ông lại được Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả 2 lần đều thắng lợi vẻ vang. Trần Quốc Tuấn yêu người hiền, trọng kẻ sĩ, môn khách của ông có những người nổi tiếng như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu... Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn

Kiếp (Nay là xã Hưng Đạo - Chí Linh – Hải Dương) rồi mất ở đó. Nhân dân tôn thờ ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231?-1300) là một danh tướng đời Trần có công lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Hịch là thể văn chính luận trung đại, có kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dùng để khích lệ tình cảm, tinh thần đấu tranh chống kẻ thù .

- “Hịch tướng sĩ” được Trần Quốc Tuấn viết để kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần hai (1285).

Hình thức :

- Lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác .
- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ ...) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức ; tập trung vào một hướng nhiều phương diện).
- Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc .

Ý nghĩa văn bản:

“Hịch tướng sĩ” nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.

b. Tác phẩm:

***Hịch tướng sĩ** là bài văn nghị luận bằng chữ Hán, được viết trước khi xảy ra cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 (1285). TQT viết bài hịch này để thức tỉnh lòng yêu nước và lòng căm thù giặc, đồng thời khích lệ tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, cố vũ tinh thần hăng say luyện tập quân sự, quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.

3. Nước Đại Việt ta:

a. Tác giả:

Nguyễn Trãi là bậc anh hùng dân tộc, một nhân vật toàn tài hiếm có nhưng lại phải chịu những oan khiên thảm khốc.

Nhà thơ, nhà văn kiệt xuất, danh nhân văn hoá thế giới, có những đóng góp lớn cho sự phát triển của văn hoá, văn học dân tộc.

- Nguyễn Trãi (1380 – 1442), hiệu Ức Trai, quê ở Chi Ngại (CL-HD), cha là Nguyễn Phi Khanh, mẹ là Trần Thị Thái – con Trần Nguyên Đán – 1 quý tộc đời Trần.

- Là người có công lớn trong cuộc kn Lam Sơn.

- Đất nước thái bình, ông hăng hái giúp vua thì xảy ra việc vua chết đột ngột ở Trại Vải (Lệ Chi Viên – Bắc Ninh). Bọn gian thần trong triều vu cho ông âm mưu

giết vua, khép vào tội chu di tam tộc năm 1442. Nỗi oan tày trời ấy, hơn 20 năm sau, năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải toả, cho sưu tầm lại thơ văn ông và tìm người con trai sống sót cho làm quan.

- Dâng *Bình Ngô sách* với chiến lược tâm công.
- Thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo công văn giấy tờ, thư từ giao thiệp với quân Minh; cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc quân mưu.
- Kháng chiến thắng lợi, thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô sách*.
- Là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, danh nhân văn hoá thế giới.

b. Tác phẩm:

- Văn chính luận có vị trí quan trọng trong sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Trãi.
- Năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. *Bình Ngô đại cáo* đã được Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428)

Cáo : Thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục 4 phần, đoạn trích thuộc phần đầu của bài *Bình Ngô đại cáo*.

"*Nước Đại Việt ta*" là một đoạn trích tiêu biểu trong áng thiên cổ hùng văn *Bình Ngô đại cáo* có nội dung tư tưởng sâu sắc.

Hình thức :

Đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật hùng biện của văn học trung đại:

- Viết theo thể văn biên ngẫu.
- Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, lời văn trang trọng, tự hào.

Ý nghĩa văn bản:

Nước Đại Việt ta thể hiện qua niềm tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ quốc , và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập.

Bình Ngô đại cáo: Do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo đầu năm 1428, công bố cuộc kháng chiến chính nghĩa của quân LS chống giặc Minh đã kết thúc thắng lợi, mở ra 1 kỉ nguyên thanh bình độc lập của đất nước.

- *Nước Đại Việt ta*: Là đoạn văn trích phần mở đầu bài cáo.
- Đoạn văn trích có ý nghĩa nêu tiêu đề chính nghĩa cho toàn bài. Nguyễn Trãi đã khẳng định 2 chân lí làm nền tảng để phát triển nội dung bài cáo: Tư tưởng nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền củ dt Đại Việt.
- Với cách lập luận chặt chẽ và hùng hồn, đoạn trích có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là 1 nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ

riêng, có phong tục riêng, có chủ quyền riêng, có truyền thống lịch sử; kẻ XL là phản nhân nghĩa, nhất định thắng lợi.

4. Bàn luận về phép học:

a. Tác giả:

- Nguyễn Thiếp (1723 – 1804) – Hà Tĩnh. Tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ – La Sơn Phu Tử.

- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê, sau từ quan về dạy học.

- *La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp* (1723 – 1804) quê ở Hà Tĩnh, là người học rộng, hiểu sâu, đỗ đạt dưới triều Lê và được người đời kính trọng.

- Đoạn trích là một phần bản tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung khi ông vào Phú Xuân hội kiến với nhà vua.

- Giống với các thể loại khác (khải, sớ ...) tấu là thể loại văn thư của bề tôi được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc biền ngẫu, trình lên vua chúa kiến nghị, đề nghị của mình.

b. Tác phẩm:

- Trích trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung 8-1791.

- Tấu là 1 loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

- Với cách lập luận chặt chẽ, bài “Bàn luận về phép học” giúp ta hiểu được mục đích của việc học để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải cầu danh lợi. Muốn học tốt, phải có phương pháp học đúng đắn, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, học phải đi đôi với hành.

Nghệ thuật:

- Lập luận: đối lập hai quan niệm về việc học, lập luận của Nguyễn Thiếp bao hàm sự lựa chọn. Quan niệm, thái độ phê phán ấy cho thấy trí tuệ, bản lĩnh, nhận thức tiến bộ của người trí thức chân chính. Quan niệm ấy vẫn còn có ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay.

- Có luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, lời văn khúc chiết, thể hiện tấm lòng của người trí thức chân chính đối với đất nước.

Ý nghĩa văn bản:

Bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sáng rõ, Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiến bộ của ông về sự học.

II. Văn học nước ngoài:

1. Đi bộ ngao du:

a. Tác giả:

Ru – xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiến bộ nước Pháp ở thế kỷ XVIII.

- Giảng Giắc Ru-xô (1712 – 1778) là nhà văn, nhà tư tưởng lớn của nước Pháp TK 18.

b. Tác phẩm:

Văn bản trích trong tác phẩm “Ê-min hay về giáo dục” và nêu quan điểm muốn ngao du học hỏi, cần phải đi bộ.

- Tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục (1762), Ru-xô bàn về chuyện giáo dục một em bé từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành qua câu chuyện về chú bé Ê-min.

- Để chứng minh muốn ngao du cần phải đi bộ, tg dùng những lí lẽ và thực tiễn c/s mà bản thân đã trải qua để tạo nên lập luận chặt chẽ, sinh động, có sức thuyết phục. Qua bài văn, có thể thấy rõ tác giả là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu mến thiên nhiên.

Nghệ thuật:

- Đưa dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn cuộc sống .
- Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục : một thầy và một học.
- Sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, “ ta” hợp lí, gắn kết được nội dung mang tính khái quát và kiến thức mang tính chất trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của bản thân người viết, làm cho lập luận thêm thuyết phục.

Ý nghĩa văn bản:

Từ những điều mà “đi bộ ngao du” đem lại như tri thức, sức khỏe, cảm giác thoải mái, nhà văn thể hiện tinh thần tự do dân chủ - tư tưởng tiến bộ của thời đại.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 27. Tiết 108: Tiếng Việt
HỘI THOẠI
(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- 2. Năng lực:** HS có kỹ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp. Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- 3. Phẩm chất:** HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **Hội thoại**

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi
? Vai xã hội được xác định bởi những quan hệ nào? Để giao tiếp tốt chúng ta phải lưu ý điều gì?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:
 - Quan hệ trên- dưới, ngang hàng.
 - + Thứ bậc trong gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Trong cuộc thoại trên mỗi nhân vật nói: , Các lượt lời của bà cô: 1. Hồng! Mày có muốn vào ...không? 2. Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm...đâu!. 3. Mày dại quá... em bé chứ. 4. Vậy mày hỏi cô Thông – tên người. 5. Mấy lại rằm tháng tám này... b, Lượt lời của Hồng: 1. Không ! Cháu không muốn vào. 2. Sao cô biết mợ con có con. 2. - Trong cuộc thoại ai cũng được nói. 3. - Mỗi lần có một người tham gia lượt lời hội thoại nó được gọi là một lượt lời. 4.- Trong cuộc thoại, lẽ ra Hồng được nói: Lần 1: sau lượt lời (1) của người cô. Lần 2: sau lượt lời (3) của bà cô. - Sự im lặng ấy thể thái độ bất bình của Hồng trước những lời nói thiếu thiện chí của bà cô. 5. - Hồng không cắt lời người cô vì Hồng ý thức được rằng Hồng là người thuộc vai dưới cho nên phải kìm chế để giữ thái độ lễ phép của người dưới đối với người trên. 6. Qua đó ta thấy: Khi tham gia hội thoại phải tôn trọng lượt lời của người đối thoại, cần tránh nói tranh lượt của người khác hoặc “cướp lời” khi người khác chưa kết thúc lượt lời của họ. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng G: Có những lúc do không tiện nói ra điều mình nghĩ ta có	- Sự im lặng biểu thị thái độ. - Không ngắt lời để giữ sự tôn trọng người đối thoại.
---	---

quyền biểu thị thái độ im lặng mà không cần tiếp lời.	3. Ghi nhớ: sgk. II. Luyện tập :
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân (bài 4). HĐ cặp đôi (bài 3), HĐ nhóm (bài 1,2).

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

HS đọc – h/s khác theo dõi.

a, Số lượt lời tham gia hội thoại:

- Người nói nhiều lượt nhất đó là cai lệ và chị Dậu.
- Người nhà Lí trưởng nói ít hơn.
- Anh Dậu nói với vợ sau khi cuộc xung đột giữa chị Dậu với cai lệ và người nhà Lí trưởng đã kết thúc.
- Cai lệ là kẻ duy nhất cắt lời người khác trong hội thoại.

b, Cách thể hiện vai xã hội:

- Chị Dậu từ chỗ nhún nhường (xưng cháu, gọi cai lệ là “ông “) đã vùng lên kháng cự (xưng tao, gọi cai lệ là mày, đe dọa cai lệ ...).
- Cai lệ lời nói hống hách.
- Người nhà Lí trưởng có phần giữ gìn hơn (gọi vợ chồng anh Dậu là anh, chị xưng tôi). => Tính cách mỗi nhân vật:
- Chị Dậu là người phụ nữ đảm đang, yêu thương chồng con, nhẫn nhịn nhưng khi cần vẫn vùng lên quyết liệt.

- Anh Dậu là người cam chịu, bạc nhược.
- Cai Lệ: là kẻ tiểu nhân không có chút tình người.
- Người nhà Lí trưởng: là tên tay sai, theo đám ăn tàn.

2. Bài tập 2:

- Thoạt đầu cái Tí nói rất nhiều, rất hồn nhiên, còn chị Dậu chỉ im lặng. Về sau, cái Tí nói ít hẳn đi, còn chị Dậu nói nhiều hơn.
- Việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong cuộc thoại như vậy rất phù hợp : Thoạt đầu, cái Tí rất vô tư vì nó chưa biết sắp bị bán đi, còn chị Dậu thì đau lòng vì buộc phải bán con nên chỉ im lặng.
- Về sau, cái Tí biết là bị bán nên sợ hãi và đau buồn, ít nói hẳn đi, còn chị Dậu phải nói để thuyết phục cả hai đứa con nghe lời mẹ.
- Cái Tí hồn nhiên kể lể với mẹ nó những việc nó đã làm, khuyên bảo thằng Dần để phần củ khoai to cho bố mẹ, hỏi thăm mẹ ... càng làm cho chị Dậu thêm đau lòng khi gạt nước mắt bảo đứa con ngoan hiền.

=> Tô đậm nổi bật hạnh đang giáng xuống đầu cái Tí

3. Bài tập 3:

Trong đoạn trích có hai lần nhân vật “tôi” im lặng

- Lần 1 : Im lặng vì ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ
- Lần 2 : Im lặng vì xúc động trước tâm hồn và lòng nhân hậu của cô em gái

4. Bài tập 4:

- Trong trường hợp phải giữ bí mật, thể hiện sự tôn trọng người đối thoại thì “im lặng là vàng”

- trong trường hợp cần phải phát biểu chứng kiến để ủng hộ cái đúng, phê phán cái sai thì im lặng... sẽ đồng nghĩa với hèn nhát

* Báo cáo kết quả:

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* Đánh giá kết quả:

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết một đoạn văn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn), sau đó chỉ rõ lượt lời của các nhân vật.

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- **Dự kiến sản phẩm:** bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Cho hai tình huống sau:

1. Một chiến sĩ cách mạng bị bắt. Giặc tra tấn dã man nhưng anh vẫn không nói nửa lời.

2. Một bạn học sinh nhìn thấy kẻ xấu lấy trộm xe đạp của bạn mình. Khi được hỏi, bạn học sinh ấy im lặng không nói nửa lời.

? Sự im lặng trong 2 tình huống trên thể hiện điều gì? Sự im lặng nào là đáng quý, đáng ca ngợi?

? Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức Hội Thoại.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: chấm bài.

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

*** Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

Tuần 28:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 27. Tiết 112: Tập làm văn

LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.
- Cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục ý thức về việc viết văn nghị luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Luyện tập:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
G chép đề bài. Yêu cầu đọc lại đề bài. HS đọc đề bài. ? Để viết được bài văn nghị luận hay, chặt chẽ, logic, chúng ta cần trải qua những bước nào? - Tìm hiểu đề và tìm ý. - Lập dàn ý. - Viết bài. - Sửa bài. ? Bài làm cần sáng tỏ vấn đề gì? Cho ai? Cần làm theo kiểu lập luận nào? - Thể loại: Nghị luận chứng minh. - Vấn đề: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, ... - Phạm vi dẫn chứng: thực tế. ? Để làm sáng tỏ vấn đề trên, cách sắp xếp các luận điểm theo trình tự dưới đây đã hợp lí chưa? Vì sao? - Các luận điểm đưa ra khá toàn diện, phong phú nhưng thiếu mạch lạc, sắp xếp các ý còn lộn xộn. ? Hãy sắp xếp lại hệ thống luận điểm trên cho hợp lí? - e -> d -> a -> c -> b. Cho h/s thảo luận nhóm . Ghi ra bảng phụ. ? Dựa vào phần tìm ý, hãy lập dàn bài cho đề bài trên a. Mở bài: Nêu lợi ích của việc đi tham quan. b. Thân bài: * Về thể chất: những chuyến tham quan, du lịch giúp chúng ta thêm khoẻ mạnh. * Về tình cảm: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta: - Tìm thêm được thật nhiều niềm vui mới cho bản thân. - Có thêm tình yêu đối với thiên nhiên, với quê hương đất	Đề bài: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh. I. Tìm hiểu đề và tìm ý: II. Lập dàn bài: a. Mở bài. b. Thân bài:

nước. * Về kiến thức: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta: - Hiểu sâu hơn, cụ thể hơn những điều được học trong trường lớp qua những điều mắt thấy, tai nghe. - Dem lại nhiều bài học còn chưa có trong sách vở của nhà trường. c. Kết bài: Khẳng định tác dụng của hoạt động tham quan (Tham quan du lịch quả thật là hoạt động bổ ích, mọi người cần tích cực tham gia). HS đọc dàn bài. Gọi h/s nhóm khác nhận xét, bổ sung. G đưa ra dàn bài mẫu trên bảng phụ. Gọi h/s đọc lại dàn bài mẫu. HS đọc.	c. Kết bài.
G chép đoạn văn (a) ra bảng phụ. Gọi h/s đọc. Hs đọc đoạn văn. ? Xác định các yếu tố biểu cảm trong đoạn văn? Cảm xúc ấy được biểu hiện ntn trong đoạn văn? ? Xác định luận điểm trong đoạn văn trên? Đoạn văn ấy nằm ở vị trí nào trong bài văn? ? Nếu phải viết đoạn văn cho luận điểm ấy, em cần bày tỏ tình cảm gì? ? Vậy đoạn văn trên đã biểu hiện đúng, đủ những tình cảm chưa? Có	III. Luyện tập: - Niềm vui sướng, hạnh phúc tràn ngập vì được đi bộ. - Cảm xúc ấy được biểu hiện ở giọng điệu, ở các từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán. VD: Biết bao hứng thú, thú vị, vui vẻ, ta hân hoan biết bao, ta thích thú biết bao, ta ngủ ngon giấc biết bao! - Luận điểm: Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui. Đoạn văn nằm ở phần thân bài của bài văn (luận điểm 2). - Cảm xúc trước khi đi, trong khi đi, sau khi về (hồi hộp, náo nức chờ đợi, ngạc nhiên, thích thú, cảm động, hài lòng, nuối tiếc...) nhưng cảm xúc phải chân thật. - Yếu tố biểu cảm đã được thể hiện khá rõ trong đoạn văn qua các từ ngữ và cách

cần thiết tăng cường yếu tố biểu cảm cho đoạn văn nữa không? ? Nếu đưa các từ ngữ biểu cảm: biết bao nhiêu, diệu kì thay, có ai...lại, làm sao có được...có được không? Nên đưa vào chỗ nào trong đoạn văn? G chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn. ? Có thể thay đổi một số câu văn để đoạn văn có thêm sức truyền cảm không? Viết lại đoạn văn cho hợp lí hơn? G chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn. HS viết đoạn văn. ? Gọi h/s đọc đoạn văn? (2-3h/s). HS khác nhận xét. (Đoạn văn có yếu tố biểu cảm chưa? Tình cảm biểu hiện chân thành hay khuôn sáo?). G: Tổng kết những ưu, nhược điểm đã đạt được hoặc để khắc phục sửa chữa.	xưng hô. VD: Chắc các bạn vẫn chưa quên, không ai trong chúng ta kìm nổi một tiếng reo, tôi để ý thấy, rạng rỡ dần lên , niềm sung sướng ấy -> Tuy nhiên vẫn có thể gia tăng yếu tố biểu cảm trong từng câu, từng đoạn thêm phong phú. - Để biểu đạt được tình cảm của mình ta có thể sử dụng các từ ngữ biểu cảm. Không chỉ tăng cường sức mạnh tâm hồn. Bạn còn nhớ cái lần cả lớp mình cùng đến thăm Vịnh Hạ Long không? Hôm ấy, có ai trong chúng ta lại kìm nổi một tiếng reo, khi sau một chặng đường dài,Nỗi buồn kia, diệu kì thay, đã tan đi hẳn như có một phép màu. Làm sao có được niềm sung sướng ấy khi chúng ta suốt năm chỉ quần quanh trong căn nhà, nơi góc phố hay trên con đường mòn quen thuộc?
---	--

3. Dặn dò: ôn tập, làm bài tiếp theo

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 29:

Ngày soạn: 20

Ngày dạy:

Bài 28. Tiết 114: Tiếng Việt
LỰA CHON TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

I. MỤC TIÊU: hs tiếp tục nắm được

1. Kiến thức: Có một số hiểu biết sơ giản về trật tự từ trong câu, cụ thể: Khả năng thay đổi trật tự từ và hiệu quả diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.

2. Năng lực: HS có kĩ năng lựa chọn trật tự từ khi nói, viết. Năng lực lựa chọn trật tự từ đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức lựa chọn trật tự từ khi nói, viết phù hợp với yêu cầu phản ánh thực tế và diễn tả tư tưởng, tình cảm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kĩ thuật dạy học thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài.

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	-Nêu và giải quyết vấn đề.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 3: Luyện	- Dạy học nêu vấn đề và giải	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

tập	quyết vấn đề.	- Kỹ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động

Tiến trình hoạt động

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về ***Lựa chọn trật tự từ trong câu***

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

* ***Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Gv: nêu câu hỏi
? Nếu lập luận nêu lợi ích của việc đi bộ thì em sẽ chọn trình bày các dẫn chứng nào trc, dc nào sau? Vì sao em chọn cách đó?

- Hs: tiếp nhận

* ***Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs
- Dự kiến sản phẩm:
+ Đi bộ có rất nhiều lợi ích
+ Đi bộ giúp ta thư giãn, thích đi thì đi, thích dừng thì dừng
+ Đi bộ giúp ta có thời gian quan sát những thứ xung quanh nhiều hơn. Ta nhìn sang trái, ta nhìn sang phải, ta nhìn lên cao
-> Đó là trình tự của hành động
- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
+ Nghe câu hỏi và trả lời cá nhân.
- GV dẫn dắt vào bài: Vậy vc sắp xếp ttt như vậy có đúng không -> chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay...

* ***Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

* ***Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Vậy vc sắp xếp ttt như vậy có đúng không ->chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay...

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC 1. Mục tiêu: Hs hiểu trật tự từ có nhiều cách sắp xếp, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo cách nào để ý nghĩa cơ bản không thay đổi? 2. Vì sao tác giả lựa chọn trật tự từ như trong đoạn? 3. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét? - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Có thể thay đổi: 2. Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ. 3. Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu..... 4. Thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ..... 5. Bằng giọng khàn khàn của người hút ...cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét.....	I. Nhận xét chung. 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: - Trật tự từ là cách sắp xếp từ ngữ trong

6. Bằng giọng khàn khàn củaxái cũ, gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét. 7. Gõ đầu roi xuống đất, bằng giọngxái cũ, cai lệ thét. 2. - Việc lặp lại từ “roi” ở ngay đầu câu có tác dụng liên kết câu ấy với câu trước. - Từ “ thét” tạo sự liên kết với câu sau. - Việc mở đầu bằng cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” nhấn mạnh vị thế xã hội và thái độ hung hãn của cai lệ. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 1. Mục tiêu: Hs một số tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện điều gì? 2. So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các VD trên? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1.Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện: VDa: Thể hiện thứ tự trước sau của hoạt động. VDb: “Cai lệ và người nhà Lí trưởng”: thể hiện thứ bậc cao	một câu. - Có nhiều cách sắp xếp trật tự từ trong một câu. - Mỗi cách có hiệu quả diễn đạt riêng. 3. Ghi nhớ: sgk II. Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: - Thể hiện thứ tự trước sau của hoạt động. - Thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật. - Phản ánh thứ tự xuất hiện của các nhân vật.
--	--

thấp của các nhân vật. (Cai lệ có địa vị xã hội cao hơn người nhà Lí trưởng). - Phản ánh thứ tự xuất hiện của các nhân vật: cai lệ đi trước, người nhà Lí trưởng theo sau. * “Roi song, thước và dây thừng tương ứng với trật tự của cụm từ đứng trước: cai lệ mang roi song, người nhà lí trưởng mang tay thước và dây thừng. 2. - Thể hiện thứ tự của sự việc, hành động. - Thể hiện vị thế xã hội của nhân vật. - Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Tạo liên kết câu. - Tạo nhịp điệu cho câu. * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	- Liên kết với những câu khác trong đoạn văn. - Đảm bảo sự hài hoà về mặt ngữ âm. 3. Ghi nhớ: sgk
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(23 phút)

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

2. Phương thức thực hiện: HĐ nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập sgk
- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

a, Kể tên các vị anh hùng dân tộc theo thứ tự xuất hiện của các vị ấy trong lịch sử.

b, Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi! Cụm từ “đẹp vô cùng” đặt trước hô ngữ “ Tổ quốc ta ơi!” để nhấn mạnh vẻ đẹp của đất nước mới được giải phóng.

- Hò ô: đưa lên trước để bắt vần lưng với “sông Lô”: tạo cảm giác kéo dài, thể hiện sự mệnh mang của sông nước; đồng thời đảm bảo cho câu thơ bắt vần với câu trước (ngạt, hát)

-> Tạo ra sự hài hoà về ngữ âm cho khổ thơ.

c. Lặp cụm từ “mặt thám” và “đội con gái” tạo sự liên kết với câu đứng trước.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: (2 phút)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài viết của học sinh

4. **Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. **Tiến trình hoạt động**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** + Viết đv 4- 6 câu sd ttt (đề tài tự chọn)

+ Giải thích cách sắp xếp ttt

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- *Dự kiến sản phẩm:* Đi bộ có lợi ích thật là to lớn đối với sức khỏe.

Đi bộ giúp thư giãn cơ thể, lưu thông khí huyết, ăn ngon, ngủ ngon, giảm một số bệnh tật ...

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh
4. **Phương án kiểm tra đánh giá**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Cho hai tình huống sau:
Hãy sưu tầm 4 cách sắp xếp ttt trong vb văn hoặc thơ mà em biết
- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* **Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 29:

Ngày soạn: 20

Ngày dạy:

Bài 28- Tiết 115. Tập làm văn.

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU: giúp Hs

1.Kiến thức: - Nhận rõ những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình về nội dung, về hình thức trình bày, qua đó củng cố thêm một bước về thể loại văn thuyết minh.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng hình thành dần ý bài văn thuyết minh, sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong bài văn thuyết minh.

3. Thái độ: Ý thức làm bài một cách nghiêm túc.

4. Năng lực: Phát triển các năng lực như:

+ Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

+ Năng lực chuyên biệt: Khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Lập kế hoạch dạy học, chấm bài

2. Chuẩn bị của học sinh: Nghiên cứu bài học, chuẩn bị theo sự phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Trả bài:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề, xây dựng đáp án <i>? Gọi h/s đọc lại đề bài?</i> <i>? Yêu cầu h/s xác định y/c của đề bài?</i> Yêu cầu: Xác định đúng thể loại: Nghị luận. - Xác định đúng đối tượng nghị luận: quann điểm về mối quan hệ giữa học và hành. - Diễn đạt trong sáng, sinh động. - Câu văn đúng chính tả, đúng ngữ pháp, viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp. - HS lập dàn ý, nhận xét, bổ sung và tự chữa bài	I. Đáp án Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”. Biểu điểm chấm I. Mở bài: 1đ - "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này. - Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo. - Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên. II. Thân bài: 7đ 1. Giải Thích: (2đ) - Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước

những cái hay, cái đẹp của người khác.

- Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học.

=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.

2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)

- Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm.

- Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực.

- Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc.

- Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập".

- Học, hỏi, hiểu, hành là phương châm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó.

3. Tác dụng(2 đ)

- Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào

H lắng nghe -> Tự rút ra kinh nghiệm trong bài viết của mình.	cuộc sống.) - Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn. - Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học. - Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết. III. Kết bài: 1đ - Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiếp đã chỉ cho ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào. - Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên. II. Nhận xét 1, Ưu điểm: Nhiều bài viết đã thể hiện rõ đặc điểm của bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng, đầy đủ. - Biết kết hợp sử dụng dẫn chứng, lí lẽ - Bài văn diễn đạt trong sáng, mạch lạc, rõ ràng + VD: - Giang, Huy - Đào 2, Nhược điểm: + Chưa được cách làm bài văn giải thích nhưng nội dung giải thích chưa rõ ràng, cụ thể từng vấn đề. + Dẫn chứng đơn điệu, chưa đủ làm sáng tỏ luận điểm. + Dùng từ ngữ tùy tiện, thiếu chính xác, câu văn tối nghĩa. III. Trả bài: GV trả bài cho HS xem lại IV. Bổ sung và sửa chữa lỗi của bài viết - GV treo bảng phụ ghi lỗi (bài của: - Y/c HS đọc và sửa lỗi * GV cho HS trao đổi hướng sửa chữa các lỗi
---	---

	- Về nội dung: ý và sắp xếp các ý. - Về hình thức: Bố cục, trình bày, diễn đạt, chính tả, ngữ pháp, ... * GV bổ sung, kết luận về hướng và cách sửa lỗi. V. Đọc bài văn hay: - Đọc bài viết tốt của HS : + VD: - Thành - Hằng VI. Gọi điểm vào sổ
--	---

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

22

Tuần 29:

Ngày soạn: 20

Ngày dạy:

Bài 28. Tiết 116. Tập làm văn

TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hs hiểu được tự sự và miêu tả là hai yếu tố cần thiết trong bài nghị luận. Vì chúng có khả năng giúp người nghe, người đọc nhận thức được nội dung nghị luận một cách rõ ràng.
- Nắm được yêu cầu cần thiết của việc đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài NL.

2. Năng lực: HS có kỹ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm văn nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục ý thức viết bài văn nghị luận có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút)

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về *Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận*

luận

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Chỉ ra yếu tố tự sự, miêu tả trong câu sau để nêu thực trạng của vc ăn mặc không lành mạnh của 1 số bạn hs:

Gần đây có bạn trút bỏ chiếc áo sơ mi trắng tinh, mà thay vào đó là chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ đang ăn khách để diện đến trường.

- Dự kiến TL:

yếu tố tự sự: *Gần đây có bạnđể diện đến trường*

yếu tố miêu tả: *chiếc áo sơ mi trắng tinh, chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ*

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

- Dự kiến sản phẩm:

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Vậy khi viết bv nghị luận yt ts và mt đc sd ntn ->chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC 1. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được: Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Hai luận cứ này có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả, hãy chỉ ra hai yếu tố đó ? 2. Vì sao đoạn trích a, b sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả nhưng không phải là văn bản tự sự hay miêu tả ? 3. Nx vai trò của các yếu tố ts, mt - <i>Hs:</i> tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - <i>Dự kiến sản phẩm:</i> 1. Đoạn a: sử dụng yếu tố tự sự kể về thủ đoạn bắt lính của chính quyền thực dân. Đoạn b: sử dụng yếu tố miêu tả, tả lại cảnh khổ sở của người dân bị bắt lính. 2. Các yếu tố TS và miêu tả trong 2 đoạn văn trên nhằm làm sáng tỏ vấn đề: tố cáo tội ác của TD Pháp, không nhằm mục đích miêu tả hay kể đơn thuần	I. Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.: 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

3. Vai trò: làm cho đv hấp dẫn, sinh động * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Tìm những yếu tố t.sự, m.tả trong VB trên và cho biết tác dụng của chúng ? 2. Vì sao tác giả VB trên đã không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ 2 truyện Chàng Trăng và Nàng Han, mà chỉ tả cụ thể một số h/ả và kể kĩ một số chi tiết trng những câu chuyện ấy ? 3. Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết: khi đưa các yếu tố t.sự và m.tả vào bài văn nghị luận, cần chú ý những gì ? - Hs: tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Dự kiến sản phẩm: 1. Những yếu tố tự sự và miêu tả: +... rồi cuối cùng biến vào mặt trăng để đêm đêm soi xuống dòng thác Pông gơ nhi những vầng sáng bạc. +Quân nàng liên kết với người kinh, theo cờ lệnh bằng chẵn dật chỉ ngũ sắc... 2. Tác dụng của chúng là làm rõ luận cứ nói trên: "Riêng Chàng Trăng của DT Mơ nông và Nàng Han của DT Thái là hai truyện có nhiều nét rất giống với truyện Thánh Gióng ở miền xuôi". - Tác giả không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ hai truyện Chàng Trăng và Nàng Han, vì đây không phải là VB t.sự, mà chỉ chọn những chi tiết và h/ả cần thiết để kể và tả. Những yếu tố t.sự và m.tả nhằm làm rõ luận cứ đã nêu trong bài văn nghị luận.	- Tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ rõ ràng, cụ thể sinh động hơn, có sức thuyết hơn.
---	--

3. Các yếu tố tự sự và mt phục vụ cho luận điểm chứ không làm phá vỡ mạch nghị luận * Báo cáo kết quả: Hs trả lời * Đánh giá kết quả: - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	- Không nên đưa tràn lan sẽ phá vỡ tính mạch lạc của bài văn. 3. Ghi nhớ: sgk/ 116. II. Luyện tập:
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG: (23 phút)

- Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.
- Phương thức thực hiện:** HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2).
- Sản phẩm hoạt động:** Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm
- Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

5. Tiến hành hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Bài tập 1,2
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs
- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

Tác dụng:

- Không phải là đoạn văn tả cảnh đêm trăng và tâm trạng người tù trong đêm trăng ấy mà mục đích là khắc họa cụ thể hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Vọng nguyệt” và tâm trạng người tù thể hiện trong bài thơ.

Yếu tố tự sự - Sắp trung thu. - Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ Mười mấy....đáng ghét của bộ mặt nhà giam. - Phải ra đi với đêm trăng, phải tắm mình	Yếu tố miêu tả - Trời xứ Bắc hắt trong, trăng hắt tròn và sáng. - Bỗng đêm nay trăng sáng quá chừng. - Trong suốt..người tù phải thốt lên .. - Nó ăm ắp tình tứ, nó
---	--

trong nguyệt, phải vui, phải làm thơ...	rạo rức....
--	-------------

2. Bài tập 2:

- + Bất cần thiết sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự
- Khi phân tích vẻ đẹp trong bài ca dao cần yếu tố miêu tả.
- Nêu vài kỉ niệm về ngắm cảnh đầm sen, chèo thuyền hái sen giữa trời* Báo cáo kết quả:

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO: (1 phút)

1. **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học
2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, về nhà
3. **Sản phẩm hoạt động:** Bài sưu tầm của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động :

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Hãy sưu tầm 1 đoạn văn nghị luận ngắn khoảng 5 - 7 dòng có sd yt ts và mt có chủ đề khác với chủ đề trong bài học hnay

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm bài
- Giáo viên: chấm bài.
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của học sinh

* **Báo cáo kết quả:** Hs nộp bài

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

Tuần 30:

Ngày soạn: 27

Ngày dạy:

Bài 29 - Tiết 119. Tiếng Việt
LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU
(Luyện tập)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Vận dụng những kiến thức về trật tự từ trong câu để phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ một câu trích từ các tác phẩm VH, chủ yếu là những tác phẩm đã học.
- Viết được một đoạn văn ngắn thể hiện khả năng sắp xếp trật tự từ hợp lí.

2. Năng lực: HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực lựa chọn TTT để sử dụng trong câu đạt hiệu quả cao.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGK...

2. Học sinh:

- Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy	

động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về về nội dung bài học - Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học. - Hợp tác khi làm việc. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi 3. Sản phẩm hoạt động: - Học sinh trả lời miệng 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - HS đánh giá - GV đánh giá học sinh. 5. Tiến trình hoạt động: * GV chuyển giao nhiệm vụ: Cho VD sau: - VD1: <i>Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên</i> <i>Còn những bí và bầu thì lớn xuống</i> (Trích Mẹ và quả - Xuân Quỳnh) H: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ Lớn lên/ lớn xuống trong 2 câu thơ của Xuân Quỳnh? Có thể thay đổi trật tự của chúng được ko? Vì sao? * Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - HS tham gia trả lời câu hỏi. * Quan sát: GV quan sát, điều khiển HS thảo luận. * Dự kiến sản phẩm: <i>2 chữ lớn lên/ lớn xuống đều được dùng để miêu tả sự phát triển, thay đổi theo thời gian của lũ chúng tôi và bầu/ bí dưới bàn tay chăm sóc của mẹ</i>	
--	--

- *Ko thể thay thế đc vì : lớn lên: cho thấy sự phát triển đi lên của con người theo thời gian: Ngày càng cao hơn so với mặt đất*
Lớn xuống: Cho thấy sự phát triển đi lên theo thời gian của bầu và bí: ngày càng gần hơn so với mặt đất(loại cây leo giàn)

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Gv nhận xét , đánh giá
 - Gv gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.
- ? Vậy 2 câu thơ Xuân Quỳnh hay là nhờ yếu tố nào? Để tạo nên đc yếu tố ấy, chúng ta cần làm gì?
- HS trả lời
 - Gv: Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.
 - GV nêu mục tiêu bài học:
 - Tác dụng diễn đạt của một số sắp xếp trật tự từ.
 - Phân tích được hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong văn bản.
 - Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35p)

Hoạt động 1: CÁC BÀI TẬP SÁCH GIÁO KHOA

1. Mục tiêu: HS

- Vận dụng những kiến thức đã học, làm đc các bài tập trong sgk
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở ghi 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Học sinh tự đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: - Gv chia lớp : 4 nhóm - Quy định vị trí ngồi của từng nhóm - Mỗi nhóm sử dụng một loại màu mực - Các nhóm bầu nhóm trưởng và thư ký. * Chuyển giao nhiệm vụ: * Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Làm bài tập 1-2 sgk/ 122/123 Nhóm 2: làm bài tập 3 sgk trang 123 Nhóm 3: làm bài tập 4- 5 sgk/123-124 Nhóm 4: làm bài tập 6 sgk /124 * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: + Thực hiện hoạt động cá nhân, hoàn thành ra vở nháp + Nhóm trưởng điều hành thảo luận nhóm + Thư ký ghi ý kiến thống nhất thành sản phẩm nhóm. - Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Dự kiến SP: các nhóm Nhóm 1: BT1: a. Thể hiện thứ tự của các công việc cần phải làm để cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân. b. Thể hiện thứ tự các việc từ chính đến phụ (Việc làm thường xuyên, hàng ngày kể trước, việc thỉnh thoảng mới làm thì kể sau).	1. Bài tập 1: a. Thể hiện thứ tự của các công việc cần phải làm để cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân. b. Thể hiện thứ tự các việc từ chính đến phụ (Việc làm thường xuyên, hàng ngày kể trước, việc thỉnh thoảng mới làm thì kể sau). 2. Bài tập 2: a. Ở tù b. Vốn từ vựng ấy c. Còn 1 can trâu và 1 thúng gạo. d. Trong 10 năm ấy Trong sự thắng lợi ấy -> Tất cả các từ và cụm từ trên đều được đưa lên đầu câu, lặp lại ý của câu trước nhằm để liên kết câu.
---	--

2. Bài tập 2: a. Ở tù b. Vốn từ vựng ấy c. Còn 1 can trâu và 1 thúng gạo. d. Trong 10 năm ấy Trong sự thắng lợi ấy -> Tất cả các từ và cụm từ trên đều được đưa lên đầu câu, lặp lại ý của câu trước nhằm liên kết câu Nhóm 2: Bài tập 3: a. - <i>Lom khom dưới núi tiều vài chú</i> <i>Lác đác bên sông chợ mấy nhà.</i> -> Nhấn mạnh sự ít ỏi, thưa thớt của sự sống nơi Đèo Ngang. - <i>Nhớ nước đau lòng con quốc quốc</i> <i>Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.</i> -> Nhấn mạnh nỗi nhớ nước, thương nhà, nỗi buồn man mác của tác giả. b. <i>Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều.</i> -> Nhấn mạnh hình ảnh đẹp của anh giải phóng quân. Nhóm 3: Bài tập 4: a. <i>Tôi thấy một anh bộ ngựa trịnh trọng tiến vào</i> -> Câu miêu tả bình thường. b. <i>Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh bộ ngựa</i> -> Cụm chủ-vị ở phần vị ngữ bị đảo trật tự từ-> Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lối của nhân vật > Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lối của nhân	3. Bài tập 3: a. - <i>Lom khom dưới núi tiều vài chú</i> <i>Lác đác bên sông chợ mấy nhà.</i> -> Nhấn mạnh sự ít ỏi, thưa thớt của sự sống nơi Đèo Ngang. - <i>Nhớ nước đau lòng con quốc quốc</i> <i>Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.</i> -> Nhấn mạnh nỗi nhớ nước, thương nhà, nỗi buồn man mác của tác giả. b. <i>Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều.</i> -> Nhấn mạnh hình ảnh đẹp của anh giải phóng quân trong cảnh chiều của rừng núi Tây Bắc. 4. Bài tập 4: a. <i>Tôi thấy một anh bộ ngựa trịnh trọng tiến vào</i> -> Câu miêu tả bình thường. b. <i>Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh bộ ngựa</i> -> Cụm chủ-vị ở phần vị ngữ bị đảo trật tự từ-> Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lối của nhân vật. => Căn cứ vào văn cảnh, chọn câu b. là phù hợp. 5. Bài tập 5: - Cách sắp xếp của tác giả: + Xanh: màu sắc, đặc điểm bề ngoài (dễ nhận thấy) + Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm: Là những phẩm
---	--

vật. => Căn cứ vào văn cảnh, chọn câu b. là phù hợp. . Bài tập 5: - Cách sắp xếp của tác giả: + Xanh: màu sắc, đặc điểm bề ngoài (dễ nhận thấy) + Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm: Là những phẩm chất bên trong (phải qua thời gian tìm hiểu thì mới nắm bắt được). => Sắp xếp như tác giả là hợp lí vì: Vừa đúc kết những phẩm chất đáng quý của tre theo trình tự nhận thức của con người, vừa tạo sự hài hoà về mặt ngữ âm. Nhóm 4: Bài tập 6: - Gọi HS đọc đoạn văn trước lớp. - Trình bày câu văn đã được sắp xếp trật tự từ và giải thích dụng ý * Báo cáo kết quả: - Đại diện các nhóm treo sản phẩm, trình bày * Đánh giá kết quả: - Đại các nhóm nhận xét - GV đưa câu hỏi bổ sung - GV nhận xét và chốt ghi bảng	chất bên trong (phải qua thời gian tìm hiểu thì mới nắm bắt được). => Sắp xếp như tác giả là hợp lí vì: Vừa đúc kết những phẩm chất đáng quý của tre theo trình tự nhận thức của con người, vừa tạo sự hài hoà về mặt ngữ âm. 6. Bài tập 6: Thật không thể tin được nếu ta có cơ hội được đi bộ ngao du mà lại không xem xét những tài nguyên mà ta giẫm chân lên, bỏ qua những gì mà trái đất đang phô bày trước mắt một cách phong phú. Một điều chắc chắn là những người có vốn tri thức được trau dồi qua những chuyến ngao du sẽ có cái nhìn gần gũi, sâu rộng hơn về vạn vật xung quanh, hiểu sâu rộng hơn, tường tận hơn về thiên nhiên bao la rộng lớn. Không những thế, đi bộ còn mang lại một lợi ích không kém phần quan trọng và qu giá cho những ai tham gia môn thể thao này đó chính là tăng cường sức khỏe, tính khí trở nên hoà đồng, vui vẻ hơn. Và đi bộ cũng rất tốt cho những ai có những căn bệnh như tim, mạch, cao huyết áp,... Ngoài ra, đối với phái đẹp, đi bộ còn làm cho dáng vẻ cân đối, thon thả,. Đặc biệt, đi bộ còn giúp ta có cảm giác khoan khoái, hài lòng với tất cả, không còn thấy buồn bã, cáu kỉnh. Sau mỗi lần đi bộ, ta ăn cảm thấy
---	---

ngon miệng hơn, ngủ ngon hơn và sâu giấc hơn. Bên cạnh đó, đi bộ không gây tốn kém lại rất dễ thực hiện, thế nên mọi lứa tuổi đều có thể dễ dàng tham gia môn thể thao này. Cũng chính vì vậy, mặc dù ngày nay có rất nhiều môn thể thao mới xuất hiện, hay và hấp dẫn nhưng đi bộ vẫn được mọi người lựa chọn và yêu thích nhất. Đi bộ với những lợi ích kể trên thì không ai trong chúng ta có thể phủ nhận đi bộ rất có lợi đối với đời sống sức khỏe , tinh thần của con người.

Hoạt động 2: CÁC BÀI TẬP NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA

1. Mục tiêu: HS

- Vận dụng những kiến thức đã học, làm được các bài tập ngoài sgk

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động:

- Hoàn thành vào vở ghi

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá

- Học sinh đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

BT1. Cho văn bản sau:

LỜI KÊU GOI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu quốc đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm Kháng chiến thắng lợi muôn năm Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946 Hồ Chí Minh H:- chỉ ra kết cấu chặt chẽ của văn bản trên? - Có thể thay đổi trật tự từ trong câu <i>Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc</i> đc hay ko? Vì sao?	BT1. - kết cấu 3 phần của VB : MB: nêu lí do kêu gọi toàn quốc kháng chiến TB: cách thức kháng chiến và quyết tâm của dân ta trong kháng chiến KB: Niềm tin kháng chiến nhất định thắng lợi
---	--

BT 2. Cho 2 câu thơ: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao Nhàn- Nguyễn Bình Khiêm H: Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ thu đông xuân hạ trong 2 câu thơ ? Hiệu quả của cách dùng ấy là gì? * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Thực hiện hoạt động cá nhân - Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Dự kiến SP: BT1. - kết cấu 3 phần của VB : MB: nêu lí do kêu gọi toàn quốc kháng chiến TB: cách thức kháng chiến và quyết tâm của dân t trong kháng chiến KB: Niềm tin kháng chiến nhất định thắng lợi - Ko thể thay đổi vì phá vỡ tính liên kết BT2: cách dùng các từ thu, đông, xuân , hạ: tạo ra 1 bức tranh về 4 mùa/ gợi sự vận động của thời gian khép kín trong năm/ mùa nào thức ấy, cho thấy cuộc sống đậm bạc mà thanh cao của NBK * Báo cáo kết quả: - Hs trình bày * Đánh giá kết quả: - HS khác nhận xét/ bổ sung - GV nhận xét và chốt ghi bảng	- Ko thể thay đổi vì phá vỡ tính liên kết BT2: cách dùng các từ thu, đông, xuân , hạ: tạo ra 1 bức tranh về 4 mùa/ gợi sự vận động của thời gian khép kín trong năm/ mùa nào thức ấy, cho thấy cuộc sống đậm bạc mà thanh cao của NBK
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5p)

1. Mục tiêu:

- Củng cố , khắc sâu Kt về nội dung bài học.

- Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích

- HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động:

- Hoàn thành vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết 1 đoạn văn ngắn về lợi ích của việc đọc sách. Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở 1 câu trong đv vừa viết

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS: Hoàn thành yêu cầu bt vào vở bài tập

- GV: quan sát HS làm bài và giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn

- Dự kiến sản phẩm:

Sách là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Từ xưa, cha ông ta đã lưu lại những hiểu biết phong phú về mọi mặt đời sống xã hội và muôn hình vạn trạng trạng thái vận động của tự nhiên. Và như vậy, sách cung cấp cho ta những tri thức về hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Nhờ đó, khi tiếp xúc với sách, con người có cơ hội tiếp xúc với toàn bộ kho tàng văn hoá của văn minh nhân loại. Đọc sách, ta biết về những gì đã xảy ra trong lịch sử loài người. Có xuất phát điểm từ loài vượn thông

Đọc sách là một việc làm cần thiết đối với mọi người, nhất là các bạn học sinh. **Sách đã và đang tồn tại ở rất nhiều hình thức khác nhau: ký tự khắc trên đá, trên thẻ tre, in trên giấy,... nhưng đều với mục đích chung là lưu giữ và phổ biến kiến thức của nhân loại.** Khi đọc những sách về chủ đề khoa học, lịch sử, địa lý,... chúng ta sẽ biết được thêm nhiều kiến thức mới mẻ về các lĩnh vực trong cuộc sống. Trong thực tế, không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu và nâng cao kiến thức, tình cảm tốt đẹp, giúp chúng ta hoàn thiện về mọi mặt. Sách giúp chúng ta rèn luyện khả năng tưởng tượng, liên tưởng và sáng tạo. Ngoài ra, việc đọc sách sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng ngôn ngữ của cả tiếng Việt lẫn tiếng

minh, con người dần gây dựng được những nền văn minh rực rỡ: văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ai Cập, văn minh Hi Lạp – La Mã, ... và từ đó trải qua bao hình thái kinh tế xã hội phức tạp mới có xã hội văn minh, hiện đại như ngày nay. Đọc sách, ta còn biết về những phát minh có ảnh hưởng quan trọng đến sự tiến bộ xã hội: đèn điện, máy bay, điện thoại, ... Đặc biệt, nhờ có sách mà ngày nay, ta ngồi trong nhà mà có thể biết về mọi nơi trên thế giới, giống với đi du lịch vậy! Đọc sách quả là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống. * Báo cáo kết quả: - HS trình bày * Đánh giá kết quả: - HS khác nhận xét - GV nhận xét và chốt ghi bảng/ đọc mẫu cho hs đv về lợi ích của việc đọc sách HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(1p) 1. Mục tiêu: - HS vận dụng KT đã học viết 1 đoạn văn về lòng yêu nước - Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Kiểm tra vào buổi học sau 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - Viết 1 đoạn văn ngắn bày tỏ quan điểm của em về lòng yêu nước ?	<i>nước ngoài. Nhờ những cuốn sách, chúng ta có thể viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp và nói năng lưu loát hơn. Hơn nữa, sách còn là người thầy hướng dẫn ta cách sống tốt, cách làm người đúng đắn. Thế nhưng, muốn đạt được những lợi ích đó, mỗi chúng ta phải là những người đọc sáng suốt, biết chọn lựa sách phù hợp với mình và phải biết tránh xa những cuốn sách có nội dung xấu xa, đồi trụy. Tóm lại, việc đọc những cuốn sách hay luôn đem đến cho con người những điều bổ ích và cần thiết trong cuộc sống</i>
--	--

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà hoàn thành.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Đảm bảo đúng hình thức đoạn văn..

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Kiểm tra vào tiết học sau.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG,
SÁNG TẠO:(1p)**

1. Mục tiêu:

- HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức
- HS có ý thức tự giác tìm tòi mở rộng kiến thức

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động:

- Hoàn thành vào vở ghi chép

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Kiểm tra vào thời gian học buổi chiều.

5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- sưu tầm những đoạn văn , câu thơ hay và rút ra bài học về lựa chọn trật tự từ trong câu

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS về sưu tầm viết vào vở ghi chép thêm của môn Ngữ văn.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- hs tìm đc 1 số đv, câu thơ hay về trật tự từ trong câu

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Kiểm tra vào buổi học sau.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

Tuần 30:

Ngày soạn: 27

Ngày dạy:

Bài 29 - Tiết 120. Tập làm văn
LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO
BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Củng cố và nắm chắc hơn những hiểu biết về yếu tố tự sự, miêu tả trong văn nghị luận mà các em đã học trong tiết TLV trước.
- Vận dụng các hiểu biết đó để đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc.

2. Năng lực: HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGV...

2. Học sinh:

- Soạn bài

III/ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: (3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy	

động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về nội dung bài học

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.

- Hợp tác khi làm việc.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cặp đôi

3. Sản phẩm hoạt động:

- Học sinh trả lời miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá

- GV đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối,
ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm
tức chưa xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu
quân thù; dẫu cho trăm thân này phơi ngoài
nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta
cũng cam lòng (trích HTS- TQT)*

Đoạn văn gây xúc động cho em về điều gì? Vì sao em lại có sự xúc động ấy?

*** Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tham gia trả lời câu hỏi.

*** Quan sát: GV quan sát, điều khiển HS thảo luận.**

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Đoạn văn gây xúc động mạnh mẽ vì đã dựng lên hình ảnh của 1 chủ tướng có lòng căm thù giặc sâu sắc, có tinh thần yêu nước nồng nàn và đầy trách nhiệm đối với đất nước

- Có sự xúc động ấy là do các yếu tố miêu tả,

biểu cảm đc sử dụng trong đv - * Đánh giá sản phẩm: - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Gv nhận xét , đánh giá - Gv gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học. Vậy, để 1 bài văn có sức thuyết phục lớn đối với người đọc, cần phải có những yếu tố nào? - HS trả lời - Gv: Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay. - GV nêu mục tiêu bài học: - Hệ thống kiến thức đã học về văn nghị luận. - Tầm quan trọng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn nghị luận. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35p) Hoạt động 1: Luyện tập trên lớp 1. Mục tiêu: HS - vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở ghi 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Học sinh tự đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: *Đề bài: <i>Một số bạn đang đua đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa</i>	I, Chuẩn bị ở nhà: Đề bài: Trang phục và văn hoá II, Luyện tập trên lớp
--	--

<i>tuổi học sinh, truyền thống văn hoá của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài văn nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.</i> H: Xác định yêu cầu đề bài của đề bài trên(kiểu bài? / Nội dung nghị luận? ? Phạm vi dẫn chứng) H: lập dàn ý cho đề bài trên(có những luận điểm/ Luận cứ/ luận chứng nào? Sắp xếp ra sao?) H: Theo em, có nên đưa các yếu tố TS và MT trong đv sgk/ 125-126 vào quá trình triển khai LD không? Vì sao? * Gọi HS đọc ví dụ a và b. trong SGK.(Mỗi đoạn văn trình bày 1 LD). H: Hãy chỉ ra các yếu tố TS và MT trong từng đoạn văn? H: Từ việc tìm hiểu ví dụ, em thấy nếu lược bỏ các yếu tố TS và MT thì các đoạn văn trên sẽ trở nên ntn?Tác dụng của yếu tố MT và TS là gì - Thời gian làm việc : 10 phút - Kết quả làm việc cá nhân ghi ra vở bằng bút xanh(nếu cần bổ sung kiến thức thì ghi bằng bút đỏ) * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Thực hiện hoạt động cá nhân - Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Dự kiến SP - Kiểu bài : Nghị luận (Giải thích kết hợp chứng minh) - Vấn đề nghị luận: Trang phục của học sinh và việc chạy đua theo một không phải là học	1. Định hướng làm bài: - Kiểu bài : Nghị luận (Giải thích kết hợp chứng minh) - Vấn đề nghị luận: Trang phục của học sinh và việc chạy đua theo một không phải là học sinh có văn hoá - PHạm vi dẫn chứng: Trong đời sống xã hội 2, Xác lập luận điểm a, Gần đây, cách ăn mặc của một số.....lành mạnh như trước nữa. b, Việc chạy theo các một ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian.....tốn kém cho cha mẹ) c, Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, lứa tuổi và hoàn cảnh sống. → Chọn luận điểm phải phù hợp với vấn đề nghị luận. 3.Sắp xếp các luận điểm 1-a. Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị, lành mạnh như trước nữa. 2-c. Các bạn lầm tưởng rằng, cách
---	--

sinh có văn hoá - Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống xã hội - dàn ý: a, Gần đây, cách ăn mặc của một số.....lành mạnh như trước nữa. b, Việc chạy theo các mốt ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian.....tốn kém cho cha mẹ) c, Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, lứa tuổi và hoàn cảnh sống. -> Có. Vì 2 yếu tố này giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể và sinh động hơn. Do đó, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn. - Việc đưa yếu tố TS và MT vào đoạn văn và bài văn NL là rất cần thiết. Nhưng khi đưa vào, chúng ta phải chú ý đưa 1 cách có chọn lọc, phù hợp với nội dung LĐ thì mới có hiệu quả. * Báo cáo kết quả: - Hs trình bày * Đánh giá kết quả: - HS khác nhận xét/ bổ sung - GV nhận xét và chốt ghi bảng Hoạt động 2: Viết đoạn văn nghị luận có sd miêu tả, biểu cảm 1. Mục tiêu: HS - vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở ghi	ăn mặc như thế sẽ làm cho mình trở nên văn minh, lịch sự, sành điệu. 3-b. Việc chạy theo các mốt ăn như thế làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập và gây tốn kém cho cha mẹ. 4-e. Việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại nhưng cũng cần phải phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc, với lứa tuổi, với hoàn cảnh sống và nói lên... 5- KL: Các bạn cần thay đổi lại trang phục cho lành mạnh, đúng đắn. 4. Phát triển LĐ, đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào đoạn văn, bài văn NL. => Các yếu tố MT và TS làm cho các luận chứng trở nên sinh động, luận điểm được CM rất cụ thể, rõ ràng. Yếu tố BC: Làm cho LĐ sâu sắc, lay động lòng người, có sức thuyết phục cao. II. Viết đoạn văn
---	--

4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Học sinh tự đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: Từ việc tìm hiểu VD trong phần hoạt động 1, viết 1 đoạn văn nghị luận bàn về trang phục của hs có sd yếu tố miêu tả và biểu cảm - Thời gian làm việc : 15 phút - Kết quả làm việc cá nhân ghi ra vở bằng bút xanh(nếu cần bổ sung kiến thức thì ghi bằng bút đỏ) * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Thực hiện hoạt động cá nhân - Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Dự kiến SP Ông cha ta đã nói: “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”. Ta sẽ đẹp hơn rất nhiều khi ta biết chọn cho mình một trang phục đẹp. Nhưng việc lựa chọn trang phục lại hết sức quan trọng. Trang phục đẹp là trang phục không cầu kì, tuy đơn giản nhưng màu sắc hài hoà, phù hợp với đối tượng, khung cảnh và tùy trường hợp giao tiếp. Trang phục còn thể hiện tính cách. Người có một bộ trang phục đơn giản là người giản dị, không cầu kì. Người có một bộ trang phục hợp thời trang, có sự chăm chút là người thích làm đẹp, quan tâm đến hình thức bên ngoài. * Báo cáo kết quả: - Hs trình bày * Đánh giá kết quả: - HS khác nhận xét/ bổ sung - GV nhận xét và đọc mẫu	Không gì đẹp mắt hơn bằng khi mỗi sáng từng nhóm nữ sinh tung tăng với chiếc áo dài thướt tha đến trường. Vậy mà hiện nay nhiều bạn học sinh nam bắt chước các ca sĩ, nghệ sĩ chạy theo những trang phục kiểu cách. Các bạn hãy luôn nhớ rằng đừng chạy theo bắt chước người khác trong ăn mặc, hãy tiếp thu cái mới nhưng có chọn lọc. Còn về các học sinh nữ, đi ngoài đường, trời nắng nóng, các bạn có thể mặc áo khoác nhưng vào lớp không nên mặc vì nó tạo một cảm giác nóng nực cho không gian chung quanh, cho lớp, cho thầy cô. Mọi người như phát sốt khi thấy các bạn nữ khoác mấy lớp áo, hơn nữa lại không đẹp tí nào bởi vì nó lộn xộn, đủ kiểu áo, đủ màu. Những chiếc áo đó đã che mất bộ đồng phục chiếc áo dài trắng xinh xắn, hồn nhiên, thanh khiết của tuổi học trò, chỉ trừ những ngày se lạnh hoặc sức khỏe có vấn đề thì các bạn mới nên mặc
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5p) 1. Mục tiêu: - Củng cố , khắc sâu Kt về nội dung bài học. - Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích - HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Học sinh đánh giá học sinh - Giáo viên đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: ? Chỉ ra những yếu tố miêu tả, biểu cảm đc sử dụng trong các vd sau và nêu tác dụng của chúng: a. <i>Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. (BNĐC- Nguyễn Trãi)</i> b.<i>Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên.... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu” (Thi nhân</i>	áo khoác trong lớp để bảo vệ sức khỏe. Chắc chắn rằng các bạn nữ sẽ đẹp hơn, thánh thiện hơn. Đặc biệt các bạn học sinh nữ ngày nay rất chuộng những chiếc áo trắng đồng phục được cách điệu quá mức. Còn quần thì ôi thôi đủ kiểu, hết ống loe lại đến ống bó, ống đứng, hết lưng cao lại đến lưng xệ, đáy ngắn. Các bạn hãy hòa nhập, biết chọn lọc cái nào đẹp và phù hợp với lứa tuổi, môi trường, hoàn cảnh của mình, không nên cách điệu đồng phục để trở nên “khác người”. a. các từ nướng, vùi/ dân đen, con đỏ-> tái hiện tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta / bày tỏ thái độ đau đớn xót xa cũng là lên án,
--	--

Việt Nam) * Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Hoàn thành yêu cầu bt vào vở bài tập - GV: quan sát HS làm bài và giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn - Dự kiến sản phẩm: a. các từ nường, vùi/ dân đen, con đỏ-> tái hiện tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta / bày tỏ thái độ đau đớn xót xa cũng là lên án, tố cáo của tác giả b. Các từ chưa bao giờ, rộng mở, , mơ màng, trong sáng , quê mùa, ảo não, thiết tha..... -> cho thấy sự đa dạng, phong phú trong phong cách sáng tác riêng của các nhà thơ trong phong trào thơ mới * Báo cáo kết quả: - HS trình bày * Đánh giá kết quả: - HS khác nhận xét - GV nhận xét và chốt ghi bảng HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(1p) 1. Mục tiêu: - HS vận dụng KT đã học , viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán - Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Kiểm tra vào buổi học sau 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ:	tố cáo của tác giả b. Các từ chưa bao giờ, rộng mở, , mơ màng, trong sáng , quê mùa, ảo não, thiết tha..... -> cho thấy sự đa dạng, phong phú trong phong cách sáng tác riêng của các nhà thơ trong phong trào thơ mới
---	--

- viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán * Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà hoàn thành. * Dự kiến sản phẩm: - Đảm bảo đúng hình thức đoạn văn.. * Đánh giá sản phẩm: - Kiểm tra vào tiết học sau. HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO:(1p) 1. Mục tiêu: - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức - HS có ý thức tự giác tìm tòi mở rộng kiến thức 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: - Hoàn thành vào vở ghi chép 4. Phương án kiểm tra đánh giá: - Kiểm tra vào thời gian học buổi chiều. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: - sưu tầm những đoạn văn nghị luận có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm * HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - HS về sưu tầm viết vào vở ghi chép thêm của môn Ngữ văn. * Dự kiến sản phẩm: - hs tìm đc 1 số đoạn văn, bài văn nghị luận có sd yếu tố miêu tả, biểu cảm * Đánh giá sản phẩm: - Kiểm tra vào buổi học sau.	
--	--

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

Tuần 31:

Ngày soạn: 02

Ngày dạy:

Tiết:121

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

(Phần văn học)

CỔNG LÀNG

-Bàng Bá Lân-

Tuần 31:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 30.Tiết 122: Tiếng Việt

CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT

(Lỗi lôgíc)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi trong những câu được SGK dẫn ra, qua đó trau dồi khả năng lựa chọn cách diễn đạt đúng trong những trường hợp tương tự khi nói, viết.

2. Năng lực: HS có kĩ năng diễn đạt hợp lôgic. Năng lực diễn đạt đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lập kế hoạch bài học
- Học liệu: phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- HS: Chuẩn bị SGK, soạn bài mới.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) 1. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động chung cả lớp 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập . 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu HS quan sát bảng phụ: 1 đoạn trích từ bài tập làm văn của 1 HS. - Gọi 1 HS đọc và đặt câu hỏi chung cho lớp: ? Các em có nhận xét gì về cách diễn đạt ở đoạn văn trên? - Cả lớp cùng quan sát đoạn văn, suy nghĩ để chuẩn bị trả lời * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh suy nghĩ độc lập, trả trả lời câu hỏi GV - Giáo viên gợi ý để HS trình bày - Dự kiến sản phẩm: + Đoạn văn diễn đạt lung củng. *Báo cáo kết quả GV gọi 1,2 học sinh trình bày nhận xét của mình về đoạn văn tại chỗ. Trong khi bạn trình bày, cả lớp chú ý lắng nghe. * Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài. Trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết, chúng ta thường hay mắc lỗi dùng từ do lặp từ, lẫn lộn giữa các từ	

gần âm hay không hiểu nghĩa của từ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng hay mắc lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc). Tiết học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu một số lỗi lô-gíc thường mắc và hướng dẫn các em cách khắc phục các lỗi đó. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (32 phút) Hoạt động 1 : Phát hiện và sửa lỗi - Mục tiêu: Giúp học sinh nhận ra lỗi và biết cách sửa chữa lỗi tại những câu được dẫn ra - Phương thức thực hiện: - Dạy học theo nhóm - Kĩ thuật hợp tác. - Sản phẩm hoạt động: - Phiếu học tập cá nhân và nhóm. - Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. - Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu HS theo dõi các ví dụ trong SGK và thảo luận nhóm câu hỏi sau: ? Phát hiện các lỗi sai và sửa lại các câu đó cho đúng? ? Giải thích tại sao không thể dùng cách diễn đạt như vậy? - Học sinh tiếp nhận câu hỏi thảo luận * Thực hiện nhiệm vụ - Nhóm trưởng điều hành, HS làm việc cá nhân vào phiếu của mình, sau đó thảo luận trong nhóm và thống nhất ý kiến chung vào phiếu học tập. - Trong quá trình HS thảo luận, giáo viên quan sát, giúp đỡ Dự kiến sản phẩm: a. Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập khác. Sửa lại:	I. Phát hiện và sửa lỗi - Ví dụ (VD SGK) - Nhận xét.
--	--

+ Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt giấy bút, sách vở và nhiều đồ dùng học tập khác. + Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng sinh hoạt khác. + Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập. * Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A và B khác” thì A và B phải cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ ngữ có nghĩa hẹp. b. Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công. - Trong câu không thể diễn đạt là “thanh niên nói chung và bóng đá nói riêng” được, vì “thanh niên và bóng đá” thuộc hai loại khác nhau cho nên không thể kết hợp với nhau như thế được. - Sửa lại: + Trong thanh niên nói chung và trong sinh viên nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công. + Trong thể thao nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công. * Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A nói chung và b nói riêng” thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn từ ngữ B. c. “Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và Ngô tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945. Sửa lại: + “Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và “Tắt đèn” đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945. + Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945. * Khi viết một kiểu câu kết hợp “A, B và C” (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng, biểu thị những khái	a. Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A và B khác” thì A và B phải
---	--

niệm thuộc cùng một phạm trù. d. Em muốn trở thành một người trí thức hay một bác sĩ? Sửa lại: + <i>Em muốn trở thành một người tri thức hay một thủy thủ?</i> + <i>Em muốn trở thành một giáo viên hay một bác sĩ?</i> * Câu hỏi lựa chọn A hay thì A không bao hàm B và ngược lại. e. Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về ngôn từ. - <i>Trong câu, A (nghệ thuật) bao hàm B (ngôn từ), trong giá trị nghệ thuật của một tác phẩm văn học có giá trị ngôn từ, vì vậy câu này sai.</i> - Sửa lại: + <i>Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về nội dung.</i> + <i>Bài thơ không chỉ hay về bố cục mà còn sắc sảo về ngôn từ.</i> + <i>Bài thơ hay về nghệ thuật nói chung, sắc sảo về ngôn từ nói riêng.</i> * Khi viết câu có kiểu kết hợp “không chỉ A mà còn B” thì A và B không bao giờ là những từ ngữ có quan hệ rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và b cũng không bao hàm A. g. Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì mặc áo ca rô. - <i>Cao gầy và mặc áo ca rô không cùng trường từ vựng</i> - Sửa lại: + <i>Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì lùn và mập.</i> + <i>Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì mặc áo trắng, còn một người thì mặc áo ca rô.</i> h. Chị Dậu rất cần cù, chịu khó nên chị rất mực yêu thương chồng con. Sửa lại: <i>Chị Dậu rất cần cù, chịu khó và rất mực yêu thương chồng con.</i>	cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ ngữ có nghĩa hẹp. b. Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A nói chung và b nói riêng” thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn từ ngữ B. c. Khi viết một kiểu câu kết hợp “A, B và C” (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng, biểu thị những khái niệm thuộc cùng một phạm trù. d. Câu hỏi lựa chọn A hay thì A không bao hàm B và ngược lại. e. Khi viết câu có kiểu kết hợp “không chỉ A mà còn B” thì A và B không bao giờ là những từ ngữ có quan hệ rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và b cũng không bao hàm A. g. A trái B (AB được
--	---

* A và B không phải là quan hệ nhân quả thì không dùng quan hệ từ <i>nên</i>. i. Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó. - Sửa lại: <i>Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể hoàn thành được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.</i> * A và B không phải là quan hệ điều kiện- kết quả nên không dùng cặp quan hệ từ nếu...thì được. k. Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa giảm tuổi thọ của con người. - <i>Mục đích của người viết: Chỉ ra tác hại nhiều mặt của việc hút thuốc, sử dụng cặp từ “vừa... vừa” song chỉ nói tác hại của nó đối với sức khoẻ (giảm tuổi thọ).</i> - Sửa lại: <i>Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa tốn kém về tiền bạc.</i> * Khi dùng cặp vừa..vừa thì A, B phải bình đẳng nhau, không cái nào bao hàm cái nào *Báo cáo kết quả - Đại diện 4 nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình *Đánh giá kết quả - GV gọi nhóm trưởng mỗi nhóm tự nhận xét, đánh giá về ý thức tham gia thảo luận của các thành viên trong nhóm. - Gọi HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung và có thể đưa ra những câu hỏi tranh luận về nội dung thảo luận. - GV nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của lớp (nhóm); phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã được thông qua hoạt động. -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(8 PHÚT) 1. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống được kiến thức đã học trong	biểu thị = những từ thuộc cùng 1 trường từ vựng độc lập nhau trong 1 phần. h. A và B không phải là quan hệ nhân quả thì không dùng quan hệ từ <i>nên</i>. i. A và B không phải là quan hệ điều kiện- kết quả nên không dùng cặp quan hệ từ nếu...thì được. k. Khi dùng cặp vừa..vừa thì A, B phải bình đẳng nhau, không cái nào bao hàm cái nào
---	---

tiết học 2. Phương thức thực hiện: - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Kỹ thuật đặt câu hỏi 3. Sản phẩm hoạt động: - Vở ghi 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS dựa vào bài học làm bài tập *Học sinh thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài độc lập - Dự kiến sản phẩm: Bài tập 1: Viết đoạn văn ngắn từ 7 đến 9 câu suy nghĩ về vai trò của thể dục thể thao đối với sức khỏe con người. Bài tập 2: Trao đổi với các bạn đoạn văn vừa viết, tìm và phát hiện các lỗi sai trong cách diễn đạt. *Báo cáo kết quả - gọi 3,4 HS trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(02 PHÚT) 1. Mục tiêu: Giúp Hs biết vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: vở ghi 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động GV nêu yêu cầu: ? Tìm và chữa lỗi (tương tự) trong bài tập	
---	--

làm văn số 6 của mình. ? Phát hiện và sửa các lỗi sai trong lời nói hằng ngày của người thân, bạn bè? HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG 1. Mục tiêu: Thúc đẩy ý thức tự học, tự tìm tòi để mở rộng kiến thức môn học 2. Phương thức thực hiện: cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: tư liệu 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động GV nêu yêu cầu: ? Phát hiện và sửa các lỗi sai trong lời nói hằng ngày của người thân, bạn bè hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng?	
--	--

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

05

Tuần 31:

Ngày soạn: 02

Ngày dạy:

Bài Tiết: 123+124: Tập làm văn LUYỆN TẬP VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh vận dụng kỹ năng đưa các yếu tố bối cảnh, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn nghị luận xã hội.
- Tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân, từ đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết để các bài làm văn sau đạt kết quả tốt hơn.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lập kế hoạch kiểm tra
- Chuẩn bị để kiểm tra.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Học sinh xem các đề trước trong sgk

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

- Giáo viên nêu yêu cầu giờ viết bài và chép đề lên bảng.

ĐỀ BÀI:

Viết bài văn nghị luận với đề tài: “Tuổi trẻ và tương lai đất nước”

(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào?)

* Giáo viên gợi ý: Viết 1 bài nghị luận để nêu rõ sự hiểu biết của mình về lời dạy của Bác Hồ.

* Học sinh làm bài - giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc.

ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM:

*** Yêu cầu cụ thể:**

1. Nội dung (8đ)

a. MB: (1đ)

- Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ

- Trích lời dạy của Bác Hồ: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “ Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu”.

b. TB :(6đ)

*** Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ)**

- Non sông tươi đẹp, dân tộc sánh vai với các cường quốc năm châu có nghĩa là một đất nước, một dân tộc giàu đẹp, lớn mạnh, tiến bộ và văn minh. Tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng an ninh... đều sánh ngang với các nước tiến tiến trên thế giới.

- Bằng những hình ảnh đẹp, Bác Hồ đã khẳng định " công học tập" của học sinh hôm nay sẽ ảnh hưởng đến tương lai đất nước...

- Lời căn dặn của Bác có ý nghĩa động viên khích lệ học sinh ra sức học tập và rèn luyện...

*** Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ)**

- Lời dạy của Bác khẳng định việc học tập của thế hệ trẻ vô cùng quan trọng đối với tương lai đất nước vì:

- Học sinh là chủ nhân tương lai của đất nước, là người kế tục sự nghiệp, xây dựng và bảo vệ đất nước của cha ông mình.

- Một thế hệ học sinh tích cực học tập và rèn luyện hôm nay sẽ hứa hẹn một thế hệ công dân tốt có đủ năng lực, phẩm chất làm chủ đất nước trong tương lai. Vì vậy, việc học tập và rèn luyện là rất cần thiết.

- Ngày nay khi cả thế giới hoà cùng một mái nhà chung thì sự năng động của tuổi trẻ càng quan trọng và cần thiết. Sự nỗ lực trong học tập và nhất là trong khám phá thế giới thông tin giúp đất nước rút ngắn khoảng cách văn minh với thế giới bên ngoài.

*** Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ)**

- Thực tế đã chứng minh việc học tập của thế hệ trẻ có ảnh hưởng đến tương lai đất nước .

Tuổi trẻ ngày nay hăng say học tập và nghiên cứu. Mấy năm qua chúng ta không khỏi tự hào về thành tích của tuổi trẻ Việt Nam trong các kì thi quốc tế. Những tấm huy chương vàng, những chiếc cúp vô địch trong các kì thi quốc tế là một phần trong sức vươn lên mạnh mẽ của thế hệ chúng ta.

(Nêu một số gương xưa và nay)

*** Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ)**

- Để thực hiện lời dạy của Bác, học sinh cần phải xác định đúng động cơ học tập, nỗ lực phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức
- Thực hiện lời dạy của Bác là chúng ta thể hiện tình cảm yêu kính người ca già dân tộc và thể hiện trách nhiệm của mình với đất nước.

c. Kết bài(1đ)

- Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác
- Liên hệ bản thân học sinh.

2. Hình thức:(2 điểm)

*** Yêu cầu chung:**

- Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ)
- Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. Các yếu tố đó phải được kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lí, đảm bảo tính mạch lạc của bài văn. (0,5đ)
- Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi lôgic, lỗi chính tả. (0,5đ)
- Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ)

*** Củng cố:** Giáo viên thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

*** Dặn dò:**

- Ôn tập lại văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm.
- Soạn bài: Văn bản tường trình.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

05

Tuần 32:

Ngày soạn: 10

Ngày dạy:

Bài 31. Tiết 125

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.
- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1/ Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2/ Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài ở nhà theo yêu cầu gv giao.....

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung</i>
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU - Thời gian (5 phút) - Phương pháp, hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, HĐ nhóm - Phương tiện: Máy chiếu - Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học Gv chuyển ý giới thiệu bài học: Hệ thống văn bản ở lớp 8 khá phong phú, đa dạng , gồm nhiều cụm văn bản. Ngày hôm nay chúng ta cùng nhau tổng kết lại phần văn qua các văn bản đã học, chủ yếu là các văn bản thơ. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: Nhiệm vụ 1: Hoàn thành bảng thống kê các tác phẩm thơ trữ tình. - Thời gian: 20 phút - Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa tác giả, văn bản, thể thơ, nội dung chủ yếu, đặc điểm nghệ thuật nổi bật - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi 2 a,b,c,d GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: .+ Học sinh thực hiện: Học sinh hoạt động nhóm. Dự kiến câu trả lời của hs :	

I. Lập bảng thống kê các VB thơ VN đã học từ bài 15.

T T	Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
1	Cảm tác... (bài 15)	PBC(186 7- 1940)	TNBCĐ L	Khí phách kiên cường bất khuất & phong thái ung dung vượt lên h/c ngục tù của nhà yêu nước CM.	Giọng hào hùng, khoáng đạt có sức lôi cuốn mạnh mẽ.
2	Đập đá... (bài 15)	PCT (1872 – 1926)	TNBCĐ L	Hình tượng đẹp, ngang tàng lẫm liệt của người tù yêu nước CM trên đảo Côn Lôn.	Bút pháp LM, giọng điệu hào hùng đầy khí thế.
3	Muốn làm... ...(bài 16)	Tản Đà- NKH(188 9- 1939)	TNBCĐ L	Tâm sự của con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.	Hồn thơ LM, siêu thoát pha chút ngông nghênh nhưng vẫn đáng yêu.
4	Hai chữ nước nhà (bài 17)	Á Nam- TTK(189 5-1983)	Song thất lục bát.	Mượn câu chuyện có sức gợi cảm lớn để bộc lộ c/x & khích lệ long y/n, ý chí cứu nước của đồng bào.	Mượn tích xưa để nói chuyện hiện tại giọng điệu trữ tình thống thiết.
5	Nhớ rừng (bài 18)	Thế Lữ 1907- 1989	Thơ mới 8 chữ/câu	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng & khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân.	Bút pháp LM truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, phép tương phản đối lập. NT tạo hình đặc sắc.
6	Ông đồ (bài 18)	VĐL(191 3 – 1996)	Thơ mới ngũ ngôn	Tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm	Lời thơ bình dị cô đọng hàm súc. Đối lập,

				cảm thương chân thành trước 1 lớp người đang tàn tạ & nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.	tương phản, câu hỏi tu từ, tả cảnh ngụ tình.
7	Quê hương (bài 19)	Tế Hanh (1921-2009)	Thơ mới 8 chữ/câu	T/y quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng, sinh động về 1 làng quê miền biển. Nổi bật là h/a khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài.	Lời thơ mộc mạc bình dị mà tinh tế, giàu ý nghĩa biểu tượng.
8	Khi con... (bài 19)	Tố Hữu (1920-2002)	Lục bát	T/y c/sống và khát vọng tự do của người c/sĩ trẻ tuổi trong nhà tù.	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, tưởng tượng phong phú dồi dào
9	Tức cảnh... (bài 20)	HCM (1890-1969)	TNTTĐ L	TT lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong c/s CM đầy k/k gian khổ ở Pác Bó. Làm CM sống hòa hợp với TN->niềm vui	Nụ cười hóm hỉnh, sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển & hiện đại.
10	Ngắm trăng (NKTT) Bài 21	Hồ Chí Minh	TNTTĐ L Chữ Hán	T/y TN say mê & phong thái ung dung nghệ sĩ của Bác Hồ ngay trong cảnh ngục tù tối tăm.	Nhân hóa, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, đối xứng và đối lập.
11	Đi đường (NKTT.)	Hồ Chí Minh	TNTT C/Hán	Ý nghĩa tượng trưng & triết lý sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lý đường đời, vượt qua bao gian lao	Điệp từ, tính đa nghĩa của h/a, câu thơ, bài thơ.

				chồng chất sẽ tới thắng lợi về vang.	
--	--	--	--	---	--

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Nhiệm vụ 2 : Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ trong các bài 15,16 và 18,19. - Thời gian: 10 phút -Phương pháp, hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại: Hoạt động cá nhân - Phương tiện: Máy chiếu - Mục tiêu: Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: + Học sinh thực hiện: +Hs hoạt động nhóm trả lời câu hỏi Dự kiến kết quả: + Hình thức linh hoạt, phóng khoáng, tự do hơn nhiều. + Tuy vẫn tuân thủ một số nguyên tắc: số chữ trong câu vẫn bằng nhau. đều có vần nhịp, thơ Mới cũng có luật lệ quy tắc nhất định. Nhưng quy tắc đó không quá chặt chẽ, gò bó như thơ đường luật mà linh hoạt tự do số câu không hạn định, lời thơ tự nhiên. + Cảm xúc chân thật	II. Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ trong các bài 15,16 và 18,19. - Vào nhà..., Đập đá..., Muốn Làm Thằng Cuội ra đời trước 1932 (thơ cũ) → Thể thơ TNBCĐL. (có hạn định về số câu, số chữ, niêm luật chặt chẽ theo quy tắc nhất định, cái tôi cá nhân chưa được đề cao. - Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương → thơ mới (chịu a/hưởng của VH phương tây (P) . Khác hẳn : Hình thức linh hoạt, phóng khoáng tự do hơn nhiều, vẫn có quy tắc, luật lệ nhưng ko quá chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, ko ước lệ công thức, c/x chân thật → đề cao cái tôi cá nhân.(thơ LM

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

Mục tiêu: Nêu được cảm nghĩ về một nhân vật.

Nhiệm vụ: Thực hiện theo yêu cầu

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân

Phương tiện: Kiến thức đã học

Sản phẩm: Nội dung trả lời

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: Chỉ ra được nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trữ tình trong các bài thơ đã học.

Nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân

Phương tiện: Kiến thức đã học

Sản phẩm: Nội dung trả lời

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

Mục tiêu: Sưu tầm được một số văn bản nghị luận thuộc cùng đề tài đã học. ;

Khuyến khích hs tìm tòi mở rộng bài học, giúp HS hiểu sâu sắc hơn bài học.

Nhiệm vụ: Sưu tầm tài liệu

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân, cặp đôi khá- giỏi

Phương tiện: Các tài liệu sưu tầm

Sản phẩm: Nội dung trả lời - bài tập của hs

HS lựa chọn vấn đề và hoàn thành bảng thống kê ở nhà trưng bày ở góc học tập

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....

12

Tuần 32:

Ngày soạn: 10

Ngày dạy:

Bài 31. Tiết:126

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nắm vững các nội dung cơ bản sau: Các kiểu câu trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, phủ định. Các kiểu hành động nói: hỏi, trình bày, hứa hẹn, điều khiển, bộc lộ cảm xúc. Cách lựa chọn trật tự từ trong câu.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực tổng hợp, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.
- Hệ thống hỏi và khái quát hoá kiến thức; luyện tập toàn bộ kiến thức

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung (ghi bảng)</i>
HD của GV (Chuyển giao nhiệm vụ, quan sát hỗ trợ hs khi cần, kiểm tra kết quả, nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, cách làm...) HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU - Thời gian (5 phút) - Phương pháp, hình thức tổ chức: HD cá nhân, HD nhóm, tự kiểm tra, đánh giá. - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Yêu cầu hs thực hiện mục A trong vòng 2 phút Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”. - GV có các câu chia theo mục đích nói, 2 đội chơi, đội nào xếp các kiểu câu đúng vị trí, nhanh trước sẽ chiến thắng. GV cho HS NX, chốt. Gv chuyển ý giới thiệu bài học: ? Gọi hs đọc mục tiêu bài học. GV chốt. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:	I/ Các kiểu câu:

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành bảng thống kê các kiểu câu - Thời gian: 10 phút - Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu câu ở lớp 8 - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? CTTV lớp 8 , các em đã học những kiểu câu nào ? (xét về mục đích nói) ? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của mỗi kiểu câu Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút. GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: .+ Học sinh thực hiện: Học sinh hoạt động nhóm. GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. Dự kiến câu trả lời của hs :	1. Câu nghi vấn. 2. Câu cầu khiến. 3. Câu cảm thán. 4. Câu trần thuật. 5. Câu phủ định
--	--

STT	Kiểu câu	Đặc điểm hình thức, chức năng	Ví dụ
1	Câu nghi vấn	* Câu nghi vấn là câu: - Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao...) hoặc có từ hay (nối các vế có quan hệ lựa chọn). - Có chức năng chính là dùng để hỏi. * Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi. * Trong nhiều trường hợp câu nghi	

		vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời	
2	Câu cầu khiến	* Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như : hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo... * Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.	
3	Câu cảm thán	* Là câu có những từ cảm thán như: ôi, than ôi, hỡi ơi...dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết, xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. - Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.	
4	Câu trần thuật	* Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,.. - Ngoài những chức năng trên đây câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác). * Khi viết câu trần thuật thường	

		kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. * Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.	
5	Câu phủ định	* Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, đâu..... *Câu phủ định dùng để : - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả) - Phán bác một ý kiến, một nhận định.(Câu phủ định bác bỏ).	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
- Yêu cầu h/s đọc bài tập 1(130) ? Đoạn trích gồm mấy câu ? Xác định kiểu câu của đoạn trích ? ? Dựa vào nội dung 2 câu trong BT 1, đặt 1 câu NV (theo mô hình: Liệu ... có... ko)	*/ Luyện tập Bài tập 1 : Nhận diện câu trần thuật: Câu 1 : Câu trần thuật ghép - có một vế là dạng câu phủ định Câu 2 : Câu trần thuật đơn Câu 3 : Câu trần thuật ghép, vế sau có một vị ngữ phủ định (không nở giận) Bài tập 2 : Tạo câu nghi vấn: Ví dụ : Đặt điểm hỏi vào các từ ngữ những nỗi lo lắng , buồn đau ích kỉ thì câu hỏi sẽ là - Cái bản tính tốt đẹp của người ta sẽ bị những gì che lấp mất ? (hỏi theo kiểu câu bị động) - Những gì có thể che lấp mất cái bản tính tốt đẹp của người ta ? (Hỏi

3- ăn mãi..? - Câu cầu khiến :Cụ cứ để tiền ...hay ! b) Câu nghi vấn dùng để hỏi : Ăn mãi hết ...lo liệu? c) Câu nghi vấn ko dùng để hỏi : (2 câu còn lại) - Câu 1 : Bộc lộ cảm xúc của ông giáo - Câu 2 : Câu giải thích khuyên lão Hạc từ bỏ việc quá lo xa ấy . Nhiệm vụ 2: Hành động nói - Thời gian: 10 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, Cặp đôi - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu Hành động nói - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: +GV gọi HS nêu yêu cầu phần a,b,c + Hoạt động Cặp đôi 5' GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần. - Đại diện Cặp đôi trình bày kết quả trước lớp. => Dự kiến sản phẩm:	thường, thì không có lí do gì mà lại nhin đói để dành tiền . II. Hành động nói: a/ Thế nào là hành động nói ? * Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm những mục đích nhất định. b/ Những kiểu hành động nói thường gặp là : - Hành động hỏi (Bạn làm gì vậy ?) - Hành động trình bày(báo tin, kể, tả, nêu
---	---

Nhiệm vụ 3: Hội thoại. - Thời gian: 8 phút - Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, Cặp đôi	ý kiến, dự đoán..) (<i>Ngày mai trời sẽ mưa.)</i> - Hành động điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức,...) (<i>Bạn giúp tôi trực nhật nhé.)</i> - Hành động hứa hẹn .(<i>Tôi xin hứa sẽ không đi học muộn nữa.)</i> - Hành động bộc lộ cảm xúc. (<i>Tôi sợ bị thi trượt học kì này.)</i> c/ Các cách thực hiện hành động nói : - Mỗi hành động nói có thể được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp) hoặc bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp) */ Luyện tập: Bài tập 1 : Xác định theo bảng: (1)- Hành động kể (trình bày) (2)- Bộc lộ cảm xúc (3) Nhận định (trình bày) (4) Đề nghị (điều khiển) (5) Trình bày (6) Phủ định bác bỏ (trình bày) (7) Hỏi Bài tập 2 : Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện. Bài tập 3 : Hành động hứa hẹn với hai dạng : cam kết, hứa hẹn. Gọi hai học sinh lên bảng làm III. Hội thoại.
---	--

- Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu Hội thoại. - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: +GV gọi HS nêu yêu cầu phần a,b ? Thế nào là vai xã hội trong hội thoại ? Lướt lời là gì + Hoạt động Cặp đôi 5' GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần. - Đại diện Cặp đôi trình bày kết quả trước lớp. => Dự kiến sản phẩm: Nhiệm vụ 4: Tác dụng của Lựa chọn trật tự từ trong câu	a/ Thế nào là vai xã hội trong hội thoại ? -Vai hội thoại là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại . Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội: - Quan hệ trên- dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) . - Quan hệ thân-sơ (theo mức độ quen biết, thân tình) b/Lướt lời : Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lướt lời * Để giữ lịch sự cần tôn trọng lướt lời của người khác, tránh nói tranh lướt lời, cắt lời hoặc tranh vào lời người khác. * Nhiều khi, im lặng khi đến lướt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ. IV.Lựa chọn trật tự từ trong câu.
--	--

- Thời gian: 7 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp. - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút. GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: .+ Học sinh thực hiện: Học sinh hoạt động nhóm. GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. Dự kiến câu trả lời của hs :	* Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ , mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói, viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp. * Trật tự từ trong câu có tác dụng : - Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm. - Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Liên kết câu với những câu khác trong văn bản. - Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm của lời nói. Bài tập 1: Các trạng thái và hành động của sứ giả được xếp theo đúng thứ tự xuất hiện và thực hiện : Thoạt tiên là tâm trạng kinh ngạc sau đó là mừng rỡ và cuối cùng
---	---

	là về tau vua. Bài tập 2: Lưu ý học sinh về những giá trị khác của trật tự từ trong câu : - Nối kết câu - Nhấn mạnh (làm nổi bật) đề tài của câu nói Bài tập 3: Lưu ý cho học sinh về giá trị tạo tính nhạc cho câu thông qua cách sắp xếp trật tự từ trong nó. Câu a có tính nhạc hơn, vì: - Đặt “man mác” trước “khúc nhạc đồng quê” gợi cảm xúc mạnh hơn - Kết thúc thanh bằng (quê) có độ ngân hơn kết thúc thanh trắc (mác)
--	---

Hoạt động 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

Mục tiêu: - Bài ôn tập gồm mấy nội dung ?

Nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân

Phương tiện: Kiến thức đã học

Sản phẩm: Nội dung trả lời

Hoạt động 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

Mục tiêu: Ôn tập lại kiến thức cơ bản; hệ thống hoá kiến thức

Khuyến khích hs tìm tòi mở rộng bài học, giúp HS hiểu sâu sắc hơn bài học.

Nhiệm vụ: Sưu tầm tài liệu

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân, cặp đôi khá- giỏi

Phương tiện: Các tài liệu sưu tầm

Sản phẩm: Nội dung trả lời - bài tập của hs

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

Tuần 32:

Ngày soạn: 10

Ngày dạy:

Bài 31. Tiết 127
VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Nắm những trường hợp cần viết VB tường trình. Nắm những đặc điểm cơ bản của VB tường trình. Biết làm một VB tường trình đúng qui cách.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tạo lập VB hành chính.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn. Năng lực tạo lập VB hành chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung (ghi bảng)</i>
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU - Thời gian (5 phút) - Phương pháp, hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá. - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Yêu cầu hs thực hiện trong vòng 2 phút	I - Đặc điểm của văn bản tường trình 1 – Ví dụ :

GV cho HS NX, chốt. Gv chuyển ý giới thiệu bài học HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về văn bản tường trình - Thời gian: 10 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân,hoạt động nhóm - Phương tiện: Máy chiếu, bảng phụ - Mục tiêu: Tìm hiểu về văn bản tường trình - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: <i>? Trong các văn bản trên, ai là người phải viết tường trình và viết cho ai ? bản tường trình được viết ra nhằm mục đích gì ?</i> <i>? Nội dung tường trình là gì ? Vì sao phải tường trình ?</i> <i>? Người viết tường trình cần phải có thái độ như thế nào đối với sự việc người tường trình ?</i> <i>? Thế thức trình bày văn bản tường trình có gì đặc biệt ?</i> <i>? Như vậy qua phần tìm hiểu các nội dung trên , em hiểu gì về văn bản tường trình và ai là người phải viết tường trình và ai là người nhận tường trình ?</i> Yêu cầu đại diện các nhóm lên báo cáo	+ <i>Học sinh thực hiện:</i> a. (1) Người viết tường trình: học sinh, viết cho cô giáo (2) Lí do và mục đích viết: Về việc đi học muộn, mong muốn cô hiểu được nguyên nhân dẫn đến việc mình đến lớp muộn.. (3) Người viết trình bày về sự việc mình đi học muộn. (4)Người viết có thái độ trung thực, khách quan b. (1) Các tình huống cần viết văn bản tường trình - Tình huống 3 - Tình huống 5 2 - Nhận xét : - Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần xem xét - Người viết tường trình là người liên quan đến sự việc - Người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết
---	---

trong vòng 5 phút Dự kiến câu trả lời của hs GV cho HS NX, chốt, ghi bảng. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách viết văn bản tường trình - Thời gian: 10 phút -<i>Phương pháp hình thức tổ chức:</i> Phát vấn, đàm thoại, tình huống có vấn đề...: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - <i>Phương tiện:</i> Máy chiếu, phiếu học tập - <i>Mục tiêu:</i> học sinh biết được các bước làm văn bản tường trình - <i>Tiến trình hoạt động:</i> + <i>Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</i> ? Hãy nêu một số trường hợp cần phải viết văn bản tường trình trong học tập và sinh hoạt tại trường ? ? Nêu lại tình huống của hai văn bản tường trình trong sgk ? Cách viết văn bản tường trình như thế nào ? ? Phần mở đầu viết những gì ? ? Phần nội dung ? ? Thể thức kết thúc như thế nào ? <i>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu</i> Giáo viên gọi các nhóm báo cáo kết quả Dự kiến câu trả lời của hs	- Văn bản tường trình ngắn gọn ,rõ ràng - Thái độ người viết tường trình trung thực ,khách quan II – Cách làm văn bản tường trình II/ Cách làm văn bản tường trình <i>1 – Tình huống cần phải viết văn bản tường trình</i> - Tình huống a ,b nhất thiết phải viết - Tình huống c ko cần phải viết vì đó là chuyện nhỏ chỉ cần nhắc nhở hoặc phê bình nhẹ nhàng hoặc viết kiểm điểm - Tình huống d chỉ viết khi tài sản bị mất có giá trị <i>2 – Cách làm văn bản tường trình</i> =>Một văn bản tường trình phải có đầy đủ các mục sau: a) Thể thức mở đầu : - Quốc hiệu, tiêu ngữ - Địa điểm thời gian làm tường trình - Tên văn bản - Người (cơ quan) nhận tường trình b) Nội dung tường trình
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - Thời gian: 20 phút. - Phương pháp, Hình thức tổ chức hoạt động: Hđ cá nhân. - Sản phẩm: Hoàn thành bài tập - Mục tiêu: luyện tập, khắc sâu nội dung bài học - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh. -Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi 1 luyện tập về văn bản tường trình <i>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:</i> Giáo viên gọi các nhóm báo cáo kết quả	+ Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của sự việc, học tên người chứng kiến hoặc liên quan(nếu có), mức độ trách nhiệm của người tường trình. + Thái độ của người viết phải khách quan, trung thực. Thông tin phải chính xác, đề nghị phải ngắn gọn, rõ ràng. c) Thể thức kết thúc : + Lời đề nghị, cam đoan +Chữ ký, họ tên người tường trình * Ghi nhớ / sgk
--	--

Hoạt động 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

Mục tiêu: - Bài gồm mấy nội dung ?

Nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân

Phương tiện: Kiến thức đã học

Sản phẩm: Nội dung trả lời

Hoạt động 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

Mục tiêu: Ôn tập lại kiến thức cơ bản; hệ thống hoá kiến thức

Khuyến khích hs tìm tòi mở rộng bài học, giúp HS hiểu sâu sắc hơn bài học.

Nhiệm vụ: Sưu tầm tài liệu

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân, cặp đôi khá- giỏi

Phương tiện: Các tài liệu sưu tầm

Sản phẩm: Nội dung trả lời - bài tập của hs

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....

Tuần 32:

Ngày soạn: 10

Ngày dạy:

Bài 31. Tiết 128

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nắm lại những kiến thức về VB tường trình : Mục đích, yêu cầu, cấu tạo của VB tường trình. Nâng cao năng lực làm VB tường trình cho HS.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tạo lập VB hành chính. Năng lực tạo lập VB tường trình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, một số tình huống & VB mẫu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc sgk & trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG:

1. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học (có thể liệt kê hoặc kẻ bảng):

Ví dụ:

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	- Dạy học nghiên cứu tình huống. - Dạy học hợp tác	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức	- Dạy học dự án - Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác - Kỹ thuật “khăn trải bàn” - Kỹ thuật “bản đồ tư duy”
Hoạt động 3: Luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác - Kĩ thuật công đoạn
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động

Tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU - Thời gian (5 phút) - Phương pháp, hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá. - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học + <i>Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</i> ? Yêu cầu hs thực hiện Gv chuyển ý giới thiệu bài học: <i>Tiết trước các em đã học xong vb tường trình . để nắm kỹ hơn về mục</i>	

đích,yêu cầu,bố cục của vb tường trình , phân biệt được điểm giống và khác nhau giữa văn bản tường trình với 1 số văn bản hành chính khác cô cùng các em sẽ tìm hiểu bài hôm nay . HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Nhiệm vụ 1: Mục đích làm văn bản tường trình - Thời gian: 5 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Nêu mục đích làm văn bản tường trình Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5phut. GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu: .+ Học sinh thực hiện: Học sinh hoạt động nhóm. GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. Dự kiến câu trả lời của hs : - Gv : Như vậy các em đã nắm được mục đích của văn bản tường trình ,bây giờ cô cùng các em sẽ đi so sánh văn bản tt với vb báo cáo xem có điểm gì	I. Ôn tập lý thuyết 1.Mục đích làm văn bản tường trình - Mục đích: <i>Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm</i> của người tường trình và <i>các sự việc xảy ra</i>, gây hậu quả cần phải xem xét. 2.Điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo.
--	--

giống và khác nhau Nhiệm vụ 2: Điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo. Thời gian: 10 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? VB tường trình có gì giống và khác nhau với văn bản báo cáo ? (thảo luận nhóm) ? Khác nhau ở điểm nào ? Học sinh hoạt động nhóm. GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. Dự kiến câu trả lời của hs : - Điểm khác thứ nhất là về mục đích . -Điểm khác thứ hai là về Người viết . -> Gv : Vậy là chúng ta đã biết được điểm giống nhau và khác nhau của 2 vb tường trình và báo cáo . - Vậy Để nắm chắc và hiểu rõ hơn về bố cục và thể thức của một vb tường trình chuyển sang phần 3. Nhiệm vụ 3 : Bố cục thể thức văn bản tường trình. Thời gian: 10 phút -Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân,	* Giống nhau: thể thức trình bày.(Bố cục theo mẫu). + Người nhận: Cá nhân và cơ quan có thẩm quyền giải quyết . * Khác nhau: + Mục đích: - Văn bản tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người viết tường trình và các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét. - Báo cáo: Công việc, công tác trong 1 thời gian nhất định, kết quả bài học để sơ kết tổng kết trước cấp trên, nhân dân. + Người viết: - Tường trình: Tham gia hoặc chứng kiến vụ việc, cá nhân, tường trình. - Báo cáo: Người phụ trách công việc, 1 tổ chức , tập thể. 3. Bố cục thể thức văn bản tường trình.
---	--

nhóm - Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập - Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về bố cục văn bản tường trình - Tiến trình hoạt động: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Em hãy nhắc lại bố cục của văn bản tường trình gồm mấy phần? đó là những phần nào ? ?Trong phần đầu của một văn bản tường trình cần đảm bảo những nội dung gì ? ? Em hiểu Quốc ngữ là phần trình bày nội dung nào ? (là : cộng hòa) ? Em cho biết phần nội dung tường trình cần trình bày ntn ? ? phần kết thúc cần đảm bảo những nội dung nào ? Học sinh hoạt động nhóm. GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. Dự kiến câu trả lời của hs : - Gồm 3 phần - Phần đầu. - Phần ND. - Phần kết thúc. a. Phần đầu: - Quốc ngữ. <i>Địa điểm thời gian làm văn tường trình.</i> <i>-Tên văn bản:</i> <i>- Tên cá nhân tổ chức nhận văn bản:</i> b.Phần ND. - Người viết Trình bày thời gian, địa	- Gồm 3 phần - Phần đầu. - Phần ND. - Phần kết thúc. a. Phần đầu: - Quốc ngữ. <i>Địa điểm thời gian làm văn tường trình.</i> <i>-Tên văn bản:</i> <i>- Tên cá nhân tổ chức nhận văn bản:</i> b.Phần ND. - Người viết Trình bày thời gian, địa điểm diễn biến sự việc,nguyên nhân vì đâu,hậu quả thế nào . -Y/c: Thái độ tường Trình khách quan, trung thực. C. Phần kết thúc.
---	---

điểm <i>diễn biến sự việc</i>, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào . -Y/c: Thái độ tường Trình khách quan, trung thực. C. Phần kết thúc. - lời đề nghị (cam đoan) - Chữ kí và họ tên người viết tường trình GV chốt ->Vừa rồi chúng ta đã ôn lại toàn bộ lý thuyết của một văn bản tường trình, vậy để khắc sâu kiến thức chúng ta chuyển sang phần luyện tập . HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(25 PHÚT) 1. Mục tiêu: -Vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập, luyện tập, khắc sâu nội dung bài học 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân, nhóm 3. Sản phẩm hoạt động: Làm vào vở bài tập 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ : yêu cầu hs mở vở bài tập ra để làm các bài tập *Thực hiện nhiệm vụ Bài tập 1: Hoạt động cá nhân: Cho hs đọc bài tập (Bảng phụ) ? Chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng văn bản ở 3 tình huống đã nêu	- lời đề nghị (cam đoan) - Chữ kí và họ tên người viết tường trình II. Luyện tập. 1. Bài tập 1
--	---

?Cả 3 văn bản đều mắc phải lỗi sai gì . -Học sinh: làm việc cá nhân -Giáo viên:quan sát hs làm -Dự kiến sản phẩm: -> Cả 3 văn bản người viết chưa phân biệt được mục đích của văn bản tường trình với văn bản báo cáo, thông báo ,chưa nhận rõ trong tình huống như thế nào thì cần phải viết văn bản tường trình \ ? Đọc và xác định yêu cầu của bài 2 ? Nêu 2 tình huống . Gv hd : Mỗi học sinh lựa chọn 1 tình huống khi viết cần lưu ý: - Xác định người nhận tường trình - Xác định mục đích viết tường trình - Hình dung diễn biến sự việc cần làm tường trình - Viết văn bản theo đúng mẫu	->Trong cả 3 tình huống nêu trên bài tập đều không viết tường trình mà phải viết các kiểu văn bản khác cụ thể. a. Bản tự kiểm điểm. - b Viết báo cáo. c. Viết báo cáo 2. Bài tập 2. VD: A. Mấy bạn nam đá bóng vô ý làm vỡ 2 chiếc bóng điện của lớp. B. Tường trình với cô giáo bộ môn về việc nộp bài kiểm tra không đúng hạn 3. Bài tập 3. - H/s viết theo yêu cầu. - Trình bày . Bản tường trình về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do- Hạnh phúc <i>Kim Bảng, ngày 22/1/2016</i> BẢN TƯỜNG TRÌNH Về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm Kính gửi: Cô Nguyễn Thị An, giáo viên phụ trách môn Hóa học. Em là: Phạm Văn Bình, học sinh lớp 8C học sinh trường THCS Lê Quý Đôn, xin phép được tường trình với cô một việc như sau: Trong giờ học Hóa tiết 4 ngày hôm nay do em sơ ý đã làm đổ vỡ 2 ống nghiệm : mã số 0017 và 0018. Em xin lỗi cô vì đã không tuân thủ những quy định trong phòng thí nghiệm. Em xin chịu trách nhiệm về lỗi của mình.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG. TÌM TÒI MỞ RỘNG - Mục tiêu: Gắn bài học với đời sống thực tiễn của học sinh, học sinh biết liên hệ thêm các văn bản tường trình; Khuyến khích hs tìm tòi mở rộng bài học, giúp HS hiểu sâu sắc hơn bài học. - Hình thức hoạt động: Cá nhân, cặp đôi khá, giỏi - Sản phẩm: bài tập của hs HS lựa chọn các văn bản tường trình tham khảo * Hướng dẫn học bài: - Ôn tập Lí thuyết, vận dụng thực hành. - Ôn tập TV giờ sau kiểm tra.	Người làm tường trình <i>Phạm Văn Bình</i>
---	--

V. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

Tuần 33:

Ngày soạn: 16

Ngày dạy:

Bài 32. Tiết 131

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- + Củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học về văn nghị luận: cách sử dụng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là về luận điểm và cách trình bày luận điểm
- + Thông qua tiết trả bài kiểm tra các em nhận biết khả năng của mình từ kết quả đạt được, từ đó các em điều chỉnh phương pháp học cho phù hợp

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục học sinh tính trung thực, tự giác khi làm bài
- Giáo dục HS ý thức vươn lên trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Bài Tập làm văn đã chấm

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức :KT sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

? Đọc thuộc lòng khổ thơ 1 và 4 ? Hình ảnh con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú

3. Bài mới

Hoạt động	Nội dung
GV ghi đề bài lên bảng Hoạt động 1: Xây dựng dàn ý cho đề bài 1. Mục tiêu: - Tìm lí lẽ dẫn chứng làm sang tỏ đề bài - Rèn kĩ năng trình bày 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động:	Đề bài: “ Tuổi trẻ và tương lai đất nước”(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “ Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào? I. Dàn ý + Biểu điểm

*Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi. ? Xây dựng dàn ý cho đề văn - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Như đáp án tiết 113 *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2: GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của học sinh 1. Ưu điểm: - Nhìn chung HS đã xác định yêu cầu của đề bài văn, ND và thể loại - Đã nắm được phương pháp làm bài văn nghị luận - Phần lớn HS có ý thức chuẩn bị bài ở nhà - Một số HS viết tốt, nắm chắc PP, luận điểm ⇒ luận cứ rõ ràng, nội dung tương đối đầy đủ.	a. MB: (1đ) - Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ b. TB :(6đ) * Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ) * Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ) * Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ) * Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ) c. Kết bài(1đ) - Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác - Liên hệ bản thân học sinh. 2. Hình thức:(2 điểm) - Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ) - Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. (0,5đ) - Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi lôgic, lỗi chính tả. (0,5đ) - Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ) II. Nhận xét
--	---

2. Nhược điểm: - Nhiều em diễn đạt lủng củng, luận điểm luận cứ chưa rõ ràng, mạch lạc, lộn xộn giữa các luận điểm. - Nđ còn sơ sài: - Lỗi diễn đạt còn rất nhiều: - Một số học sinh bài làm bài quá kém, ý thức chuẩn bị chưa chú đáo Hoạt động 3: GV trả bài, học sinh chữa lỗi vào bài. Gọi HS mắc các lỗi lên bảng chữa 1. Lỗi chính tả 2. Lỗi dung từ. 3. Lỗi câu : Đọc một số bài viết tốt, bài viết yếu để HS cùng tham khảo	III. Trả bài, chữa lỗi
--	--------------------------------------

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8a

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8b

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2

4. Củng cố

- Gv nhận xét ý thức của HS trong giờ KT

5. Dặn dò:

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tiếng việt
- Về nhà ôn tập tổng kết phần văn để giờ sau học.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

19

=====

Tuần 33:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 32. Tiết **TỔNG KẾT PHẦN VĂN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.
- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, SGK, STK

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể tên các văn bản nghị luận đã học trong chương trình NV 8HKII - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta... *Báo cáo kết quả - Gv: gọi hs trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống lại các kiến thức về văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 8.	I. Văn bản nghị luận: 1. Đặc điểm của văn bản nghị luận a- Khái niệm:

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1 : Tìm hiểu về văn nghị luận 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về văn bản nghị luận - Rèn kĩ năng viết nhận xét chứng minh sự giống và khác nhau 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi. - Giáo viên yêu cầu: ? Thế nào là văn bản nghị luận? Em thấy văn bản nghị luận trung đại có nét gì khác biệt nổi bật so với văn nghị luận hiện đại ? Hãy chứng minh các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao ? Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại trong bài 22,23 và 24 - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên:quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm:	Văn bản nghị luận là kiểu văn bản nêu ra những luận điểm rồi bằng những luận cứ luận chứng làm sang tỏ luận điểm ấy một cách thuyết phục b. Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn
--	---

***Báo cáo kết quả**

Văn bản nghị luận là kiểu văn bản nêu ra những luận điểm rồi bằng những luận cứ luận chứng làm sang tỏ luận điểm ấy một cách thuyết phục

b- Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn nghị luận hiện đại:

+ Nghị luận trung đại là lời văn cổ, lối viết với nhiều câu văn biền ngẫu, mang nhiều nét tượng trưng ước lệ.

+ Nghị luận hiện đại lời văn giản dị gần gũi với cuộc sống.

-Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 2: Tìm hiểu về văn bản Nước Đại Việt ta trích Bình Ngô Đại cáo

1. Mục tiêu:

- Củng cố các kiến thức về văn bản Nước Đại Việt ta

- Rèn kĩ năng phân tích so sánh

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động chung cả lớp.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

- Giáo viên yêu cầu:

nghị luận hiện đại:

+ Nghị luận trung đại là lời văn cổ, lối viết với nhiều câu văn biền ngẫu, mang nhiều nét tượng trưng ước lệ.

+ Nghị luận hiện đại lời văn giản dị gần gũi với cuộc sống.

c. Các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao

- Chiếu dời đô: Lí Thái Tổ nêu sử sách làm chỗ dựa cho lí lẽ. Từ đó soi sáng vào hai triều đại trước để đi đến kết luận “Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm kinh đô”.

- Hịch tướng sĩ: sau khi nêu gương sử sách để khích lệ ý chí lập công danh hi sinh vì nước, tác giả quay trở về với thực tế, tả tội ác và sự ngang ngược của giặc để thuyết phục.

- Nước Đại Việt ta với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn đoạn văn này có ý nghĩa như là một tuyên ngôn độc lập.

d. Những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại

- Hình thức: Từ ngữ cổ, cách diễn đạt cổ, nhiều hình ảnh, giàu tính ước lệ, câu văn biền ngẫu, sóng đôi nhịp nhàng.

- Nội dung tư tưởng: Cả 3 vb

? Vì sao Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc VN khi đó? ? So với bài <i>Sông núi nước Nam</i> được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ nhất của nước ta, ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản <i>Nước Đại Việt ta</i> có gì mới ? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết: - Dự kiến sản phẩm: - Vì bài cáo đó khẳng định dứt khoát rằng VN là một nước độc lập, đó là chân lí hiển nhiên. Từ bài văn đến tinh thần cả đoạn văn đều mang tính chất “tuyên ngôn” (lời tuyên bố) về nền độc lập của dân tộc. - ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong bài thơ <i>Sông núi nước Nam</i> được xác định ở 2 phương diện: <i>lãnh thổ và chủ quyền</i>. - Đến <i>Bình Ngô đại cáo</i>, ý thức dân tộc đó phát triển cao sâu sắc và toàn diện hơn. Ngoài yếu tố <i>lãnh thổ và chủ quyền</i>, ý thức về độc lập cũng được mở rộng, đầy ý nghĩa: đó là <i>nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử</i> *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs báo cáo kết quả -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	đều bao trùm 1 tinh thần dt sâu sắc, đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước. * Khác nhau: - Về hình thức thể loại: Chiếu, Hịch, Cáo. 2. Văn bản Nước Đại Việt ta trích Bình Ngô Đại cáo
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP 1. <i>Mục tiêu:</i> HS biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> Câu trả lời của HS 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ: Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản Nước Đại Việt ta - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết:	- Vì bài cáo đó khẳng định dứt khoát rằng VN là một nước độc lập, đó là chân lí hiển nhiên. Từ bài văn đến tinh thần cả đoạn văn đều mang tính chất “tuyên ngôn” (lời tuyên bố) về nền độc lập của dân tộc. - ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong bài thơ <i>Sông núi nước Nam</i> được xác định ở 2 phương diện: <i>lãnh thổ và chủ quyền</i>. - Đến <i>Bình Ngô đại cáo</i>, ý thức dân tộc đó phát triển cao sâu sắc và toàn diện hơn. Ngoài yếu tố <i>lãnh thổ và chủ quyền</i>, ý thức về độc lập cũng được mở rộng, đây ý nghĩa: đó là <i>nền văn hiến lâu đời</i>, <i>phong tục tập quán riêng</i>, <i>truyền thống lịch sử</i>
--	---

- Dự kiến sản phẩm: - Tự hào về dân tộc, những người lãnh đạo anh minh - Trách nhiệm của bản thân *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs báo cáo kết quả -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(02 PHÚT) 1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà - Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv - Dự kiến sản phẩm: Mở đoạn: GI những người lãnh đạo anh minh Thân đoạn: Nêu dẫn chứng Kết đoạn: Cảm nghĩ của bản thân *Báo cáo kết quả -Hs: nộp sản phẩm *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .	
---	--

- Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (01 PHÚT) 1. <i>Mục tiêu:</i> tìm hiểu kỹ hơn về đặc điểm của thể văn nghị luận 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> HĐ Cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> hs trả lời ra vở soạn 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Sưu tầm các bài văn nghị luận *Thực hiện nhiệm vụ Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà *Báo cáo kết quả -Hs: trả lời ra vở soạn văn *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá . - Giáo viên nhận xét, đánh giá	
---	--

* Dặn dò:

- Ôn bài theo hệ thống
- Tiếp tục chuẩn bị bài Ôn tập phần TL Văn

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

Tuần 34:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 34 - Tiết:

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực: HS có kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể tên các thể loại tương ứng với phương thức biểu đạt đã học trong chương trình ngữ văn 8? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng	

cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Tự sự, thuyết minh, nghị luận, điều hành (tường trình, thông báo) *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs trả lời -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống lại các kiến thức về Tập làm văn đã học trong chương trình Ngữ văn 8. ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học HOẠT ĐỘNG2: ÔN, LUYỆN TẬP Hoạt động 1 : Tính thống nhất của văn bản 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về tính thống nhất của chủ đề vb. - Rèn kĩ năng viết đoạn văn theo chủ đề. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi. - Giáo viên yêu cầu: ? Thế nào là tính thống nhất của một văn bản ? Thể hiện rõ nhất ở đâu? Tính thống nhất của chủ đề được thể hiện như thế nào có	I. Tính thống nhất của văn bản
---	---------------------------------------

- Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết: G/v yêu cầu h/s viết, đọc đoạn văn theo yêu cầu của bài tập 2 Có thể viết theo cách quy nạp hoặc diễn dịch. +Đ1: những câu văn kể tiếp phải xoay quanh và phát triển ý chủ chốt sự ham thích đọc sách của em. + Đ2: những câu văn phải xoay quanh chủ đề sự hấp dẫn của mùa hè: hấp dẫn như thế nào, với những ai, với em? - Dự kiến sản phẩm: đoạn văn *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs đọc đoạn văn -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Hoạt động 2 : Văn bản tự sự 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về văn bản tự sự, - Rèn kĩ năng tóm tắt vb tự sự. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động chung cả lớp. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ 1:	II. Văn bản tự sự
--	--------------------------

- Giáo viên yêu cầu: ? Tóm tắt văn bản tự sự để làm gì? ? H/s nhắc lại cách tóm tắt một văn bản tự sự? ? Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng như thế nào? ? Viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm cần chú ý những gì? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: + Tóm tắt văn bản tự sự giúp người đọc dễ dàng nắm bắt được nội dung chủ yếu, hoặc tạo cơ sở cho việc tìm hiểu, phân tích, bình giá + Muốn tóm tắt văn bản tự sự có hiệu quả cần: đọc thật kĩ, nhiều lần tác phẩm, phát hiện các đoạn mạch, các chi tiết chính, kể (viết) lại bằng lời của mình + Không bao giờ có kể chuyện đơn thuần. Các yếu tố này làm cho câu chuyện , sự việc và nhân vật thêm cụ thể, sinh động. + Phải chú ý: tự sự là phương thức biểu đạt chính, miêu tả và biểu cảm chỉ là yếu tố phụ trợ. *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs trả lời -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	+ Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự: - Ghi lại trng thành, chính xác, những nội dung chính của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy. + Muốn tóm tắt văn bản tự sự cần: - Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của
---	---

Hoạt động 3 : Văn bản thuyết minh <i>1. Mục tiêu:</i> - củng cố các kiến thức về vb thuyết minh. - Rèn kĩ năng lập bố cục của 1 bài văn thuyết minh. <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động nhóm. <i>3. Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng <i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <i>5. Tiến trình hoạt động:</i> *Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm. - Giáo viên yêu cầu: a. Văn bản thuyết minh có tính chất như thế nào và có những lợi ích gì? Hãy nêu các văn bản thuyết minh thường gặp trong cuộc sống hàng ngày? b. Muốn làm văn bản thuyết minh, trước tiên cần phải làm gì? Vì sao phải làm như vậy? Hãy cho biết những phương pháp cần dùng để làm văn bản thuyết minh? c. Hãy cho biết bố cục thường gặp khi làm một bài thuyết minh về ...?	TP - Xác định ND chính cần tóm tắt - Sắp xếp các nội dung chính theo một thứ tự hợp lí - Viết văn bản tóm tắt + Tác dụng của tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm: - Làm cho việc kể chuyện trở nên sinh động sâu sắc hơn, nhân vật, sự việc thêm cụ thể, sinh động + Chú ý khi sử dụng: ko nên lạm dụng yếu tố MT, BC III. Văn bản thuyết minh
--	--

- Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: a. Thuyết minh là giới thiệu, trình bày một đối tượng nào đó cho người hiểu đúng, hiểu rõ một cách trung thực, khách quan, khoa học + VD: thuyết minh về người, hiện tượng tự nhiên, xã hội danh lam thắng cảnh, đồ vật, phương pháp, cách làm... b. + Phải có kiến thức về đối tượng. Vì như vậy thuyết minh mới chính xác. + Có các phương pháp thuyết minh : Miêu tả, giải thích, so sánh, thống kê, nêu ví dụ, phân tích, phân loại... c. Bố cục: - MB: giới thiệu khái quát đối tượng - TB: giới thiệu chi tiết: + Hình dáng bên ngoài + Cấu tạo bên trong. + Cách dùng... - KB: khái quát lại công dụng... Với bài cách làm: - Nguyên vật liệu. - Cách làm *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá: Yêu cầu thành phẩm Yêu cầu h/s nhắc lại các kiểu đề tài thuyết minh và trình bày khái quát từng	* Tính chất, lợi ích của văn bản thuyết minh: - Tính tri thức, khách quan, thực dụng, hữu ích - Tác dụng: cung cấp tri thức về các hiện tượng & sự vật trong tự nhiên, XH * Các VB TM thường gặp:
--	---

kiểu bài (đã học) -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 1. <i>Mục tiêu:</i> HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> Câu trả lời của HS 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ: ?Viết 1 bài văn thuyết minh giới thiệu 1 danh lam thắng cảnh ở địa phương em? *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà - Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv - Dự kiến sản phẩm: Bài văn thuyết minh 1 danh lam thắng cảnh ở địa phương cần trình bày được các tri thức về đối tượng như: +Vị trí +Lịch sử hình thành (nguồn gốc) +Cấu trúc +Hoạt động +Bảo vệ, tôn tạo. *Báo cáo kết quả -Hs: nộp sản phẩm *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá . - Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG,	- TM về đồ dùng - TM về Di tích LS, DLTC - TM(giới thiệu) về 1 tác giả, về 1 nhân vật - TM 1 tác phẩm, 1 thể loại, - TM về động thực vật (cây, con) - TM về 1 hiện tượng tự nhiên, XH + Muốn làm được văn bản thuyết minh cần: phải nghiên cứu, tìm hiểu sự vật hiện tượng cần thuyết minh, nắm được bản chất, đặc trưng của đối tượng cần thuyết minh. Vì văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, tri thức. + Các phương pháp thuyết minh: - Nêu định nghĩa, giải thích - Liệt kê - Nêu ví dụ - Dùng số liệu - So sánh đối chiếu - Phân loại, phân tích * Bố cục khi làm bài văn thuyết minh. - MB: giới thiệu khái quát đối tượng - TB: giới thiệu chi tiết: + Nguồn gốc + Cấu tạo + Công dụng + Cách dùng, bảo quản... - KB: khái quát ý nghĩa đối tượng.. (* Với dạng bài cách làm: - Nguyên vật liệu. - Cách làm - Yêu cầu thành phẩm)
---	--

SÁNG TẠO (01 PHÚT) 1. <i>Mục tiêu:</i> tìm hiểu kỹ hơn về đặc điểm của thể loại văn bản tự sự, thuyết minh 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> HĐ Cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> hs trả lời ra vở soạn 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Sưu tầm các bài văn tự sự, thuyết minh mẫu mực và tham khảo. *Thực hiện nhiệm vụ Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà *Báo cáo kết quả -Hs: trả lời ra vở soạn văn *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá . - Giáo viên nhận xét, đánh giá	
---	--

* Dặn dò: Ôn bài theo hệ thống

- Tiếp tục chuẩn bị bài Ôn tập phần TL Văn

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

Tuần 34:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 34 - Tiết 134:

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kĩ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU <i>1. Mục tiêu:</i> - Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cá nhân. <i>3. Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng <i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <i>5. Tiến trình hoạt động:</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể tên các thể loại tương ứng với phương thức biểu đạt đã học trong chương trình ngữ văn 8? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho	

hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Tự sự, thuyết minh, nghị luận, điều hành (tường trình, thông báo) *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs trả lời -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Hôm nay chúng ta tiếp tục ôn tập phần TLV, khái quát những điểm giống và khác giữa các loại văn bản... ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học HOẠT ĐỘNG 2: ÔN, LUYỆN TẬP Hoạt động 1 : Văn bản nghị luận 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức, kĩ năng về văn bản nghị luận 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi. - Giáo viên yêu cầu: ? Thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận? Vai trò của luận điểm trong bài văn nghị luận? Hãy nêu một ví dụ về luận điểm và nêu các tính chất của nó? ? Văn bản nghị luận có thể vận dụng kết hợp sử	IV. Văn bản nghị luận
---	------------------------------

dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm như thế nào? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: * Luận điểm : Là ý kiến, quan điểm của người viết để làm rõ, song tỏ vấn đề cần bàn luận - Luận điểm có vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận: linh hồn của bài * Luận cứ : Lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh luận điểm + Lập luận: cách nêu, sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hoạt động 2 : Văn bản điều hành:	+ Luận điểm trong bài văn Nghị luận: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định hay phủ định, được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán - Luận điểm có vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận + Luận cứ: lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh làm rõ luận điểm. + Lập luận: cách nêu , sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm + Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận: - cần kết hợp linh hoạt, sáng tạo các yếu tố Tự sự, miêu tả, biểu cảm. - Giúp bài văn nghị luận trở nên cụ thể, sinh động, gợi cảm hơn, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn
--	--

Tường trình: Không cần Thể thức kết thúc: Thông báo có nơi gửi, Tường trình có lời cam đoan của người viết Tường trình *Báo cáo kết quả -Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời -Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. 2. Phương thức thực hiện: cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ: ?Viết 1 đoạn văn thuyết minh trình bày luận điểm: Học phải đi đôi với hành? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà - Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv - Dự kiến sản phẩm: Đoạn văn trình bày luận điểm theo cách quy nạp hoặc diễn dịch. *Báo cáo kết quả -Hs: nộp sản phẩm	- TB: truyền đạt nội dung yêu cầu từ cấp trên xuống cấp dưới Cách viết: - Giống: trình bày trang trọng rõ ràng, bố cục 3 phần bắt buộc: thể thức mở đầu, nội dung cụ thể, thể thức kết thúc. - Khác: +Thể thức mở đầu thông báo: trình bày tên đơn vị & cơ quan trực thuộc Tường trình: Không cần + Thể thức kết thúc: Thông báo có nơi gửi, Tường trình có lời cam đoan của người viết Tường trình
---	--

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (01 PHÚT)

1. Mục tiêu: tìm hiểu kỹ hơn về đặc điểm của thể loại văn bản tự sự, thuyết minh
2. Phương thức thực hiện: HĐ Cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: hs trả lời ra vở soạn
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sưu tầm các bài văn nghị luận và hành chính mẫu mực và tham khảo.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Học sinh tiếp nhận

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trả lời ra vở soạn văn

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

* Dặn dò: - Ôn bài theo hệ thống

- Chuẩn bị giấy bút tiết sau Kt tổng hợp

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

Tuần 34:

Ngày soạn:

Ngày dạy

KIỂM TRA HỌC KÌ II

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Có điều kiện để vận dụng những kiến thức đã học môn Ngữ văn ở HK II để làm bài kiểm tra HK có chất lượng. Giúp GV đánh giá được chất lượng học tập của HS để năm sau có sự điều chỉnh phương pháp dạy – học phù hợp.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng làm bài kiểm tra HK, rèn kĩ năng trình bày, diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết của mình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử. Năng lực huy động kiến thức và trình bày bài kiểm tra HK.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn giáo án, tham khảo tài liệu. Ra đề, biểu đ chấm

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập, kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Phần I. MA TRẬN ĐỀ

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng số
I. Đọc – hiểu Ngữ liệu: Văn bản văn học	Nêu được tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh st của tp.	Chỉ ra và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong ngữ liệu đưa ra	Lí giải về một vấn đề đặt ra trong đoạn ngữ liệu.		
			Viết được một đoạn văn: rút ra bài học từ nội dung của ngữ liệu.	.	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>1</i> <i>0,75</i>	<i>1</i> <i>1,0</i>	<i>2</i> <i>1,25</i>		<i>4</i> <i>3,0</i>
<i>Tỉ lệ</i>	<i>7,5%</i>	<i>10%</i>	<i>12.5%</i>		<i>30%</i>
II. Tạo lập văn bản			Viết đoạn văn về vấn đề gợi ra từ ngữ liệu Đọc - hiểu	Viết một bài văn nghị luận, liên hệ	

				đến một vấn đề trong cuộc sống.	
Số câu Số điểm			1 2,0	1 5,0	2 7,0
Tỉ lệ			20%	50%	70%
Tổng số câu Tổng số điểm	1 0,75	1 0,75	3 3,5	1 5,0	6 10,0
Tỉ lệ % điểm toàn bài	7,5%	7,5%	35%	50%	100%

Phần II. Đề bài

I: Đọc hiểu: (4 điểm) **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Văn bản có đoạn văn trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào? (0,75 điểm)
- Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? (0,5 điểm)
- Hai câu văn trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào? (1 điểm)
- Từ nội dung đoạn văn trên em rút ra được bài học gì cho mình trong cuộc sống ? (Viết thành 1 đoạn văn khoảng 4 - 6 câu)(0.75đ)

II: Làm văn (6 điểm)

Câu 1. Từ vấn đề gợi ra trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 1 đoạn văn ngắn từ 5- 7 câu nêu cảm nghĩ của em về lòng yêu nước ngày nay? Là học sinh em sẽ làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? (2 điểm)

Câu 2: Hãy nói không với tệ nạn ma túy.

Phần III: Đáp án, biểu điểm.

Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm)

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm).

2. Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ căm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm).

3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật (0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm).

4. * HS có thể rút ra một số bài học sau (0,5 điểm):

- Phải biết trân trọng cuộc sống đang có...
- Phải biết ơn những người đã hi sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay...
- Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước...

* Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát,... (0,25 điểm).

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

1. Yêu cầu kỹ năng (0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức (1,5 điểm):

- Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào... (0,75 điểm)

- Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình..... (0,75 điểm):

Câu 2: (5,0 điểm).

1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm):

- Viết thành một bài văn hoàn chỉnh.
- Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát.
- Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính xác.
- Viết đúng chính tả.
- Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp.
- Đảm bảo bố cục 3 phần.
- Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận

2. Yêu cầu về nội dung (4,5 điểm):

a. Mở bài : (0,5 điểm)

- GT vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài: (3,5 điểm)

*Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm)

*Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm)

*Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm)

*Tác hại:

- Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm)

- Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm)

- Với xã hội.... (0,5 điểm)

*Giải pháp: (0,5 điểm)

- Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh.

- Không giao du với người nghiện ma túy. Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ...

- Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy

- Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe...

c. Kết bài: (0,5 điểm)

- KĐ lại vấn đề.

- Nhận thức, hành động của bản thân, lời khuyên...

4. Dặn dò:

- GV nhận xét giờ kiểm tra

- Chuẩn bị: văn bản thông báo

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....

26

=====

Tuần 35:

Ngày soạn:

Ngày dạy

Bài 34-Tiết :

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Những tình huống cần viết văn bản thông báo , đặc điểm của văn bản thông báo và biết cách làm văn bản thông báo đúng quy cách .

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học:

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	- Dạy học nghiên cứu tình huống. - Dạy học hợp tác	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 3: Luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ... *Báo cáo kết quả - Gv: gọi hs trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một thể loại trong văn bản hành chính công vụ đó là văn bản thông báo. Vậy thế thức viết một văn bản thông báo ntn cô sẽ hướng dẫn cho các em trong tiết học này.> Giáo viên nêu mục tiêu bài học HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	

MỞI: Hoạt động 1 : Đặc điểm chung của văn bản thông báo. <i>1. Mục tiêu:</i> - Củng cố các kiến thức về tính thống nhất của chủ đề vb. - Rèn kĩ năng viết đoạn văn theo chủ đề. <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. <i>3. Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng <i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <i>5. Tiến trình hoạt động:</i> *Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi. -Giáo viên yêu cầu: Cho hs đọc 2 văn bản thông báo sgk /140 ? Trong văn bản trên ai là người thông báo ,ai là người nhận thông báo ,mục đích thông báo là gì . - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên:quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: - Văn bản 1: + Người thông báo là hiệu trưởng (phó hiệu trưởng thay mặt) .Người nhận thông báo là gvcn và lớp trưởng các lớp + Mục đích : Giúp các lớp nắm được mục đích , ý nghĩa kế hoạch duyệt văn nghệ để thực hiện đúng lịch ,có hiệu quả	I. Đặc điểm của văn bản thông báo : 1 – Ví dụ :
--	---

- Văn bản 2 : + Người thông báo là liên đội trưởng .Người nhận là các chi đội +Mục đích : Giúp các chi đội nắm được chủ trương kế hoạch Đại hội liên đội *Báo cáo kết quả -Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời -Hs:trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng *Chuyển giao nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân. -Giáo viên yêu cầu: ? Tại sao đối tượng nhận thông báo 2 văn bản trên là giáo viên chủ nhiệm và hs mà ko phải là những người khác . - Những người có liên quan ,quan tâm đến nội dung cần thông báo ? Nội dung thông báo ở 2 văn bản là gì . GV : 2 văn bản trên gọi là văn bản thông báo ?Vậy văn bản thông báo là gì. Vd : Thông báo: - Kế hoạch lao động - Lịch thi ,lịch nghỉ hè ,nghỉ tết - Thời gian làm việc mùa hè ,mùa đông ? Nhận xét thể thức của 2 văn bản thông báo (nội dung ,quy định ,thời gian , địa điểm được nêu trong văn bản thông báo) 1. Cụ thể ,chính xá Hoạt động 2 : Cách làm văn bản thông báo. 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về văn bản thông báo,	2 - Nhận xét : Văn bản thông báo : Truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan , đoàn thể ,tổ chức cho những người dưới quyền hoặc những người quan tâm đến nội dung thông báo được biết để thực hiện -Văn bản thông báo cho biết ai thông báo ,thông báo cho ai ,nội dung công việc ,quy định ,thời gian , địa điểm ,cụ thể ,chính xác.
--	---

- Rèn kĩ năng viết văn bản thông báo. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động chung cả lớp. 3. <i>Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. <i>Tiến trình hoạt động:</i> *Chuyển giao nhiệm vụ 1: - Giáo viên yêu cầu: Gv : Đọc các tình huống trong sgk 142 ? Trong các tình huống trên tình huống nào phải viết thông báo . Nếu viết thì ai là người thông báo và thông báo cho ai . ?Những mục nào bắt buộc phải có trong 2 văn bản thông báo . ? Các mục ấy được trình bày như thế nào . - Học sinh tiếp nhận *Báo cáo kết quả -Gv: gọi hs trả lời -Hs:trả lời a)Viết tường trình (cơ quan công an) b ,c) Viết thông báo - Người viết : Hiệu trưởng ,phó hiệu trưởng (b) liên đội trưởng (c) - Người nhận : + Gv và hs + Các chi đội TNTPHCM toàn trường Quan sát 2 văn bản thông báo *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	II . Cách làm văn bản thông báo . 1. Tình huống cần làm văn bản thông báo . 2. Cách làm văn bản thông báo:
--	---

1. <i>Mục tiêu:</i> HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> Câu trả lời của HS 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ: ?Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp. *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà - Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv - Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học. *Báo cáo kết quả -Hs: nộp sản phẩm *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá . - Giáo viên nhận xét, đánh giá HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG (01 PHÚT) 1. <i>Mục tiêu:</i> tìm hiểu kỹ hơn về thể thức của văn bản thông báo. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> HĐ Cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động:</i> hs trả lời ra vở soạn 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá:</i> -Hs: đánh giá lẫn nhau -Gv: đánh giá hs 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Sưu tầm các văn bản thông báo, chuẩn mẫu đọc và tham khảo.	Phải tuân thủ thể thức hành chính ,có ghi tên cơ quan ,số công văn ,quốc hiệu tiêu ngữ ,tên văn bản ,ngày tháng ,người nhận , người thông báo, chức vụ người thông báo * Ghi nhớ /sgk củng cố :
---	--

*Thực hiện nhiệm vụ Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà *Báo cáo kết quả -Hs: trả lời ra vở soạn văn *Đánh giá kết quả - Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá . - Giáo viên nhận xét, đá	
--	--

* Dặn dò:

- Ôn bài theo hệ thống
- Tiếp tục chuẩn bị bài giờ sau luyện tập.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

26

=====

Tuần 35:

Ngày soạn: 25

Ngày dạy: / 05/2019

/ 05/2019

Bài 34-Tiết 138 :

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kiến thức chung:
 - + củng cố lại những hiểu biết và rèn kỹ năng về văn bản hành chính;
 - + Biết viết được một loại văn bản hành chính phù hợp.
- Kiến thức trọng tâm:
 - + Hệ thống kiến thức về văn bản hành chính.
 - + Mục đích, yêu cầu cấu tạo của văn bản thông báo.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- GD HS có ý thức trung thực khi viết VBTB 2. **Kĩ năng**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học:

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	- Dạy học nghiên cứu tình huống. - Dạy học hợp tác	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 3: Luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) 1. Mục tiêu: -Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài	I.Ôn tập lí thuyết

2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới? - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ... *Báo cáo kết quả - Gv: gọi hs trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống hóa lại các kiến thức về văn bản thông báo đã học ở tiết trước. -> Giáo viên nêu mục tiêu bài học	Câu 1 (SGK-148) - Tình huống cần viết VBTB: Cấp trên hoặc tổ chức, cơ quan, đảng, nhà nước cần báo cho cấp dưới hoặc nhân dân biết về một vấn đề, chủ trương, chính sách, việc làm... 2. Nội dung và thể thức của VBTB - Nội dung: Gồm 3 phần - VBTB tuân thủ theo thể thức hành chính: Có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu, tiêu ngữ, tên VB, ngày tháng làm VB, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông
---	--

1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về văn bản thông báo. - Rèn kĩ năng viết văn bản thông báo. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá	báo thì mới có hiệu lực. - ND VBTB thường là: các VB của nhà nước ở cấp cao thông báo với nhân dân về một vấn đề có tầm quan trọng nhất định - VBTB có những mục đích: Cơ quan lãnh đạo cấp trên truyền đạt công việc cho cấp dưới để phổ biến tình hình cho cấp dưới biết và thực hiện 3. VBTB và VBTT có những điểm giống và khác nhau: * Giống: đều là VB điều hành chính, tuân theo những phần mục nhất định. * Khác nhau: - VBTB là cấp trên gửi xuống cấp dưới - VBTT là trình bày thiệt hại hay mức độ sự việc xảy ra cần xem xét II. Luyện Tập :
--	---

? Tình huống cần viết VBTB? Ai thông báo và thông báo cho ai? ? Nhận xét thể thức của 2 văn bản thông báo (nội dung ,quy định ,thời gian , địa điểm được nêu trong văn bản thông báo) ? Nội dung và thể thức của VBTB? ? Nội dung của VBTB thường là gì? ? VBTB có những mục đích gì? ? VBTB và VBTT có những điểm giống và khác nhau ntn? 1. Mục tiêu: - củng cố các kiến thức kĩ năng về vb thông báo. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động chung cả lớp. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi. - Giáo viên yêu cầu: ? Thế nào là văn bản tường trình, VB thông báo ? Phân biệt mục đích cách viết 2 loại văn bản này - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên:quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: *Báo cáo kết quả -Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời -Hs:trả lời *Đánh giá kết quả	Bài tập 3 (SGK-150) - Một số tình huống viết thông báo: + Nhà trường thông báo thời hạn nhận đơn nhập học (lớp 5-6-10). + Họp phụ huynh, nghỉ các ngày lễ tết + Trưởng xóm thông báo vệ sinh đường làng ngõ xóm..
---	--

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bài	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. Phương thức thực hiện: cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

- Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG VÀ TÌM TÀI MỞ RỘNG (01 PHÚT)

1. Mục tiêu: tìm hiểu kỹ hơn về thể thức của văn bản thông báo.

2. Phương thức thực hiện: HĐ Cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: hs trả lời ra vở soạn

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-Gv: đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sưu tập các văn bản thông báo, chuẩn mẫu đọc và tham khảo.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh:làm việc cá nhân ở nhà

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trả lời ra vở soạn văn

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Dặn dò:

- Ôn bài theo hệ thống

- Tiếp tục chuẩn bị bài giờ sau luyện tập.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....

26

Tuần 35:

Ngày soạn: 25

Ngày dạy: / 05/2019

/05 /2019

Bài 34-Tiết 139 :

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Nắm được từ ngữ xưng hô ở địa phương nơi mình đang sinh sống hoặc địa phương khác trong tỉnh Hà Nam

- Thấy được vai trò của việc sử dụng từ xưng hô địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong tác phẩm văn học

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng lựa chọn, sử dụng từ xưng hô địa phương hợp lý trong khi nói và viết.

3. Thái độ : Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

4. Năng lực: - tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực đánh giá.

- Năng lực tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học:

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
Hoạt động 1: Mở đầu	- Dạy học nghiên cứu tình huống. - Dạy học hợp tác	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 3: Luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
Hoạt động 4 : Vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3 phút) <i>1. Mục tiêu:</i> -Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cá nhân. <i>3. Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng <i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <i>5. Tiến trình hoạt động:</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Hãy kể một số từ ngữ địa phương nơ em	

sinh sống - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: *Báo cáo kết quả - Gv: gọi hs trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống các từ ngữ địa phương ở một số địa phương của Hf Nam ta -> Giáo viên nêu mục tiêu bài học *Chuyển giao nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm. - Giáo viên yêu cầu: ? Lập bảng từ ngữ địa phương 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về từ ngữ địa phương. 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động chung cả lớp. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi.	I. Lập bảng từ ngữ địa phương :
---	--

- Giáo viên yêu cầu: ? Thế nào là văn bản tường trình, VB thông báo ? Phân biệt mục đích cách viết 2 loại văn bản này - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bài Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở ghi B. HOẠT ĐỘNG ÔN, LUYỆN TẬP 1. Mục tiêu: - củng cố các kiến thức, kỹ năng về văn bản thông báo 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi. - Giáo viên yêu cầu: ? Tìm các từ xưng hô và cách xưng hô ở địa	VD : Ngôi thứ hai : <table border="0"> <tr> <td>Từ ngữ toàn dân</td><td>Từ ngữ địa phương</td></tr> <tr> <td>Ông Ngoại</td><td>Ông cậu</td></tr> <tr> <td>Bà ngoại</td><td>Bà cậu</td></tr> <tr> <td>Ông nội</td><td>Ông chú</td></tr> <tr> <td>Bà nội</td><td>Bà chú</td></tr> <tr> <td>.....</td><td></td></tr> </table> II. Luyện tập :	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ địa phương	Ông Ngoại	Ông cậu	Bà ngoại	Bà cậu	Ông nội	Ông chú	Bà nội	Bà chú		
Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ địa phương												
Ông Ngoại	Ông cậu												
Bà ngoại	Bà cậu												
Ông nội	Ông chú												
Bà nội	Bà chú												
.....													

phương em và ở những địa phương khác mà em biết *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: * Luận điểm : Là ý kiến, quan điểm của người viết để làm rõ, song tỏ vấn đề cần bàn luận - Luận điểm có vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận: linh hồn của bài * Luận cứ : Lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh luận điểm + Lập luận: cách nêu, sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Chuyển giao nhiệm vụ 2: 1. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức, kĩ năng về văn bản thông báo 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động theo nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động:	1. Bài 1 : - Các từ xưng hô trong các đoạn trích trên : u, tôi, con, moi - Từ địa phương : u - Từ toàn dân : tôi, con - Từ “ moi” là từ không thuộc lớp từ địa phương, cũng không phải từ toàn dân
--	--

*Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi. Giáo viên yêu cầu: ? Đọc bài tập ? Đồng tình với cách xưng hô nào ? vì sao? HS : đồng tình với cách xưng hô : bạn – mình. Vì nó lịch sự, tế nhị và gần gũi ? Cách xưng hô của em với các bạn hiện nay như thế nào ? em có nhận xét gì về cách xưng hô đó của mình và các bạn? *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm: luận cứ để dẫn tới luận điểm *Báo cáo kết quả - Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời - Hs: trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức	2. Bài 2 : 3. Bài 5 :
---	-------------------------------------

Dặn dò:

- Ôn bài theo hệ thống
- Tiếp tục chuẩn bị bài giờ sau luyện tập.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

Tuần 35:

Ngày soạn: 25

Ngày dạy: / 05/2019

/ 05/2019

**Bài 34-Tiết 140 :
TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II**

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Kiến thức chung:
 - + củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học.
 - + Tự đánh giá kiến thức, trình độ của mình và so sánh với các bạn trong lớp.
- Kiến thức trọng tâm: Tự đánh giá ưu, nhược điểm trong bài thi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục HS ý thức nghiêm túc nhìn nhận và sửa những lỗi sai.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- a. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn bài, chấm bài.
- b. Chuẩn bị của học sinh: xem lại đáp án bài mình đã làm.

IV. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

- 1. Ổn định tổ chức lớp: (1')

2. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

3. Bài mới

Hôm nay cô sẽ trả bài kiểm tra cuối học kì II cho các em, để các em thấy được kết quả và cách đánh giá kiến thức kĩ năng vận dụng trình bày để giải quyết yêu cầu mà bài kiểm tra đưa ra. Đồng thời các em cũng sẽ nhận thấy những mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
GV y/c HS nhắc lại ND câu hỏi ở trong bài KT cuối học kì II ? Xác định mục đích của từng câu hỏi và cách trả lời? Gọi HS trả lời lại các câu hỏi GV chữa bài theo đáp án tiết 137, 138. GV nhận xét mặt mạnh, yếu trong bài viết của HS HS đọc bài điểm giỏi: HS đọc 1 bài điểm khá: HS đọc 1 bài điểm yếu:	I. Đề bài II. Đáp án và biểu điểm Phần III: Đáp án, biểu điểm. Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm) 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm). 2. Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ cảm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm). 3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật(0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm). 4. * HS có thể rút ra một số bài học sau(0,5 điểm): - Phải biết trân trọng cuộc sống đang có... - Phải biết ơn những người đã hi

GV thống kê một số lỗi trong bài văn của HS và gọi HS sửa HS khác lắng nghe và tự nhận ra sai sót trong bài mình để rút kinh nghiệm cho bài sau.	sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay... - Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước... * Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát,... (0,25 điểm). Phần II: Làm văn (7 điểm) Câu 1(2,0 điểm). 1. Yêu cầu kỹ năng(0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả. 2. Yêu cầu về kiến thức(1,5 điểm): - Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào... (0,75 điểm) - Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình.....(0,75 điểm): Câu 2:(5,0 điểm). 1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm): - Viết thành một bài văn hoàn chỉnh. - Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát. - Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính xác. - Viết đúng chính tả. - Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp.
--	---

	- Đảm bảo bố cục 3 phần. - Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận 2. Yêu cầu về nội dung(4,5 điểm): a. Mở bài : (0,5 điểm) - GT vấn đề cần nghị luận. b. Thân bài: (3,5 điểm) *Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm) *Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm) *Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm) *Tác hại: - Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm) - Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm) - Với xã hội.... (0,5 điểm) *Giải pháp: (0,5 điểm) - Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh. - Không giao du với người nghiện ma túy. Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ... - Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy - Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe... c. Kết bài: (0,5 điểm) - KĐ lại vấn đề. - Nhận thức, hành động của bản thân,
--	--

